

**THPT CHU VĂN AN**

**Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức**

**Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An**

**SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**  
**CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

**LỚP 10A1**

**NĂM HỌC: 2024-2025**



**THPT CHU VĂN AN**

**Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức**

**Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An**

# **SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

## **CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

**TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**  
**THPT CHU VĂN AN**

**Xã (phường, thị trấn): Thị trấn Cần Đức**

**Huyện (quận, TX, TP thuộc tỉnh): Huyện Cần Đức**

**Tỉnh(thành phố): Tỉnh Long An**

**Lớp 10A1 Năm học: 2024-2025**

**GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Hiệu trưởng**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Nguyễn Thị Huyền Trân**

**Nguyễn Minh Triều**



## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

1. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) được quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
2. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) do nhà trường quản lý và sử dụng.
3. Giáo viên môn học trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) đầy đủ các thông tin cần thiết của môn học do giáo viên phụ trách, khớp với các thông tin trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học. Trường hợp có nhiều giáo viên cùng tham gia dạy học thì các giáo viên môn học cùng kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học.  
  
Giáo viên chủ nhiệm trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) những thông tin thuộc nhiệm vụ quy định cho giáo viên chủ nhiệm lớp.
4. Không ghi bằng mực đỏ (trừ trường hợp sửa chữa), các loại mực có thể tẩy xóa được; việc ghi Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) phải cập nhật đúng tiến độ thời gian theo kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn và bảo quản, giữ gìn cẩn thận, sạch sẽ.
5. Khi sửa chữa dùng bút đỏ gạch ngang nội dung cũ, ghi nội dung mới vào phía trên bên phải vị trí ghi nội dung cũ, ký xác nhận về sự sửa chữa ở ngay cạnh hoặc ở cột Ghi chú.
6. Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học chỉ cung cấp các thông tin về kết quả rèn luyện và học tập của học sinh trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) cho riêng từng học sinh hoặc cha mẹ học sinh.

SƠ YẾU LÝ LỊCH HỌC SINH

| Số TT | Họ và tên                | Ngày, tháng, năm sinh | Nơi sinh                                       | Dân tộc | Nam/ Nữ | Đối tượng ưu tiên | Địa chỉ gia đình                                                         |
|-------|--------------------------|-----------------------|------------------------------------------------|---------|---------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| 1     | Nguyễn Hoàng Khánh An    | 06/12/2009            | Bệnh viện Hùng Vương - TP Hồ Chí Minh          | Kinh    | Nữ      |                   | 207, khu 1B, Thị trấn Cẩn Đức, Huyện Cẩn Đức, Long An                    |
| 2     | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | 16/03/2009            | Tỉnh Long An                                   | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp Đồng Nhứt, xã Tân Chánh, huyện Cẩn Đức, tỉnh Long An                  |
| 3     | Lê Phạm Tuấn Anh         | 10/11/2009            | BV Đa khoa Cẩn Giועc tỉnh Long An              | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Long Mỹ Xã Mỹ Lệ Huyện Cẩn Đức                                        |
| 4     | Ngô Phương Ngọc Ánh      | 09/10/2009            | Bạc Liêu                                       | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp 2B, Xã Tân Ân, huyện Cẩn Đức, tỉnh Long an                            |
| 5     | Trương Vỹ Ân             | 05/10/2009            | Bệnh viện Hùng Vương - TP Hồ Chí Minh          | Kinh    | Nam     |                   | Ấp 4 xã Phước Đông huyện Cẩn Đức tỉnh Long An                            |
| 6     | Ngô Hoài Bảo             | 23/06/2009            | Tỉnh Long An                                   | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Bà Nghia, xã Tân Chánh, huyện Cẩn Đức, tỉnh Long An                   |
| 7     | Trần Bảo Châu            | 09/05/2009            | Long An                                        | Kinh    | Nữ      |                   | Khu 8 , Thị Trấn Cẩn Đức , huyện Cẩn Đức, tỉnh Long An                   |
| 8     | Trần Đại Thành Công      | 27/09/2009            | Bắc Ninh                                       | Kinh    | Nam     |                   | 233, tổ 20 Khu 1A, Thị trấn Cẩn Đức, Huyện Cẩn Đức, Long An              |
| 9     | Đỗ Hoàng Dung            | 24/03/2009            | Từ Dũ- TPHCM                                   | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp 3, xã Phước Tuy, huyện Cẩn Đức, tỉnh Long An                          |
| 10    | Trần Văn Định            | 12/08/2009            | Bệnh viện đa khoa Cẩn Đức-Long An              | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Láng, xã Tân Chánh, huyện cẩn Đức, tỉnh Long An                       |
| 11    | Nguyễn Phước Đức         | 20/10/2009            | Long An                                        | Kinh    | Nam     |                   | ấp 5, xã Phước Đông, huyện Cẩn Đức, tỉnh Long An                         |
| 12    | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | 25/09/2009            | Bệnh viện Hùng Vương                           | Kinh    | Nam     |                   | Ấp 2A, xã Tân Ân, huyện Cẩn Đức, tỉnh Long An                            |
| 13    | Nguyễn Trung Hiếu        | 09/02/2009            | Bệnh Viện Đa Khoa Long An                      | Kinh    | Nam     |                   | Ấp 4 , Xã Tân Ân, Huyện Cẩn Đức, Tỉnh Long An                            |
| 14    | Lê Thị Tuyết Hồng        | 29/08/2009            | Bệnh viện Từ Dũ, Hồ Chí Minh                   | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp Xóm Mới, Xã Tân Lân, Huyện Cẩn Đức, Tỉnh Long An                      |
| 15    | Lê Quốc Huy              | 27/12/2009            | Long An                                        | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Bình Hòa, Xã Tân Lân, Huyện Cẩn Đức, Tỉnh Long An                     |
| 16    | Nguyễn Khang             | 24/02/2009            | Bệnh viện Từ Dũ Tp.HCM                         | Kinh    | Nam     |                   | Ấp 5, xã Phước Đông, huyện Cẩn Đức, tỉnh Long An                         |
| 17    | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | 06/07/2009            | Cẩn Đức, Long An                               | Kinh    | Nữ      |                   | 194, Khu 4, Thị trấn Cẩn Đức, Huyện Cẩn Đức, Long An                     |
| 18    | Trần Thị Kiều My         | 19/06/2009            | Bệnh viện Đa khoa Cẩn Đức - Long An            | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp Hòa Quới, xã Tân Chánh , huyện Cẩn Đức, tỉnh Long An                  |
| 19    | Tăng Bùi Hoàng Nam       | 22/10/2009            | Bệnh viện Từ Dũ, Tp. Hồ Chí Minh               | Kho-me  | Nam     |                   | Ấp Xóm Chùa, Xã Tân Lân, Huyện Cẩn Đức, Tỉnh Long An                     |
| 20    | Vân Thị Mai Nhi          | 23/11/2009            | Bệnh Viện Đa Khoa Hậu Nghĩa, Tỉnh Long An      | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp 2A , Xã Tân Ân, Huyện Cẩn Đức, Tỉnh Long An                           |
| 21    | Trần Ngọc Huỳnh Như      | 30/10/2009            | Cẩn Đức, Long An                               | Kinh    | Nữ      |                   | 195, ấp Vạn Phước, xã Mỹ Lệ, huyện Cẩn Đức, tỉnh Long An                 |
| 22    | Trương Vĩnh Phú          | 16/09/2009            | Long An                                        | Kinh    | Nam     |                   | 72. Trần Hưng Đạo,Khu 5 , Thị Trấn Cẩn Đức , huyện Cẩn Đức, tỉnh Long An |
| 23    | Phạm Hữu Phúc            | 19/10/2009            | Bệnh viện Hùng Vương, Quận 5, Thành phố Hồ Chí | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Nhà Trường, Xã Tân Lân, Huyện Cẩn Đức, tỉnh Long An                   |
| 24    | Trần Thanh Phúc          | 09/05/2009            | Tp. Hồ Chí Minh                                | Kinh    | Nam     |                   | Ấp 2, xã Phước Tuy, huyện Cẩn Đức, tỉnh Long An                          |
| 25    | Lê Thị Kim Phụng         | 22/06/2009            | BV Đa khoa huyện U Minh tỉnh Cà Mau            | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp Tân Mỹ, Xã Mỹ Lệ, Huyện Cẩn Đức, Tỉnh Long An                         |
| 26    | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | 27/07/2009            | Thành Phố Hồ Chí Minh                          | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Đông Trung, Xã Tân Chánh, Huyện Cẩn Đức, Tỉnh Long An                 |
| 27    | Trần Thị Ngọc Quyền      | 23/12/2009            | Bệnh viện Cẩn Đức, Long An                     | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp Xóm Chùa , Xã Tân Lân, Huyện Cẩn Đức, tỉnh Long An                    |
| 28    | Đỗ Hoàng Thái            | 07/12/2009            | Bệnh viện đa khoa Cẩn Đức, tỉnh Long An        | Kinh    | Nam     |                   | Ấp 6, Xã Phước Đông, Huyện Cẩn Đức, Tỉnh Long An                         |
| 29    | Nguyễn Minh Thái         | 03/04/2009            | Bệnh viện Từ Dũ- TP Hồ Chí Minh                | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Láng, xã Tân Chánh, huyện cẩn Đức, tỉnh Long An                       |
| 30    | Nguyễn Thị Trang Thanh   | 23/10/2009            | Thành Phố Hồ Chí Minh                          | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp Đồng Nhì , Xã Tân Chánh, Huyện Cẩn Đức, Tỉnh Long An                  |
| 31    | Lê Tiến Thành            | 11/03/2009            | Huyện Cẩn Giועc, Long An                       | Kinh    | Nam     |                   | Ấp 7, xã Tân Ân, huyện Cẩn Đức, tỉnh Long An                             |
| 32    | Trà Thanh Thiên          | 17/04/2009            | Bệnh viện Hùng Vương, Tp. Hồ Chí Minh          | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Nhà Trường, Xã Tân Lân, Huyện Cẩn Đức, Tỉnh Long An                   |
| 33    | Nguyễn Đức Thiện         | 24/10/2009            | Bệnh viện Cẩn Đức, Long An                     | Kinh    | Nam     |                   | Ấp 2, Xã Phước Đông, Huyện Cẩn Đức, Tỉnh Long An                         |
| 34    | Lê Anh Thư               | 02/08/2009            | Bệnh viện đa khoa huyện Cẩn Đức, tỉnh Long An  | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp Cầu Xây, Xã Tân Lân, Huyện Cẩn Đức, Tỉnh Long An                      |
| 35    | Trần Thủy Trang          | 02/04/2009            | Bệnh viện đa khoa Cẩn Đức,tỉnh Long An         | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp 3, Xã Tân An, Huyện Cẩn Đức, Tỉnh Long An                             |
| 36    | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | 28/08/2009            | Bệnh viện Đa Khoa - Cẩn Đức - Long An          | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp Láng, xã Tân Chánh, huyện Cẩn Đức, tỉnh Long An                       |
| 37    | Nguyễn Thị Quế Trần      | 11/03/2009            | Bệnh viện Đa khoa Cẩn Đức, Long An             | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp Hòa Quới, xã Tân Chánh, huyện Cẩn Đức, tỉnh Long An                   |
| 38    | Lưu Bảo Trúc             | 21/10/2009            | Bệnh viện Đa Khoa - Cẩn Đức - Long An          | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp Đồng Nhì, xã Tân Chánh, huyện Cẩn Đức, tỉnh Long An                   |
| 39    | Nguyễn Nhật Trường       | 21/02/2009            | Bệnh viện Hùng Vương, Tp. Hồ Chí Minh          | Kinh    | Nam     |                   | Ấp 2, Xã Phước Đông, Huyện Cẩn Đức, Tỉnh Long An                         |
| 40    | Nguyễn Trung Nhật Trường | 08/03/2009            | Quận Ô Môn-Cần Thơ                             | Kinh    | Nam     |                   | Khu 1B- TT Cẩn Đức, huyện Cẩn Đức, tỉnh Long An                          |
| 41    | Phạm Anh Tuyền           | 12/09/2009            | Bệnh viện Từ Dũ, TP. Hồ Chí Minh               | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp 6, Xã Tân An, Huyện Cẩn Đức, Tỉnh Long An                             |
| 42    | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | 23/03/2009            | Bệnh viện Cẩn Đức, Long An                     | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp Nhà Thờ, xã Tân Lân, huyện Cẩn Đức, tỉnh Long An                      |
| 43    | Bùi Thanh Tùng           | 06/04/2009            | Thành phố Hồ Chí Minh                          | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Hòa Quới, xã Tân Chánh, huyện Cẩn Đức, tỉnh Long An                   |
| 44    | Nguyễn Thị Thủy Vân      | 18/12/2009            | Bệnh viện An Bình - Quận 5, TP. Hồ Chí Minh    | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp Ao Gõn, Xã Tân Lân, Huyện Cẩn Đức, Tỉnh Long An                       |
| 45    | Đỗ Ngọc Vĩ               | 17/09/2009            | Bệnh Viện Cẩn Đức, Long An                     | Kinh    | Nam     |                   | Khu 7 , Thị Trấn Cẩn Đức , huyện Cẩn Đức, tỉnh Long An                   |
| 46    | Nguyễn Hoàng Việt        | 29/10/2009            | BV Đa khoa Cẩn Giועc tỉnh Long An              | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Chợ Trạm, Xã Mỹ Lệ, Huyện Cẩn Đức, Tỉnh Long An                       |
| 47    | Nguyễn Thị Vy            | 11/03/2009            | Bệnh Viện Đa Khoa Cẩn Đức, Long An             | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp 4 , Xã Tân Ân, Huyện Cẩn Đức, Tỉnh Long An                            |

| Số TT | Họ và tên cha, nghề nghiệp, điện thoại, email<br>(hoặc người giám hộ) | Họ và tên mẹ, nghề nghiệp điện thoại, email<br>(hoặc người giám hộ) | Những thay đổi cần chú ý trong năm học<br>(gia đình, sức khỏe, nơi ở ...) |
|-------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1     | Nguyễn Hoàng Duy - Công An                                            | Nguyễn Lại Thủy Thu Hằng - Công chức                                |                                                                           |
| 2     |                                                                       | Nguyễn Thị Trúc Ly - Tự do                                          |                                                                           |
| 3     | Lê Công Chính - Buôn bán                                              | Phạm Thị Thu Hồng - Buôn bán                                        |                                                                           |
| 4     | Ngô Trúc Phương - Buôn bán                                            | Khuru Trần Thị - Buôn bán                                           |                                                                           |
| 5     | Trương Văn Mưa - Tài xế                                               | Nguyễn Thị Kim Loan - Công nhân                                     |                                                                           |
| 6     | Ngô Văn Nang - Buôn bán                                               | Huỳnh Thị Huyền Trang - Buôn bán                                    |                                                                           |
| 7     | Trần Tấn Ngọc - Thợ hồ                                                | Nguyễn Thị Phấn - Nội trợ                                           |                                                                           |
| 8     | Trần Huy Tường - Kinh doanh                                           | Nguyễn Thị Bích Phương - Kinh doanh                                 |                                                                           |
| 9     | Đỗ Phương Bình - Tự do                                                | Hoàng Ngọc Hiền - Công nhân                                         |                                                                           |
| 10    | Trần Văn Tèo - Tự do                                                  | Dương Thị Kim Thanh - Công nhân                                     |                                                                           |
| 11    | Nguyễn Thành Ninh - Buôn bán                                          | Nguyễn Thị Mỹ Dung - Buôn bán                                       |                                                                           |
| 12    | Nguyễn Thanh Tuấn - Buôn bán                                          | Đinh Thị Mỹ Vân - Buôn bán                                          |                                                                           |
| 13    | Nguyễn Trung Nguyên - Công nhân                                       | Châu Thị Kim Nguyên - Công nhân                                     |                                                                           |
| 14    | Lê Hoàng Mai - Làm hồ                                                 | Châu Thị Bích Hạnh - công nhân                                      |                                                                           |
| 15    | Lê Văn Ngót - Làm ruộng                                               | Phan Thị Ánh Nguyệt - Làm ruộng                                     |                                                                           |
| 16    | Nguyễn Mộng Khâm - Tài xế                                             | Nguyễn Thị Thanh Thúy - Nội trợ                                     |                                                                           |
| 17    | Nguyễn Văn Trọng - Thợ hồ                                             | Nguyễn Thị Giàu - Nội trợ                                           |                                                                           |
| 18    | Trần Hoàng Sơn - Công nhân                                            | Phan Thị Ngọc Mai - Nội trợ                                         |                                                                           |
| 19    | Tăng Văn Ni - Làm ruộng                                               | Bùi Thị Thanh Mộng - Làm ruộng                                      |                                                                           |
| 20    | Văn Công Được - Công nhân                                             | Lưu Thị Đất Thuận - Công nhân                                       |                                                                           |
| 21    | Trần Ngọc Minh - Buôn bán                                             | Nguyễn Thị Mỹ Duyên - Buôn bán                                      |                                                                           |
| 22    | Trương Tùng Toàn - Buôn bán                                           | Huỳnh Thị Thu Trang - Nội trợ                                       |                                                                           |
| 23    | Phạm Văn Phong - Buôn bán                                             | Phạm Thị Dung - Buôn bán                                            |                                                                           |
| 24    | Trần Văn Minh - Làm ruộng                                             | Trần Thị Loan - Làm ruộng                                           |                                                                           |
| 25    | Lê Hoàng Sơn - Làm ruộng                                              | Nguyễn Thị Kim Thoa - làm nhang                                     |                                                                           |
| 26    | Võ Công Tâm - Kinh doanh                                              | Nguyễn Thị Thúy Liễu - Kinh doanh                                   |                                                                           |
| 27    | Trần Ngọc Nam - Xây dựng                                              | Lê Thị Thu Thảo - Công nhân                                         |                                                                           |
| 28    | Đỗ Văn Diệu - Làm mộc                                                 | Trần Thị Ngọc Trang - Nội trợ                                       |                                                                           |
| 29    | Nguyễn Minh Thuận - Công nhân                                         | Lê Thị Kiều Hương - Công nhân                                       |                                                                           |
| 30    | Nguyễn Văn Hai - Công nhân                                            | Ngô Thị Mỹ Lệ - Nội trợ                                             |                                                                           |
| 31    | Lê Minh Hồng - Công nhân                                              | Nguyễn Thị Tiếng - Công nhân                                        |                                                                           |
| 32    | Trà Thanh Triết - Làm ruộng                                           | Nguyễn Thị Thùy Linh - Bán hàng                                     |                                                                           |
| 33    | Nguyễn Văn Tấn - Công nhân                                            | Nguyễn Thị Thân - Công nhân                                         |                                                                           |
| 34    | Lê Minh Tấn - Thợ hồ                                                  | Nguyễn Thị Thanh Ngọc - Công nhân                                   |                                                                           |
| 35    | Trần Thanh Tâm - Công nhân                                            | Phạm Thị Bích Thu - Công nhân                                       |                                                                           |
| 36    | Nguyễn Thanh Tuấn - Làm thuê                                          | Bùi Thị Thanh Thy - Nội trợ                                         |                                                                           |
| 37    |                                                                       | Nguyễn Thị Gái - Nội trợ                                            |                                                                           |
| 38    | Lưu Hoàng Tuấn - Nuôi tôm                                             | Nguyễn Thị Bích Liên - Công nhân                                    |                                                                           |
| 39    | Nguyễn Văn Bê - Thợ hồ                                                | Trương Thị Truyền - Công nhân                                       |                                                                           |
| 40    | Nguyễn Thái Học - Sửa xe                                              | Đặng Hồng Nghi - Nội trợ                                            |                                                                           |
| 41    | Phạm Bá Trường - Chở hàng                                             | Lê Kim Loan - Thợ may                                               |                                                                           |
| 42    | Nguyễn Đức An - Công nhân                                             | Trần Thị Bích Trâm - Công nhân                                      |                                                                           |
| 43    | Bùi Thanh Tâm - Làm thuê                                              | Phạm Thị Bích Nhung - Nội trợ                                       |                                                                           |
| 44    | Lê Đức Phong - Công nhân                                              | Nguyễn Thị Minh Trang - Nội trợ                                     |                                                                           |
| 45    | Đỗ Ngọc Minh - Làm thuê                                               | Nguyễn Thị Bích Dân - Công nhân                                     |                                                                           |
| 46    | Nguyễn Văn Hoàng - Thợ hồ                                             | Nguyễn Thị Ngọc Thảo - Nội trợ                                      |                                                                           |
| 47    | Nguyễn Đăng Nước - Công nhân                                          | Đỗ Thị Lệ - Buôn bán                                                |                                                                           |

|                |                                                     |                                          |
|----------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|
| Tỉ lệ:         | <b>Giáo viên chủ nhiệm</b><br>(Ký và ghi rõ họ tên) | <b>Hiệu trưởng</b><br>(Ký tên, đóng dấu) |
| có phép: 0%    |                                                     |                                          |
| không phép: 0% |                                                     |                                          |
|                | <b>Nguyễn Thị Huyền Trân</b>                        | <b>Nguyễn Minh Triều</b>                 |

|                   |                                                     |                                          |
|-------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|
| Tỉ lệ:            | <b>Giáo viên chủ nhiệm</b><br>(Ký và ghi rõ họ tên) | <b>Hiệu trưởng</b><br>(Ký tên, đóng dấu) |
| có phép: 100.00%  |                                                     |                                          |
| không phép: 0.00% |                                                     |                                          |
|                   | <b>Nguyễn Thị Huyền Trân</b>                        | <b>Nguyễn Minh Triều</b>                 |

Ti lệ:

có phép: 0%

không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Huyền Trân

Nguyễn Minh Triều

|                   |                                                     |                                          |
|-------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|
| Tỉ lệ:            | <b>Giáo viên chủ nhiệm</b><br>(Ký và ghi rõ họ tên) | <b>Hiệu trưởng</b><br>(Ký tên, đóng dấu) |
| có phép: 100.00%  |                                                     |                                          |
| không phép: 0.00% |                                                     |                                          |
|                   | <b>Nguyễn Thị Huyền Trân</b>                        | <b>Nguyễn Minh Triều</b>                 |

|                |                                                     |                                          |
|----------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|
| Tỉ lệ:         | <b>Giáo viên chủ nhiệm</b><br>(Ký và ghi rõ họ tên) | <b>Hiệu trưởng</b><br>(Ký tên, đóng dấu) |
| có phép: 0%    |                                                     |                                          |
| không phép: 0% |                                                     |                                          |
|                | <b>Nguyễn Thị Huyền Trân</b>                        | <b>Nguyễn Minh Triều</b>                 |

Ti lệ:

có phép: 0%

không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Huyền Trân

Nguyễn Minh Triều

|                   |                                                     |                                          |
|-------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|
| Tỉ lệ:            | <b>Giáo viên chủ nhiệm</b><br>(Ký và ghi rõ họ tên) | <b>Hiệu trưởng</b><br>(Ký tên, đóng dấu) |
| có phép: 100.00%  |                                                     |                                          |
| không phép: 0.00% |                                                     |                                          |
|                   | <b>Nguyễn Thị Huyền Trân</b>                        | <b>Nguyễn Minh Triều</b>                 |

|                   |                                                     |                                          |
|-------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|
| Tỉ lệ:            | <b>Giáo viên chủ nhiệm</b><br>(Ký và ghi rõ họ tên) | <b>Hiệu trưởng</b><br>(Ký tên, đóng dấu) |
| có phép: 100.00%  |                                                     |                                          |
| không phép: 0.00% |                                                     |                                          |
|                   | <b>Nguyễn Thị Huyền Trân</b>                        | <b>Nguyễn Minh Triều</b>                 |

|                   |                                                     |                                          |
|-------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|
| Tỉ lệ:            | <b>Giáo viên chủ nhiệm</b><br>(Ký và ghi rõ họ tên) | <b>Hiệu trưởng</b><br>(Ký tên, đóng dấu) |
| có phép: 100.00%  |                                                     |                                          |
| không phép: 0.00% |                                                     |                                          |
|                   | <b>Nguyễn Thị Huyền Trân</b>                        | <b>Nguyễn Minh Triều</b>                 |

# PHẦN GHI ĐIỂM

## HỌC KỲ I

## HỌC KỲ I

### Toán

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

| STT | Họ và tên                | ĐDGtx |      |      |      |  | ĐDGgk | ĐDGck | ĐTB<br>mhk | Ghi Chú                                                    |
|-----|--------------------------|-------|------|------|------|--|-------|-------|------------|------------------------------------------------------------|
| 1   | Nguyễn Hoàng Khánh An    | 10,0  | 7,0  | 9,0  | 9,0  |  | 8,5   | 8,3   | 8,5        | Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.          |
| 2   | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | 10,0  | 9,0  | 8,0  | 10,0 |  | 7,3   | 8,5   | 8,6        | Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.          |
| 3   | Lê Phạm Tuấn Anh         | 7,0   | 5,0  | 8,0  | 9,0  |  | 6,0   | 7,5   | 7,1        | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 4   | Ngô Phương Ngọc Ánh      | 9,0   | 5,0  | 8,0  | 8,0  |  | 7,5   | 2,0   | 5,7        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 5   | Trương Vỹ Ân             | 5,0   | 6,0  | 8,0  | 4,0  |  | 6,0   | 4,8   | 5,5        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 6   | Ngô Hoài Bảo             | 7,0   | 5,0  | 8,0  | 7,0  |  | 5,3   | 2,5   | 5,0        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 7   | Trần Bảo Châu            | 9,0   | 7,0  | 8,0  | 4,0  |  | 7,0   | 6,3   | 6,8        | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 8   | Trần Đại Thành Công      | 10,0  | 9,0  | 8,0  | 9,0  |  | 7,8   | 9,5   | 8,9        | Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.          |
| 9   | Đỗ Hoàng Dung            | 10,0  | 6,0  | 8,0  | 5,0  |  | 6,5   | 7,3   | 7,1        | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 10  | Trần Văn Định            | 5,0   | 9,0  | 6,0  | 7,0  |  | 4,8   | 2,8   | 5,0        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 11  | Nguyễn Phước Đức         | 10,0  | 10,0 | 8,0  | 8,0  |  | 7,8   | 7,0   | 8,1        | Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.          |
| 12  | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | 5,0   | 5,0  | 8,0  | 10,0 |  | 5,8   | 5,5   | 6,2        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 13  | Nguyễn Trung Hiếu        | 8,0   | 7,0  | 8,0  | 6,0  |  | 4,5   | 2,5   | 5,1        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 14  | Lê Thị Tuyết Hồng        | 10,0  | 9,0  | 8,0  | 9,0  |  | 8,5   | 8,3   | 8,7        | Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.          |
| 15  | Lê Quốc Huy              | 5,0   | 5,0  | 9,0  | 7,0  |  | 4,8   | 4,3   | 5,4        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 16  | Nguyễn Khang             | 6,0   | 7,0  | 9,0  | 5,0  |  | 5,8   | 8,3   | 7,1        | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 17  | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | 5,0   | 9,0  | 7,0  | 7,0  |  | 5,0   | 3,3   | 5,3        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 18  | Trần Thị Kiều My         | 8,0   | 6,0  | 8,0  | 5,0  |  | 7,3   | 4,3   | 6,1        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 19  | Tăng Bùi Hoàng Nam       | 8,0   | 6,0  | 6,0  | 7,0  |  | 5,0   | 4,3   | 5,5        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 20  | Văn Thị Mai Nhi          | 5,0   | 7,0  | 8,0  | 10,0 |  | 6,0   | 6,0   | 6,7        | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 21  | Trần Ngọc Huỳnh Như      | 5,0   | 5,0  | 9,0  | 7,0  |  | 6,8   | 4,8   | 6,0        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 22  | Trương Vĩnh Phú          | 7,0   | 5,0  | 6,0  | 10,0 |  | 6,0   | 3,5   | 5,6        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 23  | Phạm Hữu Phúc            | 8,0   | 10,0 | 9,0  | 10,0 |  | 6,8   | 6,5   | 7,8        | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 24  | Trần Thanh Phúc          | 5,0   | 7,0  | 9,0  | 6,0  |  | 6,3   | 4,0   | 5,7        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 25  | Lê Thị Kim Phụng         | 9,0   | 7,0  | 8,0  | 8,0  |  | 4,5   | 4,0   | 5,9        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 26  | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | 8,0   | 7,0  | 7,0  | 10,0 |  | 7,8   | 5,5   | 7,1        | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 27  | Trần Thị Ngọc Quỳnh      | 5,0   | 5,0  | 7,0  | 8,0  |  | 5,0   | 5,0   | 5,6        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 28  | Đỗ Hoàng Thái            | 10,0  | 6,0  | 8,0  | 7,0  |  | 5,0   | 6,3   | 6,7        | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 29  | Nguyễn Minh Thái         | 5,0   | 7,0  | 7,0  | 7,0  |  | 7,0   | 4,8   | 6,0        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 30  | Nguyễn Thị Trang Thanh   | 7,0   | 6,0  | 7,0  | 9,0  |  | 7,3   | 5,8   | 6,8        | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 31  | Lê Tiến Thành            | 9,0   | 7,0  | 7,0  | 7,0  |  | 7,3   | 4,0   | 6,3        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 32  | Trà Thanh Thiên          | 10,0  | 9,0  | 8,0  | 10,0 |  | 9,5   | 8,8   | 9,2        | Hiểu bài, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào cuộc sống. |
| 33  | Nguyễn Đức Thiện         | 7,0   | 8,0  | 8,0  | 5,0  |  | 3,5   | 5,0   | 5,6        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 34  | Lê Anh Thư               | 6,0   | 8,0  | 8,0  | 6,0  |  | 5,0   | 3,8   | 5,5        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 35  | Trần Thùy Trang          | 5,0   | 5,0  | 8,0  | 9,0  |  | 6,0   | 3,3   | 5,4        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 36  | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | 10,0  | 7,0  | 9,0  | 7,0  |  | 8,0   | 7,8   | 8,0        | Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.          |
| 37  | Nguyễn Thị Quế Trân      | 7,0   | 5,0  | 7,0  | 6,0  |  | 6,3   | 3,8   | 5,4        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 38  | Lưu Bảo Trúc             | 5,0   | 6,0  | 6,0  | 7,0  |  | 5,8   | 4,8   | 5,6        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 39  | Nguyễn Nhật Trường       | 5,0   | 7,0  | 7,0  | 5,0  |  | 5,3   | 4,8   | 5,4        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |
| 40  | Nguyễn Trung Nhật Trường | 10,0  | 7,0  | 8,0  | 8,0  |  | 7,5   | 7,5   | 7,8        | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 41  | Phạm Anh Tuyền           | 10,0  | 6,0  | 10,0 | 8,0  |  | 7,0   | 7,5   | 7,8        | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 42  | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | 7,0   | 8,0  | 7,0  | 6,0  |  | 5,5   | 8,8   | 7,3        | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 43  | Bùi Thanh Tùng           | 7,0   | 8,0  | 9,0  | 8,0  |  | 4,8   | 8,0   | 7,3        | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 44  | Nguyễn Thị Thúy Vân      | 7,0   | 7,0  | 8,0  | 10,0 |  | 6,8   | 9,3   | 8,2        | Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.          |
| 45  | Đỗ Ngọc Vĩ               | 6,0   | 6,0  | 9,0  | 8,0  |  | 6,3   | 5,8   | 6,6        | Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.              |
| 46  | Nguyễn Hoàng Việt        | 8,0   | 7,0  | 9,0  | 7,0  |  | 7,8   | 8,5   | 8,0        | Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.          |
| 47  | Nguyễn Thị Vy            | 5,0   | 5,0  | 8,0  | 10,0 |  | 5,0   | 3,5   | 5,4        | Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.                     |

**Giáo viên môn học**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Nguyễn Thị Hồng Thảo**

| <div> <div>Vật lý</div> <div>HỌC KỲ I</div> <div>(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)</div> </div> |                          |       |      |      |  |  |       |       |            |                                  |  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------|------|------|--|--|-------|-------|------------|----------------------------------|--|
| STT                                                                                                                                   | Họ và tên                | ĐDGTx |      |      |  |  | ĐDGGk | ĐDGGk | ĐTB<br>mhh | Ghi Chú                          |  |
| 1                                                                                                                                     | Nguyễn Hoàng Khánh An    | 8,0   | 5,0  | 5,0  |  |  | 4,3   | 8,3   | 6,4        | Học khá, có cố gắng.             |  |
| 2                                                                                                                                     | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | 9,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 5,3   | 8,8   | 7,9        | Học khá, chăm ngoan.             |  |
| 3                                                                                                                                     | Lê Phạm Tuấn Anh         | 8,0   | 5,0  | 4,0  |  |  | 5,3   | 7,5   | 6,3        | Học khá, có cố gắng.             |  |
| 4                                                                                                                                     | Ngô Phương Ngọc Ánh      | 8,0   | 7,0  | 6,0  |  |  | 5,3   | 5,5   | 6,0        | Học khá, có cố gắng.             |  |
| 5                                                                                                                                     | Trương Vỹ Ân             | 7,0   | 8,0  | 6,0  |  |  | 6,3   | 6,8   | 6,8        | Học khá, chăm ngoan.             |  |
| 6                                                                                                                                     | Ngô Hoài Bảo             | 7,0   | 5,0  | 5,0  |  |  | 5,5   | 5,0   | 5,4        | Học đạt, cần cố gắng hơn.        |  |
| 7                                                                                                                                     | Trần Bảo Châu            | 8,0   | 6,0  | 5,0  |  |  | 6,5   | 8,0   | 7,0        | Học khá, chăm ngoan.             |  |
| 8                                                                                                                                     | Trần Đại Thành Công      | 9,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 5,5   | 5,8   | 6,8        | Học khá, chăm ngoan.             |  |
| 9                                                                                                                                     | Đỗ Hoàng Dung            | 8,0   | 7,0  | 3,0  |  |  | 6,5   | 9,0   | 7,3        | Học khá, chăm ngoan.             |  |
| 10                                                                                                                                    | Trần Văn Định            | 8,0   | 6,0  | 6,0  |  |  | 3,8   | 4,3   | 5,1        | Học đạt, cần cố gắng hơn.        |  |
| 11                                                                                                                                    | Nguyễn Phước Đức         | 8,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 7,5   | 9,3   | 8,9        | Học tốt, chăm, ngoan.            |  |
| 12                                                                                                                                    | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | 7,0   | 6,0  | 5,0  |  |  | 4,5   | 5,8   | 5,6        | Học đạt, cần cố gắng hơn.        |  |
| 13                                                                                                                                    | Nguyễn Trung Hiếu        | 7,0   | 4,0  | 2,0  |  |  | 3,3   | 3,0   | 3,6        | Chưa đạt, cần cố gắng hơn ở HK2. |  |
| 14                                                                                                                                    | Lê Thị Tuyết Hồng        | 8,0   | 6,0  | 6,0  |  |  | 5,3   | 10,0  | 7,6        | Học khá, chăm ngoan.             |  |
| 15                                                                                                                                    | Lê Quốc Huy              | 7,0   | 7,0  | 6,0  |  |  | 4,8   | 4,5   | 5,4        | Ngoan, cần cố gắng hơn.          |  |
| 16                                                                                                                                    | Nguyễn Khang             | 8,0   | 5,0  | 5,0  |  |  | 3,8   | 7,8   | 6,1        | Học khá, có cố gắng.             |  |
| 17                                                                                                                                    | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | 7,0   | 8,0  | 7,0  |  |  | 5,8   | 5,0   | 6,1        | Học khá, có cố gắng.             |  |
| 18                                                                                                                                    | Trần Thị Kiều My         | 7,0   | 4,0  | 3,0  |  |  | 3,0   | 5,8   | 4,7        | Chưa đạt, cần cố gắng hơn ở HK2. |  |
| 19                                                                                                                                    | Tăng Bùi Hoàng Nam       | 7,0   | 6,0  | 6,0  |  |  | 4,8   | 6,8   | 6,1        | Học khá, có cố gắng.             |  |
| 20                                                                                                                                    | Vân Thị Mai Nhi          | 8,0   | 6,0  | 6,0  |  |  | 4,3   | 6,0   | 5,8        | Học đạt, cần cố gắng hơn.        |  |
| 21                                                                                                                                    | Trần Ngọc Huỳnh Như      | 7,0   | 3,0  | 5,0  |  |  | 5,3   | 7,3   | 5,9        | Học khá, có cố gắng.             |  |
| 22                                                                                                                                    | Trương Vĩnh Phú          | 8,0   | 6,0  | 5,0  |  |  | 4,3   | 5,5   | 5,5        | Học đạt, cần cố gắng hơn.        |  |
| 23                                                                                                                                    | Phạm Hữu Phúc            | 7,0   | 7,0  | 6,0  |  |  | 6,3   | 7,5   | 6,9        | Học khá, chăm ngoan.             |  |
| 24                                                                                                                                    | Trần Thanh Phúc          | 8,0   | 5,0  | 3,0  |  |  | 5,3   | 6,8   | 5,9        | Học đạt, có cố gắng.             |  |
| 25                                                                                                                                    | Lê Thị Kim Phụng         | 8,0   | 5,0  | 7,0  |  |  | 4,8   | 5,0   | 5,6        | Học đạt, có cố gắng.             |  |
| 26                                                                                                                                    | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | 8,0   | 4,0  | 5,0  |  |  | 4,5   | 6,8   | 5,8        | Học đạt, có cố gắng.             |  |
| 27                                                                                                                                    | Trần Thị Ngọc Quyền      | 8,0   | 4,0  | 4,0  |  |  | 3,5   | 7,3   | 5,6        | Học đạt, có cố gắng.             |  |
| 28                                                                                                                                    | Đỗ Hoàng Thái            | 7,0   | 8,0  | 7,0  |  |  | 4,8   | 5,0   | 5,8        | Học đạt, có cố gắng.             |  |
| 29                                                                                                                                    | Nguyễn Minh Thái         | 8,0   | 6,0  | 7,0  |  |  | 5,0   | 5,5   | 5,9        | Học đạt, có cố gắng.             |  |
| 30                                                                                                                                    | Nguyễn Thị Trang Thanh   | 7,0   | 7,0  | 5,0  |  |  | 6,5   | 8,0   | 7,0        | Học khá, có cố gắng.             |  |
| 31                                                                                                                                    | Lê Tiến Thành            | 7,0   | 7,0  | 7,0  |  |  | 4,0   | 4,3   | 5,2        | Học đạt, cần cố gắng hơn.        |  |
| 32                                                                                                                                    | Trà Thanh Thiên          | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 7,3   | 9,5   | 8,8        | Học tốt, chăm, ngoan.            |  |
| 33                                                                                                                                    | Nguyễn Đức Thiện         | 7,0   | 5,0  | 6,0  |  |  | 3,0   | 5,5   | 5,1        | Học đạt, cần cố gắng hơn.        |  |
| 34                                                                                                                                    | Lê Anh Thư               | 7,0   | 5,0  | 6,0  |  |  | 3,8   | 3,3   | 4,4        | Chưa đạt, cần cố gắng hơn.       |  |
| 35                                                                                                                                    | Trần Thùy Trang          | 8,0   | 4,0  | 5,0  |  |  | 4,3   | 5,8   | 5,4        | Học đạt, cần cố gắng hơn.        |  |
| 36                                                                                                                                    | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | 8,0   | 6,0  | 8,0  |  |  | 6,8   | 9,8   | 8,1        | Học tốt, chăm, ngoan.            |  |
| 37                                                                                                                                    | Nguyễn Thị Quế Trân      | 7,0   | 6,0  | 4,0  |  |  | 5,3   | 5,8   | 5,6        | Học đạt, cần cố gắng hơn.        |  |
| 38                                                                                                                                    | Lưu Bảo Trúc             | 7,0   | 5,0  | 4,0  |  |  | 5,3   | 4,3   | 4,9        | Chưa đạt, cần cố gắng hơn.       |  |
| 39                                                                                                                                    | Nguyễn Nhật Trường       | 6,0   | 6,0  | 4,0  |  |  | 4,5   | 4,0   | 4,6        | Chưa đạt, cần cố gắng hơn.       |  |
| 40                                                                                                                                    | Nguyễn Trung Nhật Trường | 8,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 5,8   | 7,5   | 7,5        | Học khá, chăm ngoan.             |  |
| 41                                                                                                                                    | Phạm Anh Tuyền           | 7,0   | 5,0  | 5,0  |  |  | 7,8   | 9,0   | 7,5        | Học khá, chăm ngoan.             |  |
| 42                                                                                                                                    | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | 8,0   | 7,0  | 7,0  |  |  | 4,5   | 8,5   | 7,1        | Học khá, chăm ngoan.             |  |
| 43                                                                                                                                    | Bùi Thanh Tùng           | 8,0   | 6,0  | 6,0  |  |  | 7,3   | 8,0   | 7,3        | Học khá, chăm ngoan.             |  |
| 44                                                                                                                                    | Nguyễn Thị Thúy Vân      | 8,0   | 5,0  | 5,0  |  |  | 6,0   | 6,5   | 6,2        | Học khá, chăm ngoan.             |  |
| 45                                                                                                                                    | Đỗ Ngọc Vĩ               | 7,0   | 5,0  | 4,0  |  |  | 3,0   | 5,3   | 4,7        | Chưa đạt, cần cố gắng hơn.       |  |
| 46                                                                                                                                    | Nguyễn Hoàng Việt        | 7,0   | 7,0  | 6,0  |  |  | 7,8   | 7,5   | 7,3        | Học khá, chăm ngoan.             |  |
| 47                                                                                                                                    | Nguyễn Thị Vy            | 8,0   | 6,0  | 6,0  |  |  | 3,8   | 4,3   | 5,1        | Học đạt, cần cố gắng hơn.        |  |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bé Hà

| <div> <div>Hóa học</div> <div>HỌC KỲ I</div> <div>(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)</div> </div> |                          |       |      |      |  |  |       |       |            |                                          |  |  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------|------|------|--|--|-------|-------|------------|------------------------------------------|--|--|
| STT                                                                                                                                    | Họ và tên                | ĐĐGtx |      |      |  |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTB<br>mhk | Ghi Chú                                  |  |  |
| 1                                                                                                                                      | Nguyễn Hoàng Khánh An    | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,0   | 8,0   | 8,4        | Học được, có ý thức tự học               |  |  |
| 2                                                                                                                                      | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 10,0  | 9,8   | 9,9        | Ý thức tự học tốt.                       |  |  |
| 3                                                                                                                                      | Lê Phạm Tuấn Anh         | 9,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 6,3   | 8,5   | 8,0        | Học được, có ý thức tự học               |  |  |
| 4                                                                                                                                      | Ngô Phương Ngọc Ánh      | 9,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 7,0   | 5,5   | 7,1        | Học khá, cần cố gắng                     |  |  |
| 5                                                                                                                                      | Trương Vỹ Ân             | 8,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 7,3   | 7,8   | 8,1        | Học được, có ý thức tự học               |  |  |
| 6                                                                                                                                      | Ngô Hoài Bảo             | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,3   | 8,0   | 8,5        | Học được, có ý thức tự học               |  |  |
| 7                                                                                                                                      | Trần Bảo Châu            | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,5   | 9,0   | 9,4        | Ý thức tự học tốt.                       |  |  |
| 8                                                                                                                                      | Trần Đại Thành Công      | 9,0   | 10,0 | 8,0  |  |  | 8,8   | 8,5   | 8,8        | Ý thức tự học tốt.                       |  |  |
| 9                                                                                                                                      | Đỗ Hoàng Dung            | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,0   | 9,5   | 9,4        | Ý thức tự học tốt.                       |  |  |
| 10                                                                                                                                     | Trần Văn Định            | 10,0  | 10,0 | 5,0  |  |  | 5,3   | 7,5   | 7,3        | Học khá, cần cố gắng                     |  |  |
| 11                                                                                                                                     | Nguyễn Phước Đức         | 8,0   | 9,0  | 7,0  |  |  | 6,3   | 8,3   | 7,7        | Học khá, cần cố gắng                     |  |  |
| 12                                                                                                                                     | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | 10,0  | 9,0  | 7,0  |  |  | 6,5   | 7,3   | 7,6        | Học khá, cần cố gắng                     |  |  |
| 13                                                                                                                                     | Nguyễn Trung Hiếu        | 8,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 5,3   | 7,0   | 7,1        | Học khá, cần cố gắng                     |  |  |
| 14                                                                                                                                     | Lê Thị Tuyết Hồng        | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 10,0  | 9,3   | 9,7        | Ý thức tự học tốt.                       |  |  |
| 15                                                                                                                                     | Lê Quốc Huy              | 6,0   | 9,0  | 5,0  |  |  | 5,8   | 5,0   | 5,8        | Ý thức tự học chưa tốt, cần cố gắng hơn. |  |  |
| 16                                                                                                                                     | Nguyễn Khang             | 7,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 6,8   | 6,0   | 7,1        | Học khá, cần cố gắng                     |  |  |
| 17                                                                                                                                     | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | 10,0  | 10,0 | 6,0  |  |  | 5,8   | 5,0   | 6,6        | Ý thức tự học chưa cao, cần cố gắng hơn  |  |  |
| 18                                                                                                                                     | Trần Thị Kiều My         | 7,0   | 9,0  | 7,0  |  |  | 5,5   | 6,8   | 6,8        | Ý thức tự học chưa cao, cần cố gắng hơn  |  |  |
| 19                                                                                                                                     | Tăng Bùi Hoàng Nam       | 10,0  | 9,0  | 7,0  |  |  | 5,5   | 5,5   | 6,7        | Ý thức tự học chưa cao, cần cố gắng hơn  |  |  |
| 20                                                                                                                                     | Vân Thị Mai Nhi          | 7,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,5   | 6,8   | 7,8        | Học khá, cần cố gắng                     |  |  |
| 21                                                                                                                                     | Trần Ngọc Huỳnh Như      | 7,0   | 10,0 | 7,0  |  |  | 5,8   | 6,3   | 6,8        | Ý thức tự học chưa cao, cần cố gắng hơn  |  |  |
| 22                                                                                                                                     | Trương Vĩnh Phú          | 8,0   | 9,0  | 6,0  |  |  | 6,3   | 7,5   | 7,3        | Học khá, cần cố gắng                     |  |  |
| 23                                                                                                                                     | Phạm Hữu Phúc            | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 8,8   | 8,8   | 9,1        | Ý thức tự học tốt.                       |  |  |
| 24                                                                                                                                     | Trần Thanh Phúc          | 10,0  | 9,0  | 8,0  |  |  | 7,8   | 6,0   | 7,6        | Học khá, cần cố gắng                     |  |  |
| 25                                                                                                                                     | Lê Thị Kim Phụng         | 8,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 7,8   | 7,8   | 8,4        | Học được, có ý thức tự học               |  |  |
| 26                                                                                                                                     | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,0   | 6,3   | 8,4        | Học được, có ý thức tự học               |  |  |
| 27                                                                                                                                     | Trần Thị Ngọc Quyên      | 7,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 6,3   | 5,3   | 6,7        | Ý thức tự học chưa cao, cần cố gắng hơn  |  |  |
| 28                                                                                                                                     | Đỗ Hoàng Thái            | 9,0   | 9,0  | 7,0  |  |  | 7,3   | 8,0   | 8,0        | Học được, có ý thức tự học               |  |  |
| 29                                                                                                                                     | Nguyễn Minh Thái         | 9,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 9,3   | 8,3   | 8,9        | Ý thức tự học tốt.                       |  |  |
| 30                                                                                                                                     | Nguyễn Thị Trang Thanh   | 6,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 4,5   | 4,3   | 5,6        | Ý thức tự học chưa tốt, cần cố gắng hơn  |  |  |
| 31                                                                                                                                     | Lê Tiến Thành            | 7,0   | 9,0  | 6,0  |  |  | 6,0   | 6,8   | 6,8        | Ý thức tự học chưa cao, cần cố gắng hơn  |  |  |
| 32                                                                                                                                     | Trà Thanh Thiên          | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 10,0  | 9,8   | 9,8        | Ý thức tự học tốt.                       |  |  |
| 33                                                                                                                                     | Nguyễn Đức Thiện         | 8,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 7,3   | 6,5   | 7,6        | Học khá, cần cố gắng                     |  |  |
| 34                                                                                                                                     | Lê Anh Thư               | 7,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 7,3   | 6,3   | 7,3        | Học khá, cần cố gắng                     |  |  |
| 35                                                                                                                                     | Trần Thùy Trang          | 6,0   | 10,0 | 8,0  |  |  | 7,0   | 5,3   | 6,7        | Ý thức tự học chưa tốt, cần cố gắng hơn. |  |  |
| 36                                                                                                                                     | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 8,8   | 8,5   | 9,1        | Ý thức tự học tốt.                       |  |  |
| 37                                                                                                                                     | Nguyễn Thị Quế Trân      | 6,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 5,5   | 5,8   | 6,4        | Ý thức tự học chưa cao, cần cố gắng hơn  |  |  |
| 38                                                                                                                                     | Lưu Bảo Trúc             | 7,0   | 6,0  | 6,0  |  |  | 3,3   | 4,8   | 5,0        | Ý thức tự học chưa tốt, cần cố gắng hơn. |  |  |
| 39                                                                                                                                     | Nguyễn Nhật Trường       | 10,0  | 9,0  | 6,0  |  |  | 4,0   | 6,5   | 6,6        | Ý thức tự học chưa cao, cần cố gắng hơn  |  |  |
| 40                                                                                                                                     | Nguyễn Trung Nhật Trường | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,3   | 8,3   | 8,6        | Ý thức tự học tốt.                       |  |  |
| 41                                                                                                                                     | Phạm Anh Tuyền           | 7,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 8,3   | 6,8   | 8,0        | Học được, có ý thức tự học               |  |  |
| 42                                                                                                                                     | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | 9,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,5   | 8,3   | 9,0        | Ý thức tự học tốt.                       |  |  |
| 43                                                                                                                                     | Bùi Thanh Tùng           | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 10,0  | 9,5   | 9,8        | Ý thức tự học tốt.                       |  |  |
| 44                                                                                                                                     | Nguyễn Thị Thúy Vân      | 8,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 7,8   | 7,0   | 7,7        | Học khá, cần cố gắng                     |  |  |
| 45                                                                                                                                     | Đỗ Ngọc Vĩ               | 7,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 7,3   | 6,3   | 7,3        | Học khá, cần cố gắng                     |  |  |
| 46                                                                                                                                     | Nguyễn Hoàng Việt        | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 6,5   | 8,0   | 8,0        | Học được, có ý thức tự học               |  |  |
| 47                                                                                                                                     | Nguyễn Thị Vy            | 7,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 7,0   | 6,8   | 7,4        | Học khá, cần cố gắng                     |  |  |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Anh Đào

| <div> <div>Học kỳ I</div> <div>Sinh học</div> <div>(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)</div> </div> |                          |       |      |      |  |  |       |       |            |                                       |  |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------|------|------|--|--|-------|-------|------------|---------------------------------------|--|--|
| STT                                                                                                                                     | Họ và tên                | ĐĐGtx |      |      |  |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTB<br>mhh | Ghi Chú                               |  |  |
| 1                                                                                                                                       | Nguyễn Hoàng Khánh An    | 6,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 4,3   | 5,3   | 5,8        | Học được, cần cố gắng hơn.            |  |  |
| 2                                                                                                                                       | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | 9,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 8,8   | 9,3   | 9,2        | Học tốt, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt |  |  |
| 3                                                                                                                                       | Lê Phạm Tuấn Anh         | 8,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 5,3   | 8,3   | 7,7        | Học khá, chăm ngoan.                  |  |  |
| 4                                                                                                                                       | Ngô Phương Ngọc Ánh      | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 5,0   | 5,8   | 6,8        | Học khá, cần cố gắng hơn.             |  |  |
| 5                                                                                                                                       | Trương Vỹ Ân             | 6,0   | 7,0  | 8,0  |  |  | 5,5   | 6,5   | 6,4        | Học được, cần cố gắng hơn.            |  |  |
| 6                                                                                                                                       | Ngô Hoài Bảo             | 6,0   | 8,0  | 7,0  |  |  | 4,0   | 6,8   | 6,2        | Học được, cần cố gắng hơn.            |  |  |
| 7                                                                                                                                       | Trần Bảo Châu            | 9,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 7,0   | 8,8   | 8,6        | Học tốt chăm ngoan.                   |  |  |
| 8                                                                                                                                       | Trần Đại Thành Công      | 6,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 5,0   | 6,3   | 6,6        | Học khá, cần cố gắng hơn.             |  |  |
| 9                                                                                                                                       | Đỗ Hoàng Dung            | 9,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 9,0   | 9,0   | 9,1        | Học tốt chăm ngoan, tiếp thu bài tốt  |  |  |
| 10                                                                                                                                      | Trần Văn Định            | 10,0  | 9,0  | 9,0  |  |  | 5,5   | 5,5   | 6,9        | Học khá, cần cố gắng hơn.             |  |  |
| 11                                                                                                                                      | Nguyễn Phước Đức         | 8,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 5,3   | 6,3   | 6,7        | Học khá, cần cố gắng hơn.             |  |  |
| 12                                                                                                                                      | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 6,3   | 6,0   | 7,2        | Học khá, cần cố gắng hơn.             |  |  |
| 13                                                                                                                                      | Nguyễn Trung Hiếu        | 6,0   | 8,0  | 7,0  |  |  | 3,0   | 6,5   | 5,8        | Học được, cần cố gắng hơn.            |  |  |
| 14                                                                                                                                      | Lê Thị Tuyết Hồng        | 9,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 10,0  | 9,5   | 9,6        | Học tốt, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt |  |  |
| 15                                                                                                                                      | Lê Quốc Huy              | 6,0   | 8,0  | 9,0  |  |  | 5,5   | 5,8   | 6,4        | Học được, cần cố gắng hơn.            |  |  |
| 16                                                                                                                                      | Nguyễn Khang             | 8,0   | 8,0  | 9,0  |  |  | 7,3   | 5,0   | 6,8        | Học khá, cần cố gắng hơn.             |  |  |
| 17                                                                                                                                      | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | 6,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 4,5   | 6,3   | 6,6        | Học khá, cần cố gắng hơn.             |  |  |
| 18                                                                                                                                      | Trần Thị Kiều My         | 6,0   | 5,0  | 8,0  |  |  | 4,8   | 6,3   | 5,9        | Học được, cần cố gắng hơn.            |  |  |
| 19                                                                                                                                      | Tăng Bùi Hoàng Nam       | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 5,0   | 8,5   | 7,8        | Học khá, chăm ngoan.                  |  |  |
| 20                                                                                                                                      | Vân Thị Mai Nhi          | 10,0  | 6,0  | 9,0  |  |  | 8,5   | 8,3   | 8,4        | Học tốt, chăm ngoan.                  |  |  |
| 21                                                                                                                                      | Trần Ngọc Huỳnh Như      | 7,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 6,8   | 7,3   | 7,7        | Học khá, chăm ngoan.                  |  |  |
| 22                                                                                                                                      | Trương Vĩnh Phú          | 6,0   | 2,0  | 8,0  |  |  | 7,8   | 5,3   | 5,9        | Học được, cần cố gắng hơn.            |  |  |
| 23                                                                                                                                      | Phạm Hữu Phúc            | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,0   | 6,8   | 7,9        | Học khá, chăm ngoan.                  |  |  |
| 24                                                                                                                                      | Trần Thanh Phúc          | 7,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 4,0   | 5,3   | 6,1        | Học được, cần cố gắng hơn.            |  |  |
| 25                                                                                                                                      | Lê Thị Kim Phụng         | 8,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 7,8   | 9,0   | 8,7        | Học tốt, chăm ngoan.                  |  |  |
| 26                                                                                                                                      | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | 7,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 5,3   | 7,0   | 7,0        | Học khá, cần cố gắng hơn.             |  |  |
| 27                                                                                                                                      | Trần Thị Ngọc Quyên      | 9,0   | 8,0  | 9,0  |  |  | 6,3   | 5,0   | 6,7        | Học khá, cần cố gắng hơn.             |  |  |
| 28                                                                                                                                      | Đỗ Hoàng Thái            | 6,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 6,0   | 6,3   | 7,0        | Học khá, cần cố gắng hơn.             |  |  |
| 29                                                                                                                                      | Nguyễn Minh Thái         | 9,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 8,3   | 8,8   | 8,9        | Học giỏi, chăm ngoan.                 |  |  |
| 30                                                                                                                                      | Nguyễn Thị Trang Thanh   | 8,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 6,8   | 6,8   | 7,3        | Học khá, cần cố gắng hơn.             |  |  |
| 31                                                                                                                                      | Lê Tiến Thành            | 7,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 4,8   | 5,5   | 6,3        | Học được, cần cố gắng hơn.            |  |  |
| 32                                                                                                                                      | Trà Thanh Thiên          | 9,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 9,0   | 8,3   | 8,9        | Học tốt, chăm ngoan.                  |  |  |
| 33                                                                                                                                      | Nguyễn Đức Thiện         | 7,0   | 6,0  | 8,0  |  |  | 4,5   | 5,0   | 5,6        | Học được, cần cố gắng hơn.            |  |  |
| 34                                                                                                                                      | Lê Anh Thư               | 10,0  | 8,0  | 9,0  |  |  | 7,3   | 5,3   | 7,2        | Học khá, cần cố gắng hơn.             |  |  |
| 35                                                                                                                                      | Trần Thùy Trang          | 7,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 6,8   | 6,3   | 7,2        | Học khá, cần cố gắng hơn.             |  |  |
| 36                                                                                                                                      | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | 9,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 8,0   | 9,3   | 8,7        | Họctốt, chăm ngoan.                   |  |  |
| 37                                                                                                                                      | Nguyễn Thị Quế Trân      | 7,0   | 8,0  | 6,0  |  |  | 3,0   | 7,5   | 6,2        | Học được, cần cố gắng hơn.            |  |  |
| 38                                                                                                                                      | Lưu Bảo Trúc             | 6,0   | 9,0  | 6,0  |  |  | 1,5   | 6,5   | 5,4        | Học được, cần cố gắng hơn.            |  |  |
| 39                                                                                                                                      | Nguyễn Nhật Trường       | 9,0   | 4,0  | 8,0  |  |  | 7,0   | 7,8   | 7,3        | Học khá, cần cố gắng hơn.             |  |  |
| 40                                                                                                                                      | Nguyễn Trung Nhật Trường | 7,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 7,0   | 7,5   | 7,7        | Học khá, chăm ngoan                   |  |  |
| 41                                                                                                                                      | Phạm Anh Tuyền           | 7,0   | 7,0  | 9,0  |  |  | 8,3   | 8,5   | 8,1        | Học tốt, chăm ngoan.                  |  |  |
| 42                                                                                                                                      | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | 10,0  | 9,0  | 9,0  |  |  | 6,8   | 7,3   | 7,9        | Học khá, chăm ngoan.                  |  |  |
| 43                                                                                                                                      | Bùi Thanh Tùng           | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,0   | 9,3   | 8,9        | Học tốt, chăm ngoan.                  |  |  |
| 44                                                                                                                                      | Nguyễn Thị Thúy Vân      | 8,0   | 7,0  | 9,0  |  |  | 5,8   | 5,3   | 6,4        | Học được, cần cố gắng hơn.            |  |  |
| 45                                                                                                                                      | Đỗ Ngọc Vĩ               | 6,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 2,5   | 6,3   | 5,7        | Học được, cần cố gắng hơn.            |  |  |
| 46                                                                                                                                      | Nguyễn Hoàng Việt        | 9,0   | 9,0  | 9,8  |  |  | 7,8   | 7,0   | 8,1        | Học tốt, chăm ngoan.                  |  |  |
| 47                                                                                                                                      | Nguyễn Thị Vy            | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,0   | 8,5   | 8,6        | Học tốt, chăm ngoan.                  |  |  |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngô Thị Đông Tràng

| <div> <div>Tin học</div> <div>HỌC KỲ I</div> <div>(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)</div> </div> |                          |       |      |     |  |  |       |       |            |                     |  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------|------|-----|--|--|-------|-------|------------|---------------------|--|
| STT                                                                                                                                    | Họ và tên                | ĐĐGtx |      |     |  |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTB<br>mhh | Ghi Chú             |  |
| 1                                                                                                                                      | Nguyễn Hoàng Khánh An    | 9,0   | 9,0  | 8,0 |  |  | 7,0   | 7,0   | 7,6        | Học khá             |  |
| 2                                                                                                                                      | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | 9,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 8,5   | 9,5   | 9,1        | Học tốt, chăm ngoan |  |
| 3                                                                                                                                      | Lê Phạm Tuấn Anh         | 9,0   | 9,0  | 8,0 |  |  | 8,5   | 8,0   | 8,4        | Học tốt             |  |
| 4                                                                                                                                      | Ngô Phương Ngọc Ánh      | 9,0   | 9,0  | 8,0 |  |  | 8,0   | 6,5   | 7,7        | Học khá, tích cực   |  |
| 5                                                                                                                                      | Trương Vỹ Ân             | 9,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 7,0   | 8,0   | 7,9        | Học khá             |  |
| 6                                                                                                                                      | Ngô Hoài Bảo             | 8,0   | 7,0  | 7,0 |  |  | 9,0   | 7,0   | 7,6        | Học khá             |  |
| 7                                                                                                                                      | Trần Bảo Châu            | 9,0   | 9,0  | 8,0 |  |  | 8,5   | 8,0   | 8,4        | Học tốt             |  |
| 8                                                                                                                                      | Trần Đại Thành Công      | 9,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 7,5   | 8,0   | 8,0        | Học tốt, tích cực   |  |
| 9                                                                                                                                      | Đỗ Hoàng Dung            | 9,0   | 9,0  | 8,0 |  |  | 9,0   | 6,5   | 7,9        | Học khá             |  |
| 10                                                                                                                                     | Trần Văn Định            | 9,0   | 9,0  | 8,0 |  |  | 9,0   | 7,0   | 8,1        | Học tốt, tích cực   |  |
| 11                                                                                                                                     | Nguyễn Phước Đức         | 9,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 9,0   | 7,5   | 8,2        | Học tốt, tích cực   |  |
| 12                                                                                                                                     | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | 9,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 8,5   | 6,5   | 7,9        | Học khá, chăm ngoan |  |
| 13                                                                                                                                     | Nguyễn Trung Hiếu        | 9,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 8,5   | 6,0   | 7,5        | Học khá             |  |
| 14                                                                                                                                     | Lê Thị Tuyết Hồng        | 9,0   | 10,0 | 8,0 |  |  | 8,5   | 8,5   | 8,7        | Học tốt, ngoan      |  |
| 15                                                                                                                                     | Lê Quốc Huy              | 9,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 8,0   | 7,0   | 7,8        | Học khá             |  |
| 16                                                                                                                                     | Nguyễn Khang             | 9,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,0   | 8,5   | 8,8        | Học tốt, ngoan      |  |
| 17                                                                                                                                     | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 9,0   | 5,0   | 7,0        | Học khá             |  |
| 18                                                                                                                                     | Trần Thị Kiều My         | 8,0   | 7,0  | 7,0 |  |  | 8,5   | 7,0   | 7,5        | Học khá             |  |
| 19                                                                                                                                     | Tăng Bùi Hoàng Nam       | 8,0   | 9,0  | 8,0 |  |  | 8,0   | 7,0   | 7,8        | Học khá             |  |
| 20                                                                                                                                     | Vân Thị Mai Nhi          | 9,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 9,0   | 7,0   | 8,0        | Học tốt             |  |
| 21                                                                                                                                     | Trần Ngọc Huỳnh Như      | 9,0   | 6,0  | 8,0 |  |  | 8,5   | 6,5   | 7,4        | Học khá             |  |
| 22                                                                                                                                     | Trương Vĩnh Phú          | 8,0   | 6,0  | 8,0 |  |  | 8,0   | 7,0   | 7,4        | Học khá             |  |
| 23                                                                                                                                     | Phạm Hữu Phúc            | 9,0   | 9,0  | 8,0 |  |  | 8,5   | 8,5   | 8,6        | Học tốt, tích cực   |  |
| 24                                                                                                                                     | Trần Thanh Phúc          | 9,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,0   | 7,5   | 8,4        | Học tốt, chăm ngoan |  |
| 25                                                                                                                                     | Lê Thị Kim Phụng         | 9,0   | 8,0  | 7,0 |  |  | 8,5   | 6,5   | 7,6        | Học khá             |  |
| 26                                                                                                                                     | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | 9,0   | 8,0  | 7,0 |  |  | 9,0   | 8,0   | 8,3        | Học tốt             |  |
| 27                                                                                                                                     | Trần Thị Ngọc Quyền      | 9,0   | 9,0  | 8,0 |  |  | 8,0   | 7,5   | 8,1        | Học tốt             |  |
| 28                                                                                                                                     | Đỗ Hoàng Thái            | 9,0   | 9,0  | 8,0 |  |  | 8,5   | 7,5   | 8,2        | Học tốt, ngoan      |  |
| 29                                                                                                                                     | Nguyễn Minh Thái         | 9,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 8,5   | 7,5   | 8,1        | Học tốt             |  |
| 30                                                                                                                                     | Nguyễn Thị Trang Thanh   | 8,0   | 6,0  | 7,0 |  |  | 8,5   | 7,0   | 7,4        | Học khá             |  |
| 31                                                                                                                                     | Lê Tiến Thành            | 9,0   | 9,0  | 8,0 |  |  | 8,5   | 6,0   | 7,6        | Học khá             |  |
| 32                                                                                                                                     | Trà Thanh Thiên          | 9,0   | 10,0 | 8,0 |  |  | 9,0   | 9,5   | 9,2        | Học tốt, chăm ngoan |  |
| 33                                                                                                                                     | Nguyễn Đức Thiện         | 9,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 8,5   | 6,5   | 7,7        | Học khá             |  |
| 34                                                                                                                                     | Lê Anh Thư               | 9,0   | 10,0 | 8,0 |  |  | 8,5   | 7,5   | 8,3        | Học tốt, ngoan      |  |
| 35                                                                                                                                     | Trần Thùy Trang          | 9,0   | 8,0  | 9,0 |  |  | 8,5   | 6,5   | 7,8        | Học khá             |  |
| 36                                                                                                                                     | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | 9,0   | 10,0 | 8,0 |  |  | 9,0   | 9,0   | 9,0        | Học tốt             |  |
| 37                                                                                                                                     | Nguyễn Thị Quế Trân      | 8,0   | 6,0  | 7,0 |  |  | 8,0   | 6,5   | 7,1        | Học khá             |  |
| 38                                                                                                                                     | Lưu Bảo Trúc             | 8,0   | 6,0  | 7,0 |  |  | 8,0   | 7,0   | 7,3        | Học khá             |  |
| 39                                                                                                                                     | Nguyễn Nhật Trường       | 9,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 8,0   | 6,5   | 7,6        | Học khá             |  |
| 40                                                                                                                                     | Nguyễn Trung Nhật Trường | 9,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 8,5   | 8,5   | 8,3        | Học tốt             |  |
| 41                                                                                                                                     | Phạm Anh Tuyền           | 9,0   | 9,0  | 8,0 |  |  | 9,0   | 7,5   | 8,3        | Học tốt             |  |
| 42                                                                                                                                     | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | 9,0   | 9,0  | 8,0 |  |  | 9,0   | 7,5   | 8,3        | Học tốt             |  |
| 43                                                                                                                                     | Bùi Thanh Tùng           | 9,0   | 9,0  | 8,0 |  |  | 9,0   | 9,0   | 8,9        | Học tốt, ngoan      |  |
| 44                                                                                                                                     | Nguyễn Thị Thúy Vân      | 9,0   | 9,0  | 8,0 |  |  | 8,0   | 7,5   | 8,1        | Học tốt, tích cực   |  |
| 45                                                                                                                                     | Đỗ Ngọc Vĩ               | 9,0   | 8,0  | 9,0 |  |  | 8,0   | 6,5   | 7,7        | Học khá             |  |
| 46                                                                                                                                     | Nguyễn Hoàng Việt        | 9,0   | 9,0  | 8,0 |  |  | 8,5   | 8,0   | 8,4        | Học tốt, tích cực   |  |
| 47                                                                                                                                     | Nguyễn Thị Vy            | 9,0   | 8,0  | 9,0 |  |  | 8,5   | 6,5   | 7,8        | Học khá             |  |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Huyền Trân

| <div> <div> HỌC KỲ I </div> <div> Ngữ văn </div> <div> (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số) </div> </div> |                          |       |     |     |     |  |       |       |             |                                   |  |  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------|-----|-----|-----|--|-------|-------|-------------|-----------------------------------|--|--|
| STT                                                                                                                                          | Họ và tên                | ĐĐGtx |     |     |     |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTB<br>mhhk | Ghi Chú                           |  |  |
| 1                                                                                                                                            | Nguyễn Hoàng Khánh An    | 6,0   | 7,0 | 7,0 | 9,0 |  | 4,0   | 5,0   | 5,8         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 2                                                                                                                                            | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | 7,0   | 8,0 | 8,0 | 8,0 |  | 4,5   | 5,5   | 6,3         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 3                                                                                                                                            | Lê Phạm Tuấn Anh         | 7,0   | 7,0 | 8,0 | 8,0 |  | 3,0   | 3,5   | 5,2         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 4                                                                                                                                            | Ngô Phương Ngọc Ánh      | 7,0   | 6,0 | 8,0 | 7,0 |  | 5,0   | 6,5   | 6,4         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 5                                                                                                                                            | Trương Vỹ Ân             | 6,0   | 7,0 | 8,0 | 6,0 |  | 4,5   | 5,0   | 5,7         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 6                                                                                                                                            | Ngô Hoài Bảo             | 6,0   | 5,0 | 5,0 | 5,0 |  | 4,5   | 5,0   | 5,0         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 7                                                                                                                                            | Trần Bảo Châu            | 6,0   | 8,0 | 9,0 | 7,0 |  | 4,0   | 5,5   | 6,1         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 8                                                                                                                                            | Trần Đại Thành Công      | 6,0   | 8,0 | 7,0 | 8,0 |  | 4,5   | 5,5   | 6,1         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 9                                                                                                                                            | Đỗ Hoàng Dung            | 7,0   | 8,0 | 8,0 | 8,0 |  | 6,5   | 6,5   | 7,1         | Học khá                           |  |  |
| 10                                                                                                                                           | Trần Văn Định            | 6,0   | 8,0 | 9,0 | 8,0 |  | 5,0   | 6,5   | 6,7         | Học khá                           |  |  |
| 11                                                                                                                                           | Nguyễn Phước Đức         | 6,0   | 7,0 | 8,0 | 7,0 |  | 5,0   | 5,5   | 6,1         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 12                                                                                                                                           | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | 8,0   | 6,0 | 8,0 | 8,0 |  | 4,5   | 6,5   | 6,5         | Học khá                           |  |  |
| 13                                                                                                                                           | Nguyễn Trung Hiếu        | 4,0   | 5,0 | 5,0 | 6,0 |  | 5,5   | 5,0   | 5,1         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 14                                                                                                                                           | Lê Thị Tuyết Hồng        | 7,0   | 7,0 | 8,0 | 9,0 |  | 6,5   | 7,5   | 7,4         | Học khá                           |  |  |
| 15                                                                                                                                           | Lê Quốc Huy              | 7,0   | 8,0 | 8,0 | 9,0 |  | 3,0   | 5,5   | 6,1         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 16                                                                                                                                           | Nguyễn Khang             | 5,0   | 5,0 | 6,0 | 8,0 |  | 3,0   | 6,0   | 5,3         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 17                                                                                                                                           | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | 6,0   | 8,0 | 6,0 | 6,0 |  | 4,5   | 4,5   | 5,4         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 18                                                                                                                                           | Trần Thị Kiều My         | 4,0   | 7,0 | 6,0 | 6,0 |  | 3,5   | 3,0   | 4,3         | Cần cố gắng hơn                   |  |  |
| 19                                                                                                                                           | Tăng Bùi Hoàng Nam       | 6,0   | 6,0 | 9,0 | 7,0 |  | 4,5   | 4,5   | 5,6         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 20                                                                                                                                           | Vân Thị Mai Nhi          | 6,0   | 8,0 | 8,0 | 7,0 |  | 5,5   | 5,0   | 6,1         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 21                                                                                                                                           | Trần Ngọc Huỳnh Như      | 6,0   | 8,0 | 6,0 | 7,0 |  | 7,0   | 5,5   | 6,4         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 22                                                                                                                                           | Trương Vĩnh Phú          | 6,0   | 7,0 | 6,0 | 5,0 |  | 4,0   | 6,0   | 5,6         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 23                                                                                                                                           | Phạm Hữu Phúc            | 6,0   | 7,0 | 8,0 | 8,0 |  | 4,0   | 5,0   | 5,8         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 24                                                                                                                                           | Trần Thanh Phúc          | 6,0   | 7,0 | 7,0 | 7,0 |  | 5,0   | 5,5   | 5,9         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 25                                                                                                                                           | Lê Thị Kim Phụng         | 6,0   | 7,0 | 7,0 | 8,0 |  | 5,5   | 6,5   | 6,5         | Học khá                           |  |  |
| 26                                                                                                                                           | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | 6,0   | 7,0 | 7,0 | 6,0 |  | 5,0   | 1,5   | 4,5         | Cần cố gắng hơn                   |  |  |
| 27                                                                                                                                           | Trần Thị Ngọc Quyền      | 6,0   | 8,0 | 8,0 | 5,0 |  | 4,5   | 5,5   | 5,8         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 28                                                                                                                                           | Đỗ Hoàng Thái            | 6,0   | 7,0 | 7,0 | 7,0 |  | 6,5   | 6,5   | 6,6         | Học khá                           |  |  |
| 29                                                                                                                                           | Nguyễn Minh Thái         | 7,0   | 7,0 | 8,0 | 8,0 |  | 4,5   | 5,0   | 6,0         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 30                                                                                                                                           | Nguyễn Thị Trang Thanh   | 6,0   | 7,0 | 7,0 | 6,0 |  | 5,5   | 6,5   | 6,3         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 31                                                                                                                                           | Lê Tiến Thành            | 6,0   | 7,0 | 6,0 | 5,0 |  | 5,0   | 5,0   | 5,4         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 32                                                                                                                                           | Trà Thanh Thiên          | 9,0   | 8,0 | 8,0 | 9,0 |  | 5,5   | 7,5   | 7,5         | Học khá                           |  |  |
| 33                                                                                                                                           | Nguyễn Đức Thiện         | 6,0   | 8,0 | 7,0 | 6,0 |  | 4,0   | 5,0   | 5,6         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 34                                                                                                                                           | Lê Anh Thư               | 6,0   | 6,0 | 7,0 | 7,0 |  | 5,0   | 5,0   | 5,7         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 35                                                                                                                                           | Trần Thùy Trang          | 6,0   | 8,0 | 8,0 | 7,0 |  | 3,5   | 5,5   | 5,8         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 36                                                                                                                                           | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | 7,0   | 7,0 | 8,0 | 8,0 |  | 5,0   | 7,5   | 6,9         | Học khá                           |  |  |
| 37                                                                                                                                           | Nguyễn Thị Quế Trân      | 5,0   | 5,0 | 6,0 | 5,0 |  | 4,5   | 4,5   | 4,8         | Cần cố gắng hơn                   |  |  |
| 38                                                                                                                                           | Lưu Bảo Trúc             | 4,0   | 5,0 | 5,0 | 5,0 |  | 5,0   | 4,0   | 4,6         | Cần cố gắng hơn                   |  |  |
| 39                                                                                                                                           | Nguyễn Nhật Trường       | 5,0   | 4,0 | 5,0 | 5,0 |  | 4,0   | 4,5   | 4,5         | Cần cố gắng hơn                   |  |  |
| 40                                                                                                                                           | Nguyễn Trung Nhật Trường | 6,0   | 7,0 | 7,0 | 7,0 |  | 5,5   | 6,5   | 6,4         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 41                                                                                                                                           | Phạm Anh Tuyền           | 8,0   | 7,0 | 8,0 | 6,0 |  | 5,5   | 5,5   | 6,3         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 42                                                                                                                                           | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | 8,0   | 8,0 | 8,0 | 8,0 |  | 5,5   | 7,0   | 7,1         | Học khá                           |  |  |
| 43                                                                                                                                           | Bùi Thanh Tùng           | 7,0   | 8,0 | 8,0 | 8,0 |  | 5,5   | 5,5   | 6,5         | Học khá                           |  |  |
| 44                                                                                                                                           | Nguyễn Thị Thúy Vân      | 6,0   | 7,0 | 9,0 | 9,0 |  | 6,5   | 6,0   | 6,9         | Học khá                           |  |  |
| 45                                                                                                                                           | Đỗ Ngọc Vĩ               | 6,0   | 7,0 | 8,0 | 8,0 |  | 5,0   | 7,0   | 6,7         | Học khá                           |  |  |
| 46                                                                                                                                           | Nguyễn Hoàng Việt        | 7,0   | 8,0 | 8,0 | 7,0 |  | 4,0   | 4,0   | 5,6         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |
| 47                                                                                                                                           | Nguyễn Thị Vy            | 6,0   | 8,0 | 7,0 | 7,0 |  | 4,0   | 6,0   | 6,0         | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |  |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Vân

| <div> <div>HỌC KỲ I</div> <div>Lịch sử<div>(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)</div></div> </div> |                          |       |      |      |  |  |       |       |            |                                     |  |  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------|------|------|--|--|-------|-------|------------|-------------------------------------|--|--|
| STT                                                                                                                                   | Họ và tên                | ĐĐGtx |      |      |  |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTB<br>mhk | Ghi Chú                             |  |  |
| 1                                                                                                                                     | Nguyễn Hoàng Khánh An    | 5,0   | 8,0  | 5,0  |  |  | 6,3   | 6,8   | 6,4        | Học được, cần cố gắng hơn.          |  |  |
| 2                                                                                                                                     | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | 8,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 8,8   | 8,8   | 8,5        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt. |  |  |
| 3                                                                                                                                     | Lê Phạm Tuấn Anh         | 8,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 6,8   | 9,0   | 8,1        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt. |  |  |
| 4                                                                                                                                     | Ngô Phương Ngọc Ánh      | 7,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 8,0   | 8,0   | 7,9        | Học khá, có cố gắng.                |  |  |
| 5                                                                                                                                     | Trương Vỹ Ân             | 7,0   | 8,0  | 9,0  |  |  | 8,3   | 6,5   | 7,5        | Học khá, có cố gắng.                |  |  |
| 6                                                                                                                                     | Ngô Hoài Bảo             | 8,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 7,8   | 6,3   | 7,7        | Học khá, có cố gắng.                |  |  |
| 7                                                                                                                                     | Trần Bảo Châu            | 8,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 8,8   | 9,3   | 8,7        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt. |  |  |
| 8                                                                                                                                     | Trần Đại Thành Công      | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 8,0   | 5,8   | 7,8        | Học khá, có cố gắng.                |  |  |
| 9                                                                                                                                     | Đỗ Hoàng Dung            | 8,0   | 8,0  | 7,0  |  |  | 9,5   | 8,3   | 8,4        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt. |  |  |
| 10                                                                                                                                    | Trần Văn Định            | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 6,8   | 6,0   | 7,6        | Học khá, có cố gắng.                |  |  |
| 11                                                                                                                                    | Nguyễn Phước Đức         | 8,0   | 8,0  | 9,0  |  |  | 8,3   | 8,3   | 8,3        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt. |  |  |
| 12                                                                                                                                    | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | 8,0   | 8,0  | 7,0  |  |  | 7,5   | 8,8   | 8,1        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt. |  |  |
| 13                                                                                                                                    | Nguyễn Trung Hiếu        | 8,0   | 8,0  | 10,0 |  |  | 1,8   | 4,5   | 5,4        | Học được, cần cố gắng hơn.          |  |  |
| 14                                                                                                                                    | Lê Thị Tuyết Hồng        | 8,0   | 8,0  | 10,0 |  |  | 8,5   | 8,8   | 8,7        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt. |  |  |
| 15                                                                                                                                    | Lê Quốc Huy              | 8,0   | 8,0  | 9,0  |  |  | 4,8   | 7,3   | 7,1        | Học khá, có cố gắng.                |  |  |
| 16                                                                                                                                    | Nguyễn Khang             | 7,0   | 8,0  | 10,0 |  |  | 2,5   | 8,8   | 7,1        | Học khá, có cố gắng.                |  |  |
| 17                                                                                                                                    | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | 9,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 5,3   | 5,8   | 7,0        | Học khá, có cố gắng.                |  |  |
| 18                                                                                                                                    | Trần Thị Kiều My         | 9,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 7,0   | 2,3   | 5,7        | Cần cố gắng hơn.                    |  |  |
| 19                                                                                                                                    | Tăng Bùi Hoàng Nam       | 8,0   | 7,0  | 8,0  |  |  | 6,3   | 9,0   | 7,8        | Học khá, có cố gắng.                |  |  |
| 20                                                                                                                                    | Vân Thị Mai Nhi          | 7,0   | 8,0  | 10,0 |  |  | 5,5   | 8,5   | 7,7        | Học khá, có cố gắng.                |  |  |
| 21                                                                                                                                    | Trần Ngọc Huỳnh Như      | 8,0   | 4,0  | 4,0  |  |  | 6,8   | 7,8   | 6,6        | Học được, cần cố gắng hơn.          |  |  |
| 22                                                                                                                                    | Trương Vĩnh Phú          | 9,0   | 5,0  | 8,0  |  |  | 8,8   | 7,0   | 7,6        | Học khá, có cố gắng.                |  |  |
| 23                                                                                                                                    | Phạm Hữu Phúc            | 5,0   | 5,0  | 6,0  |  |  | 7,8   | 8,8   | 7,3        | Học khá, có cố gắng.                |  |  |
| 24                                                                                                                                    | Trần Thanh Phúc          | 6,0   | 5,0  | 5,0  |  |  | 3,3   | 9,0   | 6,2        | Học được, cần cố gắng hơn.          |  |  |
| 25                                                                                                                                    | Lê Thị Kim Phụng         | 8,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 7,3   | 8,0   | 8,2        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt. |  |  |
| 26                                                                                                                                    | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | 8,0   | 8,0  | 10,0 |  |  | 7,3   | 8,5   | 8,3        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt. |  |  |
| 27                                                                                                                                    | Trần Thị Ngọc Quyền      | 9,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 7,0   | 7,5   | 8,1        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt. |  |  |
| 28                                                                                                                                    | Đỗ Hoàng Thái            | 8,0   | 7,0  | 8,0  |  |  | 7,0   | 7,5   | 7,4        | Học khá, có cố gắng.                |  |  |
| 29                                                                                                                                    | Nguyễn Minh Thái         | 9,0   | 8,0  | 10,0 |  |  | 8,3   | 6,5   | 7,9        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt. |  |  |
| 30                                                                                                                                    | Nguyễn Thị Trang Thanh   | 9,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 8,5   | 2,5   | 6,2        | Học được, cần cố gắng hơn.          |  |  |
| 31                                                                                                                                    | Lê Tiến Thành            | 8,0   | 4,0  | 4,0  |  |  | 8,3   | 6,5   | 6,5        | Học được, cần cố gắng hơn.          |  |  |
| 32                                                                                                                                    | Trà Thanh Thiên          | 8,0   | 8,0  | 7,0  |  |  | 9,0   | 8,3   | 8,2        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt. |  |  |
| 33                                                                                                                                    | Nguyễn Đức Thiện         | 4,0   | 4,0  | 5,0  |  |  | 6,5   | 5,0   | 5,1        | Cần cố gắng hơn.                    |  |  |
| 34                                                                                                                                    | Lê Anh Thư               | 8,0   | 8,0  | 10,0 |  |  | 4,3   | 6,5   | 6,8        | Học khá, có cố gắng.                |  |  |
| 35                                                                                                                                    | Trần Thùy Trang          | 5,0   | 8,0  | 10,0 |  |  | 7,5   | 5,5   | 6,8        | Học khá, có cố gắng.                |  |  |
| 36                                                                                                                                    | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | 8,0   | 8,0  | 10,0 |  |  | 8,3   | 8,8   | 8,6        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt. |  |  |
| 37                                                                                                                                    | Nguyễn Thị Quế Trân      | 9,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 8,0   | 6,5   | 7,6        | Học khá, có cố gắng.                |  |  |
| 38                                                                                                                                    | Lưu Bảo Trúc             | 9,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 6,3   | 2,0   | 5,5        | Học được, cần cố gắng hơn.          |  |  |
| 39                                                                                                                                    | Nguyễn Nhật Trường       | 9,0   | 8,0  | 7,0  |  |  | 8,3   | 8,0   | 8,1        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt. |  |  |
| 40                                                                                                                                    | Nguyễn Trung Nhật Trường | 9,0   | 8,0  | 4,0  |  |  | 8,5   | 7,3   | 7,5        | Học khá, có cố gắng.                |  |  |
| 41                                                                                                                                    | Phạm Anh Tuyền           | 7,0   | 8,0  | 10,0 |  |  | 7,8   | 7,0   | 7,7        | Học khá, có cố gắng.                |  |  |
| 42                                                                                                                                    | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | 9,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 8,0   | 8,8   | 8,8        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt. |  |  |
| 43                                                                                                                                    | Bùi Thanh Tùng           | 9,0   | 8,0  | 10,0 |  |  | 8,5   | 9,5   | 9,1        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt. |  |  |
| 44                                                                                                                                    | Nguyễn Thị Thúy Vân      | 8,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 5,0   | 7,5   | 7,3        | Học khá, có cố gắng.                |  |  |
| 45                                                                                                                                    | Đỗ Ngọc Vĩ               | 8,0   | 8,0  | 10,0 |  |  | 6,5   | 8,0   | 7,9        | Học khá, có cố gắng.                |  |  |
| 46                                                                                                                                    | Nguyễn Hoàng Việt        | 8,0   | 8,0  | 7,0  |  |  | 8,0   | 9,0   | 8,3        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt. |  |  |
| 47                                                                                                                                    | Nguyễn Thị Vy            | 8,0   | 8,0  | 10,0 |  |  | 7,0   | 7,5   | 7,8        | Học khá, có cố gắng.                |  |  |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lệ Huyền

# HỌC KỲ I

## Ngoại ngữ 1 (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

| STT | Họ và tên                | ĐĐGtx |      |      |      |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTB<br>mhk | Ghi Chú              |
|-----|--------------------------|-------|------|------|------|--|-------|-------|------------|----------------------|
| 1   | Nguyễn Hoàng Khánh An    | 7,0   | 10,0 | 5,0  | 8,0  |  | 6,8   | 4,6   | 6,4        | Có cố gắng           |
| 2   | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | 8,0   | 10,0 | 8,0  | 8,0  |  | 5,8   | 5,1   | 6,8        | Học khá tốt          |
| 3   | Lê Phạm Tuấn Anh         | 7,0   | 7,5  | 6,0  | 8,0  |  | 9,0   | 8,8   | 8,1        | Học khá tốt          |
| 4   | Ngô Phương Ngọc Ánh      | 10,0  | 7,5  | 8,0  | 7,0  |  | 3,5   | 5,2   | 6,1        | Có cố gắng           |
| 5   | Trương Vỹ Ân             | 6,0   | 6,5  | 8,0  | 7,0  |  | 6,8   | 9,1   | 7,6        | Học khá tốt          |
| 6   | Ngô Hoài Bảo             | 9,0   | 7,5  | 8,0  | 8,0  |  | 5,5   | 8,1   | 7,5        | Học khá tốt          |
| 7   | Trần Bảo Châu            | 9,0   | 10,0 | 9,0  | 8,0  |  | 7,8   | 7,0   | 8,1        | Học giỏi, chăm ngoan |
| 8   | Trần Đại Thành Công      | 10,0  | 6,0  | 7,0  | 7,0  |  | 5,0   | 8,2   | 7,2        | Học khá tốt          |
| 9   | Đỗ Hoàng Dung            | 8,0   | 8,5  | 8,0  | 7,0  |  | 5,8   | 7,9   | 7,4        | Học khá tốt          |
| 10  | Trần Văn Định            | 9,0   | 7,5  | 10,0 | 7,0  |  | 8,0   | 6,8   | 7,8        | Học khá tốt          |
| 11  | Nguyễn Phước Đức         | 8,0   | 6,5  | 9,0  | 7,0  |  | 6,3   | 9,3   | 7,9        | Học khá tốt          |
| 12  | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | 7,0   | 6,0  | 9,0  | 7,0  |  | 3,5   | 5,6   | 5,9        | Có cố gắng           |
| 13  | Nguyễn Trung Hiếu        | 6,0   | 6,5  | 8,0  | 6,0  |  | 6,5   | 5,5   | 6,2        | Có cố gắng           |
| 14  | Lê Thị Tuyết Hồng        | 10,0  | 9,5  | 9,0  | 9,0  |  | 6,0   | 8,6   | 8,4        | Học giỏi, chăm ngoan |
| 15  | Lê Quốc Huy              | 8,0   | 7,5  | 9,0  | 7,0  |  | 8,0   | 7,8   | 7,9        | Học khá tốt          |
| 16  | Nguyễn Khang             | 8,0   | 6,0  | 8,0  | 7,0  |  | 5,0   | 4,8   | 5,9        | Có cố gắng           |
| 17  | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | 6,0   | 6,0  | 7,0  | 6,0  |  | 7,3   | 7,8   | 7,0        | Học khá tốt          |
| 18  | Trần Thị Kiều My         | 8,0   | 7,0  | 5,0  | 7,0  |  | 8,0   | 8,3   | 7,5        | Học khá tốt          |
| 19  | Tăng Bùi Hoàng Nam       | 7,0   | 6,5  | 8,0  | 6,0  |  | 4,0   | 7,6   | 6,5        | Học khá tốt          |
| 20  | Vân Thị Mai Nhi          | 8,0   | 6,0  | 9,0  | 7,0  |  | 4,5   | 8,0   | 7,0        | Học khá tốt          |
| 21  | Trần Ngọc Huỳnh Như      | 8,0   | 6,0  | 8,0  | 7,0  |  | 6,0   | 4,6   | 6,1        | Có cố gắng           |
| 22  | Trương Vĩnh Phú          | 7,0   | 6,5  | 8,0  | 5,0  |  | 8,3   | 7,0   | 7,1        | Học khá tốt          |
| 23  | Phạm Hữu Phúc            | 8,0   | 7,5  | 5,0  | 8,0  |  | 3,5   | 7,0   | 6,3        | Có cố gắng           |
| 24  | Trần Thanh Phúc          | 7,0   | 7,0  | 8,0  | 7,0  |  | 5,0   | 6,7   | 6,6        | Học khá tốt          |
| 25  | Lê Thị Kim Phụng         | 9,0   | 7,0  | 9,0  | 8,0  |  | 6,0   | 7,4   | 7,5        | Học khá tốt          |
| 26  | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | 10,0  | 8,5  | 8,0  | 9,0  |  | 4,8   | 8,2   | 7,7        | Học khá tốt          |
| 27  | Trần Thị Ngọc Quyền      | 7,0   | 5,5  | 7,0  | 6,0  |  | 4,0   | 6,7   | 6,0        | Có cố gắng           |
| 28  | Đỗ Hoàng Thái            | 8,0   | 7,5  | 8,0  | 7,0  |  | 5,8   | 8,1   | 7,4        | Học khá tốt          |
| 29  | Nguyễn Minh Thái         | 8,0   | 8,0  | 8,0  | 7,0  |  | 6,3   | 7,4   | 7,3        | Học khá tốt          |
| 30  | Nguyễn Thị Trang Thanh   | 7,0   | 7,5  | 5,0  | 6,0  |  | 8,5   | 8,4   | 7,5        | Học khá tốt          |
| 31  | Lê Tiến Thành            | 8,0   | 7,5  | 8,0  | 8,0  |  | 7,5   | 8,4   | 8,0        | Học giỏi, chăm ngoan |
| 32  | Trà Thanh Thiên          | 10,0  | 9,5  | 9,0  | 8,0  |  | 5,5   | 7,6   | 7,8        | Học khá tốt          |
| 33  | Nguyễn Đức Thiện         | 5,0   | 6,5  | 8,0  | 6,0  |  | 5,8   | 7,5   | 6,6        | Học khá tốt          |
| 34  | Lê Anh Thư               | 8,0   | 6,0  | 9,0  | 7,0  |  | 4,8   | 4,7   | 6,0        | Có cố gắng           |
| 35  | Trần Thùy Trang          | 8,0   | 5,0  | 8,0  | 6,0  |  | 3,5   | 5,0   | 5,4        | Có cố gắng           |
| 36  | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | 10,0  | 8,5  | 9,0  | 9,0  |  | 4,0   | 8,2   | 7,7        | Học khá tốt          |
| 37  | Nguyễn Thị Quế Trân      | 7,0   | 7,5  | 5,0  | 9,0  |  | 8,5   | 8,4   | 7,9        | Học khá tốt          |
| 38  | Lưu Bảo Trúc             | 7,0   | 6,5  | 5,0  | 7,0  |  | 7,8   | 8,2   | 7,3        | Học khá tốt          |
| 39  | Nguyễn Nhật Trường       | 8,0   | 6,5  | 8,0  | 7,0  |  | 7,5   | 8,4   | 7,7        | Học khá tốt          |
| 40  | Nguyễn Trung Nhật Trường | 8,0   | 8,5  | 9,0  | 9,0  |  | 7,5   | 8,3   | 8,3        | Học giỏi, chăm ngoan |
| 41  | Phạm Anh Tuyền           | 7,0   | 6,0  | 9,0  | 6,0  |  | 4,0   | 5,0   | 5,7        | Có cố gắng           |
| 42  | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | 8,0   | 9,5  | 7,0  | 10,0 |  | 5,8   | 7,4   | 7,6        | Học khá tốt          |
| 43  | Bùi Thanh Tùng           | 9,0   | 7,0  | 8,0  | 7,0  |  | 6,5   | 8,5   | 7,7        | Học khá tốt          |
| 44  | Nguyễn Thị Thủy Vân      | 8,0   | 8,5  | 9,0  | 9,0  |  | 7,8   | 7,8   | 8,2        | Học giỏi, chăm ngoan |
| 45  | Đỗ Ngọc Vĩ               | 7,0   | 6,0  | 8,0  | 6,0  |  | 6,0   | 7,4   | 6,8        | Học khá tốt          |
| 46  | Nguyễn Hoàng Việt        | 10,0  | 7,0  | 6,0  | 9,0  |  | 9,0   | 9,4   | 8,7        | Học giỏi, chăm ngoan |
| 47  | Nguyễn Thị Vy            | 7,0   | 8,0  | 9,0  | 7,0  |  | 4,3   | 7,4   | 6,9        | Học khá tốt          |

**Giáo viên môn học**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Lê Thị Hồng Thủy**

**Giáo Dục Quốc Phòng**

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

| STT | Họ và tên                | ĐĐGtx |     |  |  |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTB<br>mhk | Ghi Chú                                      |
|-----|--------------------------|-------|-----|--|--|--|-------|-------|------------|----------------------------------------------|
| 1   | Nguyễn Hoàng Khánh An    | 9,0   | 9,0 |  |  |  | 8,8   | 4,5   | 7,0        | Cần cố gắng hơn trong hk2.                   |
| 2   | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | 9,0   | 9,0 |  |  |  | 8,3   | 9,3   | 8,9        | Học tốt, phát huy trong học tập ở hk2.       |
| 3   | Lê Phạm Tuấn Anh         | 7,0   | 8,0 |  |  |  | 8,5   | 4,5   | 6,5        | Cần cố gắng hơn trong học tập.               |
| 4   | Ngô Phương Ngọc Ánh      | 7,0   | 7,0 |  |  |  | 7,8   | 5,5   | 6,6        | Cần cố gắng hơn trong học tập.               |
| 5   | Trương Vỹ Ân             | 5,0   | 6,0 |  |  |  | 7,0   | 7,0   | 6,6        | Cần cố gắng nhiều hơn trong học tập.         |
| 6   | Ngô Hoài Bảo             | 7,0   | 8,0 |  |  |  | 8,0   | 5,0   | 6,6        | Cố gắng hơn trong học tập, cần tích cực hơn. |
| 7   | Trần Bảo Châu            | 9,0   | 8,0 |  |  |  | 7,3   | 8,5   | 8,2        | Học tốt, phát huy trong học tập ở hk2.       |
| 8   | Trần Đại Thành Công      | 9,0   | 9,0 |  |  |  | 8,8   | 7,3   | 8,2        | Học tốt, phát huy trong học tập ở hk2.       |
| 9   | Đỗ Hoàng Dung            | 9,0   | 9,0 |  |  |  | 9,0   | 7,8   | 8,5        | Học tốt, phát huy trong học tập ở hk2.       |
| 10  | Trần Văn Định            | 9,0   | 8,0 |  |  |  | 8,3   | 6,0   | 7,4        | Học khá.                                     |
| 11  | Nguyễn Phước Đức         | 5,0   | 6,0 |  |  |  | 7,5   | 6,5   | 6,5        | Cần cố gắng nhiều hơn trong học tập.         |
| 12  | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | 8,0   | 7,0 |  |  |  | 7,8   | 8,5   | 8,0        | Học tốt.                                     |
| 13  | Nguyễn Trung Hiếu        | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 8,5   | 6,5   | 6,9        | Học khá.                                     |
| 14  | Lê Thị Tuyết Hồng        | 9,0   | 9,0 |  |  |  | 9,3   | 9,3   | 9,2        | Học tốt, phát huy trong học tập ở hk2.       |
| 15  | Lê Quốc Huy              | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 8,5   | 9,0   | 8,0        | Học tốt.                                     |
| 16  | Nguyễn Khang             | 8,0   | 8,0 |  |  |  | 8,8   | 5,3   | 7,1        | Học khá.                                     |
| 17  | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | 9,0   | 9,0 |  |  |  | 9,0   | 6,3   | 7,8        | Học khá.                                     |
| 18  | Trần Thị Kiều My         | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 8,0   | 6,5   | 6,8        | Cần cố gắng hơn ở hk2.                       |
| 19  | Tăng Bùi Hoàng Nam       | 6,0   | 7,0 |  |  |  | 8,5   | 5,5   | 6,6        | Tích cực hơn ở hk2.                          |
| 20  | Văn Thị Mai Nhi          | 7,0   | 7,0 |  |  |  | 6,0   | 6,5   | 6,5        | Tích cực hơn ở hk2.                          |
| 21  | Trần Ngọc Huỳnh Như      | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 5,5   | 7,5   | 6,5        | Tích cực hơn ở hk2.                          |
| 22  | Trương Vĩnh Phú          | 7,0   | 7,0 |  |  |  | 8,0   | 5,3   | 6,6        | Cần cố gắng hơn ở hk2.                       |
| 23  | Phạm Hữu Phúc            | 8,0   | 7,0 |  |  |  | 8,8   | 7,3   | 7,8        | Học khá.                                     |
| 24  | Trần Thanh Phúc          | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 8,8   | 5,3   | 6,5        | Cần cố gắng hơn ở hk2.                       |
| 25  | Lê Thị Kim Phụng         | 5,0   | 8,0 |  |  |  | 9,0   | 8,8   | 8,2        | Học tốt.                                     |
| 26  | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | 8,0   | 8,0 |  |  |  | 7,0   | 5,3   | 6,6        | Tích cực hơn ở hk2.                          |
| 27  | Trần Thị Ngọc Quyên      | 8,0   | 7,0 |  |  |  | 8,0   | 4,8   | 6,5        | Tích cực hơn ở hk2.                          |
| 28  | Đỗ Hoàng Thái            | 9,0   | 8,0 |  |  |  | 7,0   | 5,0   | 6,6        | Tích cực hơn ở hk2.                          |
| 29  | Nguyễn Minh Thái         | 7,0   | 9,0 |  |  |  | 8,5   | 3,0   | 6,0        | Tích cực hơn ở hk2.                          |
| 30  | Nguyễn Thị Trang Thanh   | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 7,0   | 7,3   | 6,8        | Tích cực hơn ở hk2.                          |
| 31  | Lê Tiến Thành            | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 8,5   | 5,5   | 6,5        | Tích cực hơn ở hk2.                          |
| 32  | Trà Thanh Thiên          | 9,0   | 9,0 |  |  |  | 9,5   | 8,8   | 9,1        | Học tốt, phát huy trong học tập ở hk2.       |
| 33  | Nguyễn Đức Thiện         | 5,0   | 6,0 |  |  |  | 6,0   | 7,5   | 6,5        | Tích cực hơn ở hk2.                          |
| 34  | Lê Anh Thư               | 8,0   | 8,0 |  |  |  | 9,0   | 6,3   | 7,6        | Học khá.                                     |
| 35  | Trần Thùy Trang          | 9,0   | 9,0 |  |  |  | 9,0   | 7,5   | 8,4        | Học tốt, phát huy trong học tập ở hk2.       |
| 36  | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | 9,0   | 9,0 |  |  |  | 9,3   | 8,8   | 9,0        | Học tốt, phát huy trong học tập ở hk2.       |
| 37  | Nguyễn Thị Quế Trân      | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 7,8   | 6,0   | 6,5        | Cần cố gắng hơn ở hk2.                       |
| 38  | Lưu Bảo Trúc             | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 7,8   | 6,8   | 6,9        | Cần cố gắng hơn ở hk2.                       |
| 39  | Nguyễn Nhật Trường       | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 8,8   | 5,3   | 6,5        | Cần cố gắng hơn ở hk2.                       |
| 40  | Nguyễn Trung Nhật Trường | 8,0   | 8,0 |  |  |  | 8,8   | 7,5   | 8,0        | Học khá.                                     |
| 41  | Phạm Anh Tuyền           | 7,0   | 8,0 |  |  |  | 9,0   | 5,5   | 7,1        | Học khá.                                     |
| 42  | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | 8,0   | 8,0 |  |  |  | 8,3   | 7,8   | 8,0        | Học tốt.                                     |
| 43  | Bùi Thanh Tùng           | 9,0   | 9,0 |  |  |  | 8,8   | 8,8   | 8,9        | Học tốt, phát huy trong học tập ở hk2.       |
| 44  | Nguyễn Thị Thúy Vân      | 9,0   | 9,0 |  |  |  | 8,3   | 7,5   | 8,2        | Học tốt.                                     |
| 45  | Đỗ Ngọc Vĩ               | 8,0   | 8,0 |  |  |  | 8,5   | 4,5   | 6,6        | Tích cực hơn ở hk2.                          |
| 46  | Nguyễn Hoàng Việt        | 9,0   | 8,0 |  |  |  | 8,0   | 4,3   | 6,6        | Tích cực hơn ở hk2.                          |
| 47  | Nguyễn Thị Vy            | 7,0   | 8,0 |  |  |  | 9,3   | 4,3   | 6,6        | Tích cực hơn ở hk2.                          |

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Nguyễn Thị Thu Hằng**

| <div> <div>Giáo dục thể chất</div> <div>HỌC KỲ I</div> <div>(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)</div> </div> |                          |                                                         |   |  |  |         |         |        |               |  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------|---|--|--|---------|---------|--------|---------------|--|
| STT                                                                                                                | Họ và tên                | <div>Mức đánh giá</div> <div>Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)</div> |   |  |  |         |         |        | Ghi Chú       |  |
|                                                                                                                    |                          | Thường Xuyên                                            |   |  |  | Giữa kỳ | Cuối kỳ | Học kỳ |               |  |
| 1                                                                                                                  | Nguyễn Hoàng Khánh An    | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 2                                                                                                                  | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 3                                                                                                                  | Lê Phạm Tuấn Anh         | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 4                                                                                                                  | Ngô Phương Ngọc Ánh      | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 5                                                                                                                  | Trương Vỹ Ân             | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 6                                                                                                                  | Ngô Hoài Bảo             | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 7                                                                                                                  | Trần Bảo Châu            | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 8                                                                                                                  | Trần Đại Thành Công      | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 9                                                                                                                  | Đỗ Hoàng Dung            | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 10                                                                                                                 | Trần Văn Định            | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 11                                                                                                                 | Nguyễn Phước Đức         | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 12                                                                                                                 | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 13                                                                                                                 | Nguyễn Trung Hiếu        | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 14                                                                                                                 | Lê Thị Tuyết Hồng        | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 15                                                                                                                 | Lê Quốc Huy              | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 16                                                                                                                 | Nguyễn Khang             | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 17                                                                                                                 | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 18                                                                                                                 | Trần Thị Kiều My         | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 19                                                                                                                 | Tăng Bùi Hoàng Nam       | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 20                                                                                                                 | Vân Thị Mai Nhi          | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 21                                                                                                                 | Trần Ngọc Huỳnh Như      | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 22                                                                                                                 | Trương Vĩnh Phú          | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 23                                                                                                                 | Phạm Hữu Phúc            | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 24                                                                                                                 | Trần Thanh Phúc          | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 25                                                                                                                 | Lê Thị Kim Phụng         | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 26                                                                                                                 | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 27                                                                                                                 | Trần Thị Ngọc Quyên      | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 28                                                                                                                 | Đỗ Hoàng Thái            | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 29                                                                                                                 | Nguyễn Minh Thái         | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 30                                                                                                                 | Nguyễn Thị Trang Thanh   | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 31                                                                                                                 | Lê Tiến Thành            | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 32                                                                                                                 | Trà Thanh Thiên          | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 33                                                                                                                 | Nguyễn Đức Thiện         | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 34                                                                                                                 | Lê Anh Thư               | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 35                                                                                                                 | Trần Thùy Trang          | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 36                                                                                                                 | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 37                                                                                                                 | Nguyễn Thị Quế Trân      | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 38                                                                                                                 | Lưu Bảo Trúc             | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 39                                                                                                                 | Nguyễn Nhật Trường       | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 40                                                                                                                 | Nguyễn Trung Nhật Trường | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 41                                                                                                                 | Phạm Anh Tuyền           | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 42                                                                                                                 | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 43                                                                                                                 | Bùi Thanh Tùng           | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 44                                                                                                                 | Nguyễn Thị Thúy Vân      | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 45                                                                                                                 | Đỗ Ngọc Vĩ               | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 46                                                                                                                 | Nguyễn Hoàng Việt        | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |
| 47                                                                                                                 | Nguyễn Thị Vy            | Đ                                                       | Đ |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Tập luyện tốt |  |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Hồ Minh Tiến

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

trang 28/48

| STT | Họ và tên                | Mức đánh giá<br>Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ) |   |  |  |            |            |        | Ghi Chú                                           |
|-----|--------------------------|--------------------------------------|---|--|--|------------|------------|--------|---------------------------------------------------|
|     |                          | Thường Xuyên                         |   |  |  | Giữa<br>kỳ | Cuối<br>kỳ | Học kỳ |                                                   |
| 1   | Nguyễn Hoàng Khánh An    | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.             |
| 2   | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Thân thiện với bạn bè, vui vẻ và đoàn kết.        |
| 3   | Lê Phạm Tuấn Anh         | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.        |
| 4   | Ngô Phương Ngọc Ánh      | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ và đoàn kết. |
| 5   | Trương Vỹ Ân             | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Thân thiện với bạn bè, vui vẻ và đoàn kết.        |
| 6   | Ngô Hoài Bảo             | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.        |
| 7   | Trần Bảo Châu            | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.             |
| 8   | Trần Đại Thành Công      | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ và đoàn kết. |
| 9   | Đỗ Hoàng Dung            | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.             |
| 10  | Trần Văn Định            | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ và đoàn kết. |
| 11  | Nguyễn Phước Đức         | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ và đoàn kết. |
| 12  | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Thân thiện với bạn bè, vui vẻ và đoàn kết.        |
| 13  | Nguyễn Trung Hiếu        | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.        |
| 14  | Lê Thị Tuyết Hồng        | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.             |
| 15  | Lê Quốc Huy              | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, vui vẻ.                       |
| 16  | Nguyễn Khang             | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.             |
| 17  | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ và đoàn kết. |
| 18  | Trần Thị Kiều My         | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, vui vẻ.                       |
| 19  | Tăng Bùi Hoàng Nam       | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ và đoàn kết. |
| 20  | Vân Thị Mai Nhi          | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.             |
| 21  | Trần Ngọc Huỳnh Như      | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.        |
| 22  | Trương Vĩnh Phú          | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, vui vẻ.                       |
| 23  | Phạm Hữu Phúc            | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ và đoàn kết. |
| 24  | Trần Thanh Phúc          | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.             |
| 25  | Lê Thị Kim Phụng         | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ và đoàn kết. |
| 26  | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.        |
| 27  | Trần Thị Ngọc Quyên      | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.        |
| 28  | Đỗ Hoàng Thái            | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.             |
| 29  | Nguyễn Minh Thái         | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.        |
| 30  | Nguyễn Thị Trang Thanh   | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, vui vẻ.                       |
| 31  | Lê Tiến Thành            | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ và đoàn kết. |
| 32  | Trà Thanh Thiên          | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.             |
| 33  | Nguyễn Đức Thiện         | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.             |
| 34  | Lê Anh Thư               | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.        |
| 35  | Trần Thùy Trang          | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.             |
| 36  | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.             |
| 37  | Nguyễn Thị Quế Trân      | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, vui vẻ.                       |
| 38  | Lưu Bảo Trúc             | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, vui vẻ.                       |
| 39  | Nguyễn Nhật Trường       | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.        |
| 40  | Nguyễn Trung Nhật Trường | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.        |
| 41  | Phạm Anh Tuyền           | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.        |
| 42  | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.        |
| 43  | Bùi Thanh Tùng           | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.        |
| 44  | Nguyễn Thị Thúy Vân      | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.             |
| 45  | Đỗ Ngọc Vĩ               | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.        |
| 46  | Nguyễn Hoàng Việt        | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.        |
| 47  | Nguyễn Thị Vy            | Đ                                    | Đ |  |  | Đ          | Đ          | Đ      | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.        |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Minh Triều

TỔNG HỢP HỌC KỲ I

| Số<br>T<br>T | Họ và tên                | Môn học đánh giá<br>bằng nhận xét |                           |              | Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm<br>số |        |         |             |         |         |         |                |                              |   | Kết<br>quả<br>học<br>tập | Kết<br>quả<br>rèn<br>luyện |
|--------------|--------------------------|-----------------------------------|---------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------|--------|---------|-------------|---------|---------|---------|----------------|------------------------------|---|--------------------------|----------------------------|
|              |                          | Giáo<br>dục thể<br>chất           | Giáo<br>dục địa<br>phương | HĐTrN-<br>HN | Toán                                                            | Vật lý | Hóa học | Sinh<br>học | Tin học | Ngữ văn | Lịch sử | Ngoại<br>ngữ 1 | Giáo<br>Dục<br>Quốc<br>Phòng |   |                          |                            |
| 1            | Nguyễn Hoàng Khánh An    | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,5                                                             | 6,4    | 8,4     | 5,8         | 7,6     | 5,8     | 6,4     | 6,4            | 7,0                          | Đ | T                        |                            |
| 2            | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,6                                                             | 7,9    | 9,9     | 9,2         | 9,1     | 6,3     | 8,5     | 6,8            | 8,9                          | K | T                        |                            |
| 3            | Lê Phạm Tuấn Anh         | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,1                                                             | 6,3    | 8,0     | 7,7         | 8,4     | 5,2     | 8,1     | 8,1            | 6,5                          | K | T                        |                            |
| 4            | Ngô Phương Ngọc Ánh      | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,7                                                             | 6,0    | 7,1     | 6,8         | 7,7     | 6,4     | 7,9     | 6,1            | 6,6                          | Đ | T                        |                            |
| 5            | Trương Vỹ Ân             | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,5                                                             | 6,8    | 8,1     | 6,4         | 7,9     | 5,7     | 7,5     | 7,6            | 6,6                          | K | T                        |                            |
| 6            | Ngô Hoài Bảo             | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,0                                                             | 5,4    | 8,5     | 6,2         | 7,6     | 5,0     | 7,7     | 7,5            | 6,6                          | Đ | T                        |                            |
| 7            | Trần Bảo Châu            | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,8                                                             | 7,0    | 9,4     | 8,6         | 8,4     | 6,1     | 8,7     | 8,1            | 8,2                          | K | T                        |                            |
| 8            | Trần Đại Thành Công      | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,9                                                             | 6,8    | 8,8     | 6,6         | 8,0     | 6,1     | 7,8     | 7,2            | 8,2                          | K | T                        |                            |
| 9            | Đỗ Hoàng Dung            | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,1                                                             | 7,3    | 9,4     | 9,1         | 7,9     | 7,1     | 8,4     | 7,4            | 8,5                          | K | T                        |                            |
| 10           | Trần Văn Định            | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,0                                                             | 5,1    | 7,3     | 6,9         | 8,1     | 6,7     | 7,6     | 7,8            | 7,4                          | K | T                        |                            |
| 11           | Nguyễn Phước Đức         | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,1                                                             | 8,9    | 7,7     | 6,7         | 8,2     | 6,1     | 8,3     | 7,9            | 6,5                          | K | T                        |                            |
| 12           | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,2                                                             | 5,6    | 7,6     | 7,2         | 7,9     | 6,5     | 8,1     | 5,9            | 8,0                          | K | T                        |                            |
| 13           | Nguyễn Trung Hiếu        | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,1                                                             | 3,6    | 7,1     | 5,8         | 7,5     | 5,1     | 5,4     | 6,2            | 6,9                          | Đ | T                        |                            |
| 14           | Lê Thị Tuyết Hồng        | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,7                                                             | 7,6    | 9,7     | 9,6         | 8,7     | 7,4     | 8,7     | 8,4            | 9,2                          | T | T                        |                            |
| 15           | Lê Quốc Huy              | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,4                                                             | 5,4    | 5,8     | 6,4         | 7,8     | 6,1     | 7,1     | 7,9            | 8,0                          | Đ | T                        |                            |
| 16           | Nguyễn Khang             | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,1                                                             | 6,1    | 7,1     | 6,8         | 8,8     | 5,3     | 7,1     | 5,9            | 7,1                          | K | T                        |                            |
| 17           | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,3                                                             | 6,1    | 6,6     | 6,6         | 7,0     | 5,4     | 7,0     | 7,0            | 7,8                          | K | T                        |                            |
| 18           | Trần Thị Kiều My         | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,1                                                             | 4,7    | 6,8     | 5,9         | 7,5     | 4,3     | 5,7     | 7,5            | 6,8                          | Đ | K                        |                            |
| 19           | Tăng Bùi Hoàng Nam       | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,5                                                             | 6,1    | 6,7     | 7,8         | 7,8     | 5,6     | 7,8     | 6,5            | 6,6                          | K | T                        |                            |
| 20           | Văn Thị Mai Nhi          | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,7                                                             | 5,8    | 7,8     | 8,4         | 8,0     | 6,1     | 7,7     | 7,0            | 6,5                          | K | T                        |                            |
| 21           | Trần Ngọc Huỳnh Như      | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,0                                                             | 5,9    | 6,8     | 7,7         | 7,4     | 6,4     | 6,6     | 6,1            | 6,5                          | Đ | T                        |                            |
| 22           | Trương Vĩnh Phú          | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,6                                                             | 5,5    | 7,3     | 5,9         | 7,4     | 5,6     | 7,6     | 7,1            | 6,6                          | Đ | T                        |                            |
| 23           | Phạm Hữu Phúc            | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,8                                                             | 6,9    | 9,1     | 7,9         | 8,6     | 5,8     | 7,3     | 6,3            | 7,8                          | K | T                        |                            |
| 24           | Trần Thanh Phúc          | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,7                                                             | 5,9    | 7,6     | 6,1         | 8,4     | 5,9     | 6,2     | 6,6            | 6,5                          | Đ | T                        |                            |
| 25           | Lê Thị Kim Phụng         | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,9                                                             | 5,6    | 8,4     | 8,7         | 7,6     | 6,5     | 8,2     | 7,5            | 8,2                          | K | T                        |                            |
| 26           | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,1                                                             | 5,8    | 8,4     | 7,0         | 8,3     | 4,5     | 8,3     | 7,7            | 6,6                          | Đ | T                        |                            |
| 27           | Trần Thị Ngọc Quyên      | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,6                                                             | 5,6    | 6,7     | 6,7         | 8,1     | 5,8     | 8,1     | 6,0            | 6,5                          | Đ | T                        |                            |
| 28           | Đỗ Hoàng Thái            | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,7                                                             | 5,8    | 8,0     | 7,0         | 8,2     | 6,6     | 7,4     | 7,4            | 6,6                          | K | T                        |                            |
| 29           | Nguyễn Minh Thái         | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,0                                                             | 5,9    | 8,9     | 8,9         | 8,1     | 6,0     | 7,9     | 7,3            | 6,0                          | Đ | T                        |                            |
| 30           | Nguyễn Thị Trang Thanh   | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,8                                                             | 7,0    | 5,6     | 7,3         | 7,4     | 6,3     | 6,2     | 7,5            | 6,8                          | K | T                        |                            |
| 31           | Lê Tiến Thành            | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,3                                                             | 5,2    | 6,8     | 6,3         | 7,6     | 5,4     | 6,5     | 8,0            | 6,5                          | Đ | T                        |                            |
| 32           | Trà Thanh Thiên          | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 9,2                                                             | 8,8    | 9,8     | 8,9         | 9,2     | 7,5     | 8,2     | 7,8            | 9,1                          | T | T                        |                            |
| 33           | Nguyễn Đức Thiện         | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,6                                                             | 5,1    | 7,6     | 5,6         | 7,7     | 5,6     | 5,1     | 6,6            | 6,5                          | Đ | T                        |                            |
| 34           | Lê Anh Thư               | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,5                                                             | 4,4    | 7,3     | 7,2         | 8,3     | 5,7     | 6,8     | 6,0            | 7,6                          | Đ | T                        |                            |
| 35           | Trần Thùy Trang          | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,4                                                             | 5,4    | 6,7     | 7,2         | 7,8     | 5,8     | 6,8     | 5,4            | 8,4                          | Đ | T                        |                            |
| 36           | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,0                                                             | 8,1    | 9,1     | 8,7         | 9,0     | 6,9     | 8,6     | 7,7            | 9,0                          | T | T                        |                            |
| 37           | Nguyễn Thị Quế Trân      | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,4                                                             | 5,6    | 6,4     | 6,2         | 7,1     | 4,8     | 7,6     | 7,9            | 6,5                          | Đ | K                        |                            |
| 38           | Lưu Bảo Trúc             | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,6                                                             | 4,9    | 5,0     | 5,4         | 7,3     | 4,6     | 5,5     | 7,3            | 6,9                          | Đ | K                        |                            |
| 39           | Nguyễn Nhật Trường       | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,4                                                             | 4,6    | 6,6     | 7,3         | 7,6     | 4,5     | 8,1     | 7,7            | 6,5                          | Đ | T                        |                            |
| 40           | Nguyễn Trung Nhật Trường | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,8                                                             | 7,5    | 8,6     | 7,7         | 8,3     | 6,4     | 7,5     | 8,3            | 8,0                          | K | T                        |                            |
| 41           | Phạm Anh Tuyền           | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,8                                                             | 7,5    | 8,0     | 8,1         | 8,3     | 6,3     | 7,7     | 5,7            | 7,1                          | K | T                        |                            |
| 42           | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,3                                                             | 7,1    | 9,0     | 7,9         | 8,3     | 7,1     | 8,8     | 7,6            | 8,0                          | K | T                        |                            |
| 43           | Bùi Thanh Tùng           | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,3                                                             | 7,3    | 9,8     | 8,9         | 8,9     | 6,5     | 9,1     | 7,7            | 8,9                          | K | T                        |                            |
| 44           | Nguyễn Thị Thúy Vân      | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,2                                                             | 6,2    | 7,7     | 6,4         | 8,1     | 6,9     | 7,3     | 8,2            | 8,2                          | K | T                        |                            |
| 45           | Đỗ Ngọc Vĩ               | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,6                                                             | 4,7    | 7,3     | 5,7         | 7,7     | 6,7     | 7,9     | 6,8            | 6,6                          | Đ | T                        |                            |
| 46           | Nguyễn Hoàng Việt        | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,0                                                             | 7,3    | 8,0     | 8,1         | 8,4     | 5,6     | 8,3     | 8,7            | 6,6                          | K | T                        |                            |
| 47           | Nguyễn Thị Vy            | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,4                                                             | 5,1    | 7,4     | 8,6         | 7,8     | 6,0     | 7,8     | 6,9            | 6,6                          | K | T                        |                            |

Giáo viên chủ nhiệm

Ký và ghi rõ họ tên

Nguyễn Thị Huyền Trân

# PHẦN GHI ĐIỂM

## HỌC KỲ II

HỌC KỲ II

Toán (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

| STT | Họ và tên                | ĐĐGtx |      |      |      |     | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTB<br>mhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú                                                                  |
|-----|--------------------------|-------|------|------|------|-----|-------|-------|------------|--------|--------------|--------|--------------------------------------------------------------------------|
|     |                          |       |      |      |      |     |       |       |            |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                                                                          |
| 1   | Nguyễn Hoàng Khánh An    | 8,0   | 9,0  | 10,0 | 9,0  | 9,0 | 6,8   | 7,8   | 8,2        | 8.3    |              |        | Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, kỹ năng làm việc nhóm tốt   |
| 2   | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | 7,0   | 10,0 | 9,0  | 9,0  | 8,0 | 7,8   | 9,3   | 8,7        | 8.7    |              |        | Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, kỹ năng làm việc nhóm tốt   |
| 3   | Lê Phạm Tuấn Anh         | 9,0   | 7,0  | 8,0  | 9,0  | 9,0 | 6,8   | 8,0   | 8,0        | 7.7    |              |        | Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, kỹ năng làm việc nhóm tốt   |
| 4   | Ngô Phương Ngọc Ánh      | 9,0   | 9,0  | 8,0  | 10,0 | 8,0 | 7,3   | 8,3   | 8,4        | 7.5    |              |        | Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, kỹ năng làm việc nhóm tốt   |
| 5   | Trương Vỹ Ân             | 7,0   | 9,0  | 9,0  | 8,0  | 8,0 | 5,5   | 7,3   | 7,4        | 6.8    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 6   | Ngô Hoài Bảo             | 7,0   | 9,0  | 10,0 | 9,0  | 8,0 | 5,3   | 5,5   | 7,0        | 6.3    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 7   | Trần Bảo Châu            | 7,0   | 9,0  | 8,0  | 10,0 | 9,0 | 6,8   | 7,5   | 7,9        | 7.5    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 8   | Trần Đại Thành Công      | 9,0   | 10,0 | 10,0 | 10,0 | 9,0 | 7,8   | 6,8   | 8,4        | 8.6    |              |        | Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, kỹ năng làm việc nhóm tốt   |
| 9   | Đỗ Hoàng Dung            | 7,0   | 8,0  | 8,0  | 9,0  | 8,0 | 7,8   | 7,5   | 7,8        | 7.6    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 10  | Trần Văn Định            | 7,0   | 9,0  | 9,0  | 8,0  | 9,0 | 6,0   | 8,3   | 7,9        | 6.9    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 11  | Nguyễn Phước Đức         | 8,0   | 9,0  | 10,0 | 9,0  | 8,0 | 7,8   | 6,5   | 7,9        | 8.0    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 12  | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | 7,0   | 9,0  | 8,0  | 9,0  | 7,0 | 5,8   | 6,8   | 7,2        | 6.9    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 13  | Nguyễn Trung Hiếu        | 7,0   | 8,0  | 8,0  | 9,0  | 9,0 | 5,3   | 5,8   | 6,9        | 6.3    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 14  | Lê Thị Tuyết Hồng        | 7,0   | 10,0 | 8,0  | 9,0  | 9,0 | 7,0   | 6,8   | 7,7        | 8.0    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 15  | Lê Quốc Huy              | 7,0   | 8,0  | 9,0  | 10,0 | 8,0 | 7,0   | 7,3   | 7,8        | 7.0    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 16  | Nguyễn Khang             | 8,0   | 8,0  | 8,0  | 9,0  | 9,0 | 6,0   | 5,8   | 7,1        | 7.1    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 17  | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | 8,0   | 7,0  | 9,0  | 9,0  | 9,0 | 6,0   | 5,5   | 7,1        | 6.5    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 18  | Trần Thị Kiều My         | 7,0   | 8,0  | 9,0  | 8,0  | 9,0 | 8,5   | 4,8   | 7,2        | 6.8    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 19  | Tăng Bùi Hoàng Nam       | 5,0   | 8,0  | 8,0  | 10,0 | 8,0 | 5,0   | 6,0   | 6,7        | 6.3    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 20  | Vân Thị Mai Nhi          | 5,0   | 9,0  | 8,0  | 9,0  | 8,0 | 5,0   | 5,3   | 6,5        | 6.6    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 21  | Trần Ngọc Huỳnh Như      | 7,0   | 8,0  | 7,0  | 9,0  | 8,0 | 5,8   | 8,3   | 7,6        | 7.1    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 22  | Trương Vĩnh Phú          | 7,0   | 9,0  | 8,0  | 9,0  | 8,0 | 8,0   | 6,0   | 7,5        | 6.9    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 23  | Phạm Hữu Phúc            | 9,0   | 8,0  | 7,0  | 10,0 | 9,0 | 6,3   | 7,5   | 7,8        | 7.8    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 24  | Trần Thanh Phúc          | 7,0   | 9,0  | 8,0  | 9,0  | 8,0 | 5,0   | 6,3   | 7,0        | 6.6    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 25  | Lê Thị Kim Phụng         | 8,0   | 8,0  | 10,0 | 9,0  | 8,0 | 6,3   | 6,0   | 7,4        | 6.9    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 26  | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | 7,0   | 9,0  | 8,0  | 9,0  | 8,0 | 5,0   | 7,8   | 7,4        | 7.3    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 27  | Trần Thị Ngọc Quỳnh      | 7,0   | 9,0  | 8,0  | 9,0  | 7,0 | 4,8   | 6,0   | 6,8        | 6.4    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 28  | Đỗ Hoàng Thái            | 7,0   | 8,0  | 7,0  | 9,0  | 8,0 | 5,0   | 6,0   | 6,7        | 6.7    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 29  | Nguyễn Minh Thái         | 7,0   | 8,0  | 9,0  | 9,0  | 8,0 | 6,0   | 6,3   | 7,2        | 6.8    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 30  | Nguyễn Thị Trang Thanh   | 9,0   | 7,0  | 8,0  | 8,0  | 8,0 | 10,0  | 5,8   | 7,7        | 7.4    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 31  | Lê Tiến Thành            | 7,0   | 8,0  | 9,0  | 9,0  | 8,0 | 6,3   | 5,8   | 7,1        | 6.8    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 32  | Trà Thanh Thiên          | 10,0  | 10,0 | 9,0  | 9,0  | 9,0 | 8,0   | 9,8   | 9,2        | 9.2    |              |        | Trung thực, sáng tạo, vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề thực tiễn tốt |
| 33  | Nguyễn Đức Thiện         | 8,0   | 8,0  | 10,0 | 9,0  | 7,0 | 5,0   | 5,5   | 6,9        | 6.5    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 34  | Lê Anh Thư               | 8,0   | 9,0  | 10,0 | 9,0  | 8,0 | 7,3   | 5,0   | 7,4        | 6.8    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 35  | Trần Thùy Trang          | 7,0   | 8,0  | 8,0  | 9,0  | 8,0 | 5,0   | 5,5   | 6,7        | 6.3    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 36  | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | 10,0  | 8,0  | 7,0  | 9,0  | 8,0 | 7,0   | 6,8   | 7,6        | 7.7    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 37  | Nguyễn Thị Quế Trân      | 8,0   | 10,0 | 7,0  | 9,0  | 7,0 | 8,8   | 5,5   | 7,5        | 6.8    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 38  | Lưu Bảo Trúc             | 7,0   | 8,0  | 10,0 | 8,0  | 7,0 | 9,0   | 5,5   | 7,5        | 6.9    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 39  | Nguyễn Nhật Trường       | 7,0   | 8,0  | 9,0  | 9,0  | 8,0 | 6,5   | 7,3   | 7,6        | 6.9    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 40  | Nguyễn Trung Nhật Trường | 8,0   | 9,0  | 8,0  | 9,0  | 7,0 | 6,0   | 6,5   | 7,3        | 7.5    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 41  | Phạm Anh Tuyền           | 7,0   | 8,0  | 9,0  | 8,0  | 8,0 | 5,8   | 6,5   | 7,1        | 7.3    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 42  | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | 7,0   | 8,0  | 9,0  | 8,0  | 7,0 | 5,8   | 5,0   | 6,6        | 6.8    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 43  | Bùi Thanh Tùng           | 8,0   | 8,0  | 7,0  | 9,0  | 8,0 | 6,5   | 6,8   | 7,3        | 7.3    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 44  | Nguyễn Thị Thúy Vân      | 10,0  | 9,0  | 9,0  | 10,0 | 9,0 | 9,0   | 8,3   | 9,0        | 8.7    |              |        | Trung thực, sáng tạo, vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề thực tiễn tốt |
| 45  | Đỗ Ngọc Vi               | 7,0   | 9,0  | 8,0  | 9,0  | 7,0 | 6,3   | 6,5   | 7,2        | 7.0    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 46  | Nguyễn Hoàng Việt        | 7,0   | 9,0  | 8,0  | 10,0 | 7,0 | 5,0   | 5,5   | 6,8        | 7.2    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |
| 47  | Nguyễn Thị Vy            | 7,0   | 8,0  | 8,0  | 9,0  | 7,0 | 5,0   | 7,3   | 7,1        | 6.5    |              |        | Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt                              |

Giáo viên môn học  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Thảo

| HỌC KỲ II |                          |                                                                         |      |      |      |  |       |        |        |        |              |        |                                      |  |
|-----------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------|------|------|--|-------|--------|--------|--------|--------------|--------|--------------------------------------|--|
| Vật lý    |                          | (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số) |      |      |      |  |       |        |        |        |              |        |                                      |  |
| STT       | Họ và tên                | ĐDGTx                                                                   |      |      |      |  | ĐDGGk | ĐDGGck | ĐTBmhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú                              |  |
|           |                          |                                                                         |      |      |      |  |       |        |        |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                                      |  |
| 1         | Nguyễn Hoàng Khánh An    | 10,0                                                                    | 7,0  | 9,0  | 8,0  |  | 6,5   | 7,3    | 7,7    | 7.3    |              |        | Học khá, chăm ngoan.                 |  |
| 2         | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | 10,0                                                                    | 9,0  | 9,0  | 7,0  |  | 8,5   | 8,3    | 8,5    | 8.3    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan.                |  |
| 3         | Lê Phạm Tuấn Anh         | 9,0                                                                     | 8,0  | 9,0  | 7,0  |  | 6,3   | 8,3    | 7,8    | 7.3    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 4         | Ngô Phương Ngọc Ánh      | 9,0                                                                     | 8,0  | 9,0  | 6,0  |  | 6,8   | 8,0    | 7,7    | 7.1    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 5         | Trương Vỹ Ân             | 9,0                                                                     | 8,0  | 9,0  | 6,0  |  | 6,5   | 5,8    | 6,9    | 6.9    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 6         | Ngô Hoài Bảo             | 8,0                                                                     | 7,0  | 9,0  | 6,0  |  | 7,0   | 6,0    | 6,9    | 6.4    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 7         | Trần Bảo Châu            | 9,0                                                                     | 10,0 | 9,0  | 10,0 |  | 8,8   | 7,3    | 8,6    | 8.1    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan.                |  |
| 8         | Trần Đại Thành Công      | 9,0                                                                     | 8,0  | 10,0 | 7,0  |  | 5,8   | 9,0    | 8,1    | 7.7    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan.                |  |
| 9         | Đỗ Hoàng Dung            | 9,0                                                                     | 8,0  | 9,0  | 10,0 |  | 8,0   | 7,5    | 8,3    | 8.0    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan.                |  |
| 10        | Trần Văn Định            | 10,0                                                                    | 7,0  | 10,0 | 8,0  |  | 5,0   | 8,5    | 7,8    | 6.9    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 11        | Nguyễn Phước Đức         | 10,0                                                                    | 10,0 | 10,0 | 9,0  |  | 8,3   | 8,5    | 9,0    | 9.0    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan.                |  |
| 12        | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | 9,0                                                                     | 7,0  | 9,0  | 6,0  |  | 6,5   | 5,5    | 6,7    | 6.3    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 13        | Nguyễn Trung Hiếu        | 9,0                                                                     | 7,0  | 9,0  | 6,0  |  | 6,0   | 6,5    | 6,9    | 5.8    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 14        | Lê Thị Tuyết Hồng        | 9,0                                                                     | 10,0 | 9,0  | 10,0 |  | 7,8   | 8,8    | 8,9    | 8.5    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan.                |  |
| 15        | Lê Quốc Huy              | 9,0                                                                     | 7,0  | 9,0  | 6,0  |  | 5,5   | 4,3    | 6,1    | 5.9    |              |        | Học trung bình, cần cố gắng hơn nữa. |  |
| 16        | Nguyễn Khang             | 9,0                                                                     | 8,0  | 9,0  | 8,0  |  | 5,0   | 6,5    | 7,1    | 6.8    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 17        | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | 9,0                                                                     | 8,0  | 9,0  | 6,0  |  | 5,8   | 8,5    | 7,7    | 7.2    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 18        | Trần Thị Kiều My         | 10,0                                                                    | 7,0  | 9,0  | 8,0  |  | 7,3   | 8,5    | 8,2    | 7.0    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan.                |  |
| 19        | Tăng Bùi Hoàng Nam       | 9,0                                                                     | 9,0  | 9,0  | 9,0  |  | 5,3   | 5,8    | 7,1    | 6.8    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 20        | Văn Thị Mai Nhi          | 10,0                                                                    | 7,0  | 9,0  | 8,0  |  | 5,0   | 6,8    | 7,2    | 6.7    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 21        | Trần Ngọc Huỳnh Như      | 10,0                                                                    | 6,0  | 9,0  | 6,0  |  | 5,3   | 6,5    | 6,8    | 6.5    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 22        | Trương Vĩnh Phú          | 9,0                                                                     | 8,0  | 9,0  | 9,0  |  | 8,3   | 9,0    | 8,7    | 7.6    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan.                |  |
| 23        | Phạm Hữu Phúc            | 9,0                                                                     | 7,0  | 9,0  | 4,0  |  | 7,8   | 7,0    | 7,3    | 7.2    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 24        | Trần Thanh Phúc          | 9,0                                                                     | 7,0  | 9,0  | 8,0  |  | 6,3   | 3,5    | 6,2    | 6.1    |              |        | Học trung bình, cần cố gắng hơn nữa. |  |
| 25        | Lê Thị Kim Phụng         | 9,0                                                                     | 7,0  | 9,0  | 10,0 |  | 7,3   | 5,8    | 7,4    | 6.8    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 26        | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | 9,0                                                                     | 7,0  | 9,0  | 8,0  |  | 6,3   | 9,3    | 8,2    | 7.4    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan.                |  |
| 27        | Trần Thị Ngọc Quỳnh      | 9,0                                                                     | 8,0  | 9,0  | 6,0  |  | 5,3   | 5,5    | 6,6    | 6.3    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 28        | Đỗ Hoàng Thái            | 8,0                                                                     | 8,0  | 9,0  | 8,0  |  | 5,0   | 5,5    | 6,6    | 6.3    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 29        | Nguyễn Minh Thái         | 8,0                                                                     | 7,0  | 9,0  | 5,0  |  | 7,0   | 6,5    | 6,9    | 6.6    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 30        | Nguyễn Thị Trang Thanh   | 9,0                                                                     | 8,0  | 9,0  | 7,5  |  | 7,8   | 8,0    | 8,1    | 7.7    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan.                |  |
| 31        | Lê Tiến Thành            | 9,0                                                                     | 7,0  | 9,0  | 7,0  |  | 5,5   | 7,3    | 7,2    | 6.5    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 32        | Trà Thanh Thiên          | 10,0                                                                    | 9,0  | 9,0  | 10,0 |  | 9,3   | 7,0    | 8,6    | 8.7    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan.                |  |
| 33        | Nguyễn Đức Thiện         | 8,0                                                                     | 7,0  | 9,0  | 4,5  |  | 5,0   | 5,8    | 6,2    | 5.8    |              |        | Học trung bình, cần cố gắng hơn nữa. |  |
| 34        | Lê Anh Thư               | 10,0                                                                    | 9,0  | 9,0  | 10,0 |  | 5,3   | 8,3    | 8,2    | 6.9    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan.                |  |
| 35        | Trần Thùy Trang          | 10,0                                                                    | 7,0  | 9,0  | 8,0  |  | 5,0   | 5,8    | 6,8    | 6.3    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 36        | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | 9,9                                                                     | 8,0  | 9,0  | 8,0  |  | 8,0   | 7,5    | 8,2    | 8.2    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan.                |  |
| 37        | Nguyễn Thị Quế Trân      | 9,0                                                                     | 6,0  | 9,0  | 8,0  |  | 4,8   | 8,5    | 7,5    | 6.9    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 38        | Lưu Bảo Trúc             | 9,0                                                                     | 7,0  | 9,0  | 8,0  |  | 8,0   | 8,3    | 8,2    | 7.1    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan.                |  |
| 39        | Nguyễn Nhật Trường       | 9,0                                                                     | 7,0  | 9,0  | 8,0  |  | 5,0   | 6,8    | 7,0    | 6.2    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 40        | Nguyễn Trung Nhật Trường | 9,0                                                                     | 8,0  | 9,0  | 8,0  |  | 6,5   | 8,0    | 7,9    | 7.8    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 41        | Phạm Anh Tuyền           | 9,0                                                                     | 7,0  | 9,0  | 8,0  |  | 7,0   | 7,3    | 7,7    | 7.6    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 42        | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | 10,0                                                                    | 7,0  | 9,0  | 6,0  |  | 5,8   | 4,0    | 6,2    | 6.5    |              |        | Học trung bình, cần cố gắng hơn nữa. |  |
| 43        | Bùi Thanh Tùng           | 10,0                                                                    | 7,0  | 9,0  | 6,0  |  | 6,0   | 7,8    | 7,5    | 7.4    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 44        | Nguyễn Thị Thủy Vân      | 9,0                                                                     | 8,0  | 9,0  | 6,0  |  | 5,0   | 5,3    | 6,4    | 6.3    |              |        | Học trung bình, cần cố gắng hơn nữa. |  |
| 45        | Đỗ Ngọc Vĩ               | 8,0                                                                     | 7,0  | 9,0  | 9,0  |  | 6,0   | 5,3    | 6,8    | 6.1    |              |        | Tích cực đóng góp, tham gia bài học. |  |
| 46        | Nguyễn Hoàng Việt        | 9,0                                                                     | 7,0  | 9,0  | 6,0  |  | 5,3   | 7,8    | 7,2    | 7.2    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |
| 47        | Nguyễn Thị Vy            | 9,0                                                                     | 7,0  | 9,0  | 7,0  |  | 5,0   | 6,5    | 6,8    | 6.2    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.            |  |

Giáo viên môn học  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Trần Thanh Tâm

| <div>HÓA HỌC</div> <div>(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)</div> |                          |       |      |      |      |  |       |        |        |        |              |        |                                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------|------|------|------|--|-------|--------|--------|--------|--------------|--------|------------------------------------|
| STT                                                                                                   | Họ và tên                | ĐDGTx |      |      |      |  | ĐDGGk | ĐDGGck | ĐTBmhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú                            |
|                                                                                                       |                          |       |      |      |      |  |       |        |        |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                                    |
| 1                                                                                                     | Nguyễn Hoàng Khánh An    | 9,0   | 8,0  | 6,0  | 5,0  |  | 5,0   | 8,0    | 6,9    | 7.4    |              |        | Chăm, ngoan, có cố gắng            |
| 2                                                                                                     | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | 7,0   | 9,0  | 10,0 | 10,0 |  | 9,0   | 9,8    | 9,3    | 9.5    |              |        | Tinh thần tự học tốt, có cố gắng.  |
| 3                                                                                                     | Lê Phạm Tuấn Anh         | 9,0   | 9,0  | 10,0 | 10,0 |  | 6,0   | 9,5    | 8,7    | 8.5    |              |        | Chăm, ngoan, có tinh thần tự học.  |
| 4                                                                                                     | Ngô Phương Ngọc Ánh      | 7,0   | 10,0 | 9,0  | 10,0 |  | 9,0   | 8,8    | 8,9    | 8.3    |              |        | Chăm, ngoan, có tinh thần tự học.  |
| 5                                                                                                     | Trương Vỹ Ân             | 9,0   | 9,0  | 9,0  | 10,0 |  | 8,8   | 9,8    | 9,3    | 8.9    |              |        | Chăm, ngoan, có tinh thần tự học.  |
| 6                                                                                                     | Ngô Hoài Bảo             | 9,0   | 9,0  | 9,0  | 7,0  |  | 5,0   | 7,8    | 7,5    | 7.8    |              |        | Học khá, cần cố gắng               |
| 7                                                                                                     | Trần Bảo Châu            | 9,0   | 9,0  | 9,0  | 10,0 |  | 10,0  | 9,3    | 9,4    | 9.4    |              |        | Chăm, ngoan, có tinh thần tự học.  |
| 8                                                                                                     | Trần Đại Thành Công      | 9,0   | 8,0  | 7,0  | 6,0  |  | 4,5   | 5,3    | 6,1    | 7.0    |              |        | Cần cố gắng phát huy tính tự học.  |
| 9                                                                                                     | Đỗ Hoàng Dung            | 9,0   | 10,0 | 9,0  | 10,0 |  | 8,5   | 9,8    | 9,4    | 9.4    |              |        | Chăm, ngoan, có tinh thần tự học.  |
| 10                                                                                                    | Trần Văn Định            | 10,0  | 8,0  | 7,0  | 9,0  |  | 5,8   | 8,8    | 8,0    | 7.8    |              |        | Có cố gắng, cần phát huy.          |
| 11                                                                                                    | Nguyễn Phước Đức         | 9,0   | 10,0 | 9,0  | 10,0 |  | 8,3   | 8,8    | 9,0    | 8.6    |              |        | Chăm, ngoan, có tinh thần tự học.  |
| 12                                                                                                    | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | 9,0   | 10,0 | 9,0  | 9,0  |  | 7,3   | 9,3    | 8,8    | 8.4    |              |        | Chăm, ngoan, có tinh thần tự học.  |
| 13                                                                                                    | Nguyễn Trung Hiếu        | 7,0   | 8,0  | 9,0  | 10,0 |  | 5,5   | 7,0    | 7,3    | 7.2    |              |        | Chăm, ngoan, học khá.              |
| 14                                                                                                    | Lê Thị Tuyết Hồng        | 9,0   | 8,0  | 9,0  | 10,0 |  | 10,0  | 9,8    | 9,5    | 9.6    |              |        | Chăm, ngoan, có tinh thần tự học.  |
| 15                                                                                                    | Lê Quốc Huy              | 7,0   | 8,0  | 10,0 | 7,0  |  | 5,0   | 7,5    | 7,2    | 6.7    |              |        | Chăm, ngoan, cần tích cực hơn nữa. |
| 16                                                                                                    | Nguyễn Khang             | 9,0   | 7,0  | 10,0 | 9,0  |  | 7,8   | 8,5    | 8,5    | 8.0    |              |        | Chăm, ngoan, có tinh thần tự học.  |
| 17                                                                                                    | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | 8,0   | 10,0 | 9,0  | 5,0  |  | 3,8   | 8,3    | 7,2    | 7.0    |              |        | Học được, cần cố gắng phát huy.    |
| 18                                                                                                    | Trần Thị Kiều My         | 6,0   | 10,0 | 7,0  | 8,0  |  | 4,3   | 5,8    | 6,3    | 6.5    |              |        | Cần cố gắng phát huy tính tự học.  |
| 19                                                                                                    | Tăng Bùi Hoàng Nam       | 9,0   | 8,0  | 8,0  | 4,0  |  | 5,0   | 6,3    | 6,4    | 6.5    |              |        | Cần cố gắng phát huy tính tự học.  |
| 20                                                                                                    | Văn Thị Mai Nhi          | 9,0   | 9,0  | 10,0 | 8,0  |  | 7,0   | 7,5    | 8,1    | 8.0    |              |        | Học được, cần cố gắng phát huy.    |
| 21                                                                                                    | Trần Ngọc Huỳnh Như      | 9,0   | 7,0  | 8,0  | 8,0  |  | 7,0   | 7,5    | 7,6    | 7.3    |              |        | Học được, cần cố gắng phát huy.    |
| 22                                                                                                    | Trương Vĩnh Phú          | 8,0   | 8,0  | 10,0 | 9,0  |  | 5,0   | 8,0    | 7,7    | 7.6    |              |        | Học được, cần cố gắng phát huy.    |
| 23                                                                                                    | Phạm Hữu Phúc            | 9,0   | 9,0  | 10,0 | 10,0 |  | 9,0   | 8,8    | 9,2    | 9.2    |              |        | Chăm, ngoan, có tinh thần tự học.  |
| 24                                                                                                    | Trần Thanh Phúc          | 9,0   | 9,0  | 9,0  | 7,0  |  | 7,5   | 9,8    | 8,7    | 8.3    |              |        | Chăm, ngoan, có tinh thần tự học.  |
| 25                                                                                                    | Lê Thị Kim Phụng         | 7,0   | 9,0  | 7,0  | 10,0 |  | 4,3   | 8,3    | 7,4    | 7.7    |              |        | Học được, cần cố gắng phát huy.    |
| 26                                                                                                    | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | 7,0   | 9,0  | 8,0  | 9,0  |  | 5,0   | 7,3    | 7,2    | 7.6    |              |        | Học được, cần cố gắng phát huy.    |
| 27                                                                                                    | Trần Thị Ngọc Quỳnh      | 7,0   | 9,0  | 7,0  | 9,0  |  | 5,3   | 9,3    | 7,8    | 7.4    |              |        | Học được, cần cố gắng phát huy.    |
| 28                                                                                                    | Đỗ Hoàng Thái            | 9,0   | 9,0  | 7,0  | 7,0  |  | 7,0   | 5,8    | 7,0    | 7.3    |              |        | Học được, cần cố gắng phát huy.    |
| 29                                                                                                    | Nguyễn Minh Thái         | 9,0   | 9,0  | 6,0  | 10,0 |  | 6,0   | 4,3    | 6,5    | 7.3    |              |        | Cần cố gắng phát huy tính tự học.  |
| 30                                                                                                    | Nguyễn Thị Trang Thanh   | 7,0   | 8,0  | 10,0 | 5,0  |  | 4,0   | 7,0    | 6,6    | 6.3    |              |        | Cần cố gắng phát huy tính tự học.  |
| 31                                                                                                    | Lê Tiến Thành            | 7,0   | 9,0  | 10,0 | 7,0  |  | 4,8   | 7,0    | 7,1    | 7.0    |              |        | Học được, cần cố gắng phát huy.    |
| 32                                                                                                    | Trà Thanh Thiên          | 9,0   | 10,0 | 10,0 | 10,0 |  | 9,3   | 10,0   | 9,7    | 9.7    |              |        | Chăm, ngoan, có tinh thần tự học.  |
| 33                                                                                                    | Nguyễn Đức Thiện         | 9,0   | 7,0  | 8,0  | 8,0  |  | 6,5   | 5,0    | 6,7    | 7.0    |              |        | Cần cố gắng phát huy tính tự học.  |
| 34                                                                                                    | Lê Anh Thư               | 7,0   | 9,0  | 8,0  | 8,0  |  | 4,3   | 7,5    | 7,0    | 7.1    |              |        | Học được, cần cố gắng phát huy.    |
| 35                                                                                                    | Trần Thùy Trang          | 9,0   | 8,0  | 8,0  | 8,0  |  | 5,8   | 7,5    | 7,5    | 7.2    |              |        | Học được, cần cố gắng phát huy.    |
| 36                                                                                                    | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | 9,0   | 10,0 | 7,0  | 10,0 |  | 8,0   | 7,8    | 8,4    | 8.6    |              |        | Học được, cần cố gắng phát huy.    |
| 37                                                                                                    | Nguyễn Thị Quế Trân      | 7,0   | 8,0  | 6,0  | 9,0  |  | 5,0   | 6,5    | 6,6    | 6.5    |              |        | Cần cố gắng phát huy tính tự học.  |
| 38                                                                                                    | Lưu Bảo Trúc             | 6,0   | 7,0  | 10,0 | 10,0 |  | 5,0   | 6,0    | 6,8    | 6.2    |              |        | Cần cố gắng phát huy tính tự học.  |
| 39                                                                                                    | Nguyễn Nhật Trường       | 8,0   | 8,0  | 8,0  | 5,0  |  | 5,0   | 7,5    | 6,8    | 6.7    |              |        | Cần cố gắng phát huy tính tự học.  |
| 40                                                                                                    | Nguyễn Trung Nhật Trường | 9,0   | 8,0  | 8,0  | 9,0  |  | 7,0   | 7,8    | 7,9    | 8.1    |              |        | Học được, cần cố gắng phát huy.    |
| 41                                                                                                    | Phạm Anh Tuyền           | 7,0   | 8,0  | 9,0  | 8,0  |  | 6,3   | 9,0    | 8,0    | 8.0    |              |        | Học được, cần cố gắng phát huy.    |
| 42                                                                                                    | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | 9,0   | 9,0  | 10,0 | 7,0  |  | 6,0   | 6,8    | 7,5    | 8.0    |              |        | Học khá, cần cố gắng phát huy.     |
| 43                                                                                                    | Bùi Thanh Tùng           | 9,0   | 9,0  | 9,0  | 10,0 |  | 8,3   | 8,8    | 8,9    | 9.2    |              |        | Chăm, ngoan, có tinh thần tự học.  |
| 44                                                                                                    | Nguyễn Thị Thủy Vân      | 9,0   | 8,0  | 5,0  | 6,0  |  | 5,0   | 7,3    | 6,7    | 7.0    |              |        | Cần cố gắng phát huy tính tự học.  |
| 45                                                                                                    | Đỗ Ngọc Vĩ               | 9,0   | 8,0  | 8,0  | 9,0  |  | 6,3   | 6,5    | 7,3    | 7.3    |              |        | Học được, cần cố gắng phát huy.    |
| 46                                                                                                    | Nguyễn Hoàng Việt        | 9,0   | 9,0  | 9,0  | 7,0  |  | 5,0   | 6,5    | 7,1    | 7.4    |              |        | Học được, cần cố gắng phát huy.    |
| 47                                                                                                    | Nguyễn Thị Vy            | 7,0   | 7,0  | 7,0  | 9,0  |  | 5,8   | 8,8    | 7,6    | 7.5    |              |        | Học được, cần cố gắng phát huy.    |

**Giáo viên môn học**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Nguyễn Thị Anh Đào**

| HỌC KỲ II |                          |                                                                         |     |      |  |  |       |        |        |        |              |        |                                              |  |
|-----------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----|------|--|--|-------|--------|--------|--------|--------------|--------|----------------------------------------------|--|
| Sinh học  |                          | (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số) |     |      |  |  |       |        |        |        |              |        |                                              |  |
| STT       | Họ và tên                | ĐDGTx                                                                   |     |      |  |  | ĐDGGk | ĐDGGck | ĐTBmhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú                                      |  |
|           |                          |                                                                         |     |      |  |  |       |        |        |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                                              |  |
| 1         | Nguyễn Hoàng Khánh An    | 7,0                                                                     | 9,0 | 9,0  |  |  | 4,5   | 5,0    | 6,1    | 6.0    |              |        | Học được, cần cố gắng hơn.                   |  |
| 2         | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | 9,0                                                                     | 9,0 | 10,0 |  |  | 9,0   | 9,5    | 9,3    | 9.3    |              |        | Chăm ngoan, học tốt, tích cực trong học tập. |  |
| 3         | Lê Phạm Tuấn Anh         | 7,0                                                                     | 7,0 | 9,0  |  |  | 8,5   | 7,5    | 7,8    | 7.8    |              |        | Chăm ngoan, học khá.                         |  |
| 4         | Ngô Phương Ngọc Ánh      | 8,0                                                                     | 9,0 | 9,0  |  |  | 8,3   | 8,0    | 8,3    | 7.8    |              |        | Chăm ngoan, học tốt.                         |  |
| 5         | Trương Vỹ Ân             | 6,0                                                                     | 9,0 | 8,0  |  |  | 7,3   | 7,8    | 7,6    | 7.2    |              |        | Chăm ngoan, học khá.                         |  |
| 6         | Ngô Hoài Bảo             | 6,0                                                                     | 8,0 | 8,0  |  |  | 8,0   | 6,0    | 7,0    | 6.7    |              |        | Chăm ngoan, học khá.                         |  |
| 7         | Trần Bảo Châu            | 9,0                                                                     | 9,0 | 8,0  |  |  | 9,8   | 9,0    | 9,1    | 8.9    |              |        | Chăm ngoan, học tốt, tích cực trong học tập. |  |
| 8         | Trần Đại Thành Công      | 9,0                                                                     | 7,0 | 9,0  |  |  | 7,3   | 9,3    | 8,4    | 7.8    |              |        | Chăm ngoan, học tốt.                         |  |
| 9         | Đỗ Hoàng Dung            | 5,0                                                                     | 9,0 | 8,0  |  |  | 8,8   | 9,8    | 8,6    | 8.8    |              |        | Chăm ngoan, học tốt.                         |  |
| 10        | Trần Văn Định            | 9,0                                                                     | 9,0 | 8,0  |  |  | 7,8   | 7,0    | 7,8    | 7.5    |              |        | Chăm ngoan, học khá.                         |  |
| 11        | Nguyễn Phước Đức         | 8,0                                                                     | 8,0 | 8,0  |  |  | 7,3   | 8,0    | 7,8    | 7.4    |              |        | Chăm ngoan, học khá.                         |  |
| 12        | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | 6,0                                                                     | 9,0 | 9,0  |  |  | 6,5   | 7,0    | 7,3    | 7.3    |              |        | Chăm ngoan, học khá.                         |  |
| 13        | Nguyễn Trung Hiếu        | 10,0                                                                    | 8,0 | 8,0  |  |  | 5,8   | 6,3    | 7,1    | 6.7    |              |        | Chăm ngoan, học khá.                         |  |
| 14        | Lê Thị Tuyết Hồng        | 9,0                                                                     | 9,0 | 9,0  |  |  | 10,0  | 9,8    | 9,6    | 9.6    |              |        | Chăm ngoan, học tốt, tích cực trong học tập. |  |
| 15        | Lê Quốc Huy              | 8,0                                                                     | 8,0 | 9,0  |  |  | 6,0   | 6,0    | 6,9    | 6.7    |              |        | Học được, cần cố gắng hơn.                   |  |
| 16        | Nguyễn Khang             | 8,0                                                                     | 7,0 | 9,0  |  |  | 7,0   | 8,8    | 8,1    | 7.7    |              |        | Chăm ngoan, học tốt.                         |  |
| 17        | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | 10,0                                                                    | 9,0 | 9,0  |  |  | 7,5   | 7,5    | 8,2    | 7.7    |              |        | Chăm ngoan, học tốt.                         |  |
| 18        | Trần Thị Kiều My         | 4,0                                                                     | 7,0 | 8,0  |  |  | 6,0   | 6,8    | 6,4    | 6.2    |              |        | Học được, cần cố gắng hơn.                   |  |
| 19        | Tăng Bùi Hoàng Nam       | 8,0                                                                     | 8,0 | 9,0  |  |  | 7,0   | 7,8    | 7,8    | 7.8    |              |        | Chăm ngoan, học khá.                         |  |
| 20        | Văn Thị Mai Nhi          | 8,0                                                                     | 9,0 | 8,0  |  |  | 7,8   | 8,3    | 8,2    | 8.3    |              |        | Chăm ngoan, học tốt.                         |  |
| 21        | Trần Ngọc Huỳnh Như      | 7,0                                                                     | 8,0 | 9,0  |  |  | 7,8   | 8,8    | 8,3    | 8.1    |              |        | Chăm ngoan, học tốt.                         |  |
| 22        | Trương Vĩnh Phú          | 9,0                                                                     | 6,0 | 8,0  |  |  | 7,5   | 7,5    | 7,6    | 7.0    |              |        | Chăm ngoan, học khá.                         |  |
| 23        | Phạm Hữu Phúc            | 10,0                                                                    | 8,0 | 9,0  |  |  | 8,0   | 7,3    | 8,1    | 8.0    |              |        | Chăm ngoan, học tốt.                         |  |
| 24        | Trần Thanh Phúc          | 8,0                                                                     | 9,0 | 8,0  |  |  | 5,0   | 6,0    | 6,6    | 6.4    |              |        | Học được, cần cố gắng hơn.                   |  |
| 25        | Lê Thị Kim Phụng         | 8,0                                                                     | 7,0 | 9,0  |  |  | 9,8   | 9,3    | 8,9    | 8.8    |              |        | Chăm ngoan, học tốt, tích cực trong học tập. |  |
| 26        | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | 9,0                                                                     | 8,0 | 8,0  |  |  | 8,8   | 7,5    | 8,1    | 7.7    |              |        | Chăm ngoan, học tốt.                         |  |
| 27        | Trần Thị Ngọc Quỳnh      | 4,0                                                                     | 9,0 | 8,0  |  |  | 7,5   | 8,8    | 7,8    | 7.4    |              |        | Chăm ngoan, học khá.                         |  |
| 28        | Đỗ Hoàng Thái            | 7,0                                                                     | 8,0 | 9,0  |  |  | 5,5   | 6,3    | 6,7    | 6.8    |              |        | Học được, cần cố gắng hơn.                   |  |
| 29        | Nguyễn Minh Thái         | 7,0                                                                     | 8,0 | 8,0  |  |  | 8,8   | 7,5    | 7,9    | 8.2    |              |        | Chăm ngoan, học khá.                         |  |
| 30        | Nguyễn Thị Trang Thanh   | 9,0                                                                     | 9,0 | 8,0  |  |  | 5,5   | 8,3    | 7,7    | 7.6    |              |        | Chăm ngoan, học khá.                         |  |
| 31        | Lê Tiến Thành            | 6,0                                                                     | 8,0 | 8,0  |  |  | 6,0   | 5,0    | 6,1    | 6.2    |              |        | Học được, cần cố gắng hơn.                   |  |
| 32        | Trà Thanh Thiên          | 10,0                                                                    | 9,0 | 8,0  |  |  | 9,5   | 8,3    | 8,9    | 8.9    |              |        | Chăm ngoan, học tốt, tích cực trong học tập. |  |
| 33        | Nguyễn Đức Thiện         | 8,0                                                                     | 8,0 | 8,0  |  |  | 6,0   | 4,0    | 6,0    | 5.9    |              |        | Học được, cần cố gắng hơn.                   |  |
| 34        | Lê Anh Thư               | 6,0                                                                     | 8,0 | 9,0  |  |  | 6,8   | 8,5    | 7,8    | 7.6    |              |        | Chăm ngoan, học khá.                         |  |
| 35        | Trần Thùy Trang          | 6,0                                                                     | 9,0 | 9,0  |  |  | 7,0   | 6,5    | 7,2    | 7.2    |              |        | Chăm ngoan, học khá.                         |  |
| 36        | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | 9,0                                                                     | 9,0 | 9,0  |  |  | 8,3   | 8,0    | 8,5    | 8.6    |              |        | Chăm ngoan, học tốt.                         |  |
| 37        | Nguyễn Thị Quế Trân      | 4,0                                                                     | 6,0 | 8,0  |  |  | 5,8   | 6,8    | 6,3    | 6.3    |              |        | Học được, cần cố gắng hơn.                   |  |
| 38        | Lưu Bảo Trúc             | 8,0                                                                     | 8,0 | 8,0  |  |  | 5,5   | 8,0    | 7,4    | 6.7    |              |        | Chăm ngoan, học khá.                         |  |
| 39        | Nguyễn Nhật Trường       | 7,0                                                                     | 7,0 | 8,0  |  |  | 7,3   | 7,3    | 7,3    | 7.3    |              |        | Chăm ngoan, học khá.                         |  |
| 40        | Nguyễn Trung Nhật Trường | 5,0                                                                     | 8,0 | 8,0  |  |  | 6,5   | 7,5    | 7,1    | 7.3    |              |        | Chăm ngoan, học khá.                         |  |
| 41        | Phạm Anh Tuyền           | 7,0                                                                     | 9,0 | 8,0  |  |  | 6,0   | 9,3    | 8,0    | 8.0    |              |        | Chăm ngoan, học tốt.                         |  |
| 42        | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | 7,0                                                                     | 6,0 | 9,0  |  |  | 8,5   | 8,0    | 7,9    | 7.9    |              |        | Chăm ngoan, học khá.                         |  |
| 43        | Bùi Thanh Tùng           | 8,0                                                                     | 9,0 | 8,0  |  |  | 8,3   | 7,0    | 7,8    | 8.2    |              |        | Chăm ngoan, học khá.                         |  |
| 44        | Nguyễn Thị Thủy Vân      | 7,0                                                                     | 9,0 | 9,0  |  |  | 6,0   | 5,0    | 6,5    | 6.5    |              |        | Học được, cần cố gắng hơn.                   |  |
| 45        | Đỗ Ngọc Vĩ               | 7,0                                                                     | 7,0 | 9,0  |  |  | 7,5   | 7,0    | 7,4    | 6.8    |              |        | Chăm ngoan, học khá.                         |  |
| 46        | Nguyễn Hoàng Việt        | 6,0                                                                     | 8,0 | 9,0  |  |  | 8,5   | 6,3    | 7,4    | 7.6    |              |        | Chăm ngoan, học khá.                         |  |
| 47        | Nguyễn Thị Vy            | 5,0                                                                     | 4,0 | 8,0  |  |  | 7,0   | 9,3    | 7,4    | 7.8    |              |        | Chăm ngoan, học khá.                         |  |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngô Thị Đông Tràng

| <div> <div>Tin học</div> <div>HỌC KỲ II</div> <div>(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)</div> </div> |                          |       |      |      |  |  |       |       |        |        |              |        |                   |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------|------|------|--|--|-------|-------|--------|--------|--------------|--------|-------------------|
| STT                                                                                                                                     | Họ và tên                | ĐĐGtx |      |      |  |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTBmhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú           |
|                                                                                                                                         |                          |       |      |      |  |  |       |       |        |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                   |
| 1                                                                                                                                       | Nguyễn Hoàng Khánh An    | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 7,0   | 7,3   | 8,1    | 7.9    |              |        | Học tốt           |
| 2                                                                                                                                       | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | 9,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 9,5   | 9,0   | 9,3    | 9.2    |              |        | Học tốt, tích cực |
| 3                                                                                                                                       | Lê Phạm Tuấn Anh         | 8,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 7,8   | 9,5   | 8,8    | 8.7    |              |        | Học tốt           |
| 4                                                                                                                                       | Ngô Phương Ngọc Ánh      | 8,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 7,0   | 9,5   | 8,7    | 8.4    |              |        | Học tốt, tích cực |
| 5                                                                                                                                       | Trương Vỹ Ân             | 8,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 8,3   | 8,0   | 8,5    | 8.3    |              |        | Học tốt           |
| 6                                                                                                                                       | Ngô Hoài Bảo             | 7,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 7,3   | 9,5   | 8,6    | 8.3    |              |        | Học tốt           |
| 7                                                                                                                                       | Trần Bảo Châu            | 8,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 8,8   | 9,0   | 9,0    | 8.8    |              |        | Học tốt, tích cực |
| 8                                                                                                                                       | Trần Đại Thành Công      | 8,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 7,0   | 8,5   | 8,4    | 8.3    |              |        | Học tốt, tích cực |
| 9                                                                                                                                       | Đỗ Hoàng Dung            | 8,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 8,8   | 9,0   | 9,0    | 8.6    |              |        | Học tốt, tích cực |
| 10                                                                                                                                      | Trần Văn Định            | 8,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 7,5   | 8,5   | 8,6    | 8.4    |              |        | Học tốt, tích cực |
| 11                                                                                                                                      | Nguyễn Phước Đức         | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 7,8   | 8,3   | 8,7    | 8.5    |              |        | Học tốt           |
| 12                                                                                                                                      | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 7,0   | 9,5   | 8,7    | 8.4    |              |        | Học tốt           |
| 13                                                                                                                                      | Nguyễn Trung Hiếu        | 8,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 7,3   | 7,5   | 8,0    | 7.8    |              |        | Học tốt           |
| 14                                                                                                                                      | Lê Thị Tuyết Hồng        | 8,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 7,3   | 7,5   | 8,1    | 8.3    |              |        | Học tốt           |
| 15                                                                                                                                      | Lê Quốc Huy              | 7,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 7,0   | 6,5   | 7,6    | 7.7    |              |        | Học tốt           |
| 16                                                                                                                                      | Nguyễn Khang             | 8,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 7,3   | 7,8   | 8,1    | 8.3    |              |        | Học tốt           |
| 17                                                                                                                                      | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | 7,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 7,0   | 9,0   | 8,5    | 8.0    |              |        | Học tốt           |
| 18                                                                                                                                      | Trần Thị Kiều My         | 7,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 6,0   | 7,3   | 7,5    | 7.5    |              |        | Học khá           |
| 19                                                                                                                                      | Tăng Bùi Hoàng Nam       | 8,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,8   | 9,5   | 9,0    | 8.6    |              |        | Học tốt, tích cực |
| 20                                                                                                                                      | Văn Thị Mai Nhi          | 8,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 7,8   | 8,3   | 8,4    | 8.3    |              |        | Học tốt           |
| 21                                                                                                                                      | Trần Ngọc Huỳnh Như      | 7,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 8,8   | 9,0   | 8,8    | 8.3    |              |        | Học tốt           |
| 22                                                                                                                                      | Trương Vĩnh Phú          | 7,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 7,5   | 7,3   | 7,9    | 7.7    |              |        | Học khá           |
| 23                                                                                                                                      | Phạm Hữu Phúc            | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,0   | 9,5   | 9,2    | 9.0    |              |        | Học tốt, tích cực |
| 24                                                                                                                                      | Trần Thanh Phúc          | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 7,0   | 9,3   | 8,9    | 8.7    |              |        | Học tốt, tích cực |
| 25                                                                                                                                      | Lê Thị Kim Phụng         | 8,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 7,3   | 7,8   | 8,1    | 7.9    |              |        | Học tốt           |
| 26                                                                                                                                      | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | 7,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 7,3   | 9,5   | 8,6    | 8.5    |              |        | Học tốt           |
| 27                                                                                                                                      | Trần Thị Ngọc Quỳnh      | 8,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 6,0   | 7,8   | 7,8    | 7.9    |              |        | Học khá           |
| 28                                                                                                                                      | Đỗ Hoàng Thái            | 8,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,0   | 8,8   | 8,8    | 8.6    |              |        | Học tốt           |
| 29                                                                                                                                      | Nguyễn Minh Thái         | 7,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 7,3   | 7,5   | 7,9    | 8.0    |              |        | Học khá           |
| 30                                                                                                                                      | Nguyễn Thị Trang Thanh   | 7,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,3   | 7,3   | 7,9    | 7.7    |              |        | Học khá           |
| 31                                                                                                                                      | Lê Tiến Thành            | 8,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 7,5   | 8,3   | 8,4    | 8.1    |              |        | Học tốt           |
| 32                                                                                                                                      | Trà Thanh Thiên          | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 8,5   | 8,8   | 9,1    | 9.1    |              |        | Học tốt, tích cực |
| 33                                                                                                                                      | Nguyễn Đức Thiện         | 8,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,3   | 8,8   | 8,6    | 8.3    |              |        | Học tốt           |
| 34                                                                                                                                      | Lê Anh Thư               | 8,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 7,3   | 9,0   | 8,6    | 8.5    |              |        | Học tốt, tích cực |
| 35                                                                                                                                      | Trần Thùy Trang          | 8,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,8   | 8,5   | 8,6    | 8.3    |              |        | Học tốt           |
| 36                                                                                                                                      | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | 8,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 7,3   | 7,5   | 8,1    | 8.4    |              |        | Học tốt           |
| 37                                                                                                                                      | Nguyễn Thị Quế Trân      | 7,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,8   | 7,8   | 8,3    | 7.9    |              |        | Học khá           |
| 38                                                                                                                                      | Lưu Bảo Trúc             | 7,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,3   | 7,0   | 8,1    | 7.8    |              |        | Học khá           |
| 39                                                                                                                                      | Nguyễn Nhật Trường       | 8,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 7,5   | 7,3   | 8,1    | 7.9    |              |        | Học tốt           |
| 40                                                                                                                                      | Nguyễn Trung Nhật Trường | 8,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 7,5   | 8,3   | 8,4    | 8.4    |              |        | Học tốt           |
| 41                                                                                                                                      | Phạm Anh Tuyền           | 8,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,0   | 8,5   | 8,7    | 8.6    |              |        | Học tốt           |
| 42                                                                                                                                      | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | 8,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 6,0   | 7,8   | 7,8    | 8.0    |              |        | Học khá           |
| 43                                                                                                                                      | Bùi Thanh Tùng           | 8,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 7,3   | 8,5   | 8,4    | 8.6    |              |        | Học tốt, tích cực |
| 44                                                                                                                                      | Nguyễn Thị Thủy Vân      | 8,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 7,3   | 7,0   | 8,0    | 8.0    |              |        | Học tốt, tích cực |
| 45                                                                                                                                      | Đỗ Ngọc Vĩ               | 8,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 7,3   | 7,5   | 8,1    | 8.0    |              |        | Học tốt           |
| 46                                                                                                                                      | Nguyễn Hoàng Việt        | 8,0   | 8,0  | 9,0  |  |  | 7,8   | 9,5   | 8,6    | 8.5    |              |        | Học tốt           |
| 47                                                                                                                                      | Nguyễn Thị Vy            | 7,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 7,8   | 8,3   | 8,3    | 8.1    |              |        | Học tốt           |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Huyền Trân

| HỌC KỲ II                                                               |                          |       |      |     |     |  |       |        |        |        |              |        |                                   |  |
|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------|------|-----|-----|--|-------|--------|--------|--------|--------------|--------|-----------------------------------|--|
| Ngữ văn                                                                 |                          |       |      |     |     |  |       |        |        |        |              |        |                                   |  |
| (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số) |                          |       |      |     |     |  |       |        |        |        |              |        |                                   |  |
| STT                                                                     | Họ và tên                | ĐDGTx |      |     |     |  | ĐDGGk | ĐDGGck | ĐTBmhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú                           |  |
|                                                                         |                          |       |      |     |     |  |       |        |        |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                                   |  |
| 1                                                                       | Nguyễn Hoàng Khánh An    | 7,0   | 9,0  | 7,0 | 9,0 |  | 5,5   | 3,5    | 5,9    | 5.9    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 2                                                                       | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | 8,0   | 9,0  | 8,0 | 9,0 |  | 5,5   | 6,0    | 7,0    | 6.8    |              |        | Học khá                           |  |
| 3                                                                       | Lê Phạm Tuấn Anh         | 8,0   | 7,0  | 9,0 | 8,0 |  | 5,0   | 4,5    | 6,2    | 5.9    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 4                                                                       | Ngô Phương Ngọc Ánh      | 8,0   | 10,0 | 9,0 | 9,0 |  | 5,0   | 5,0    | 6,8    | 6.7    |              |        | Học khá                           |  |
| 5                                                                       | Trương Vỹ Ân             | 8,0   | 8,0  | 9,0 | 8,0 |  | 6,0   | 5,0    | 6,7    | 6.4    |              |        | Học khá                           |  |
| 6                                                                       | Ngô Hoài Bảo             | 8,0   | 7,0  | 8,0 | 7,0 |  | 5,0   | 4,5    | 5,9    | 5.6    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 7                                                                       | Trần Bảo Châu            | 10,0  | 10,0 | 9,0 | 9,0 |  | 6,5   | 5,0    | 7,3    | 6.9    |              |        | Học khá                           |  |
| 8                                                                       | Trần Đại Thành Công      | 8,0   | 7,0  | 8,0 | 7,0 |  | 6,0   | 5,0    | 6,3    | 6.2    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 9                                                                       | Đỗ Hoàng Dung            | 10,0  | 10,0 | 9,0 | 8,0 |  | 7,0   | 4,5    | 7,2    | 7.2    |              |        | Học khá                           |  |
| 10                                                                      | Trần Văn Định            | 7,0   | 7,0  | 8,0 | 8,0 |  | 6,0   | 5,5    | 6,5    | 6.6    |              |        | Học khá                           |  |
| 11                                                                      | Nguyễn Phước Đức         | 9,0   | 9,0  | 9,0 | 7,0 |  | 5,5   | 4,5    | 6,5    | 6.4    |              |        | Học khá                           |  |
| 12                                                                      | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | 8,0   | 9,0  | 9,0 | 9,0 |  | 5,5   | 5,5    | 6,9    | 6.8    |              |        | Học khá                           |  |
| 13                                                                      | Nguyễn Trung Hiếu        | 6,0   | 5,0  | 8,0 | 8,0 |  | 5,5   | 4,0    | 5,6    | 5.4    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 14                                                                      | Lê Thị Tuyết Hồng        | 10,0  | 10,0 | 8,0 | 9,0 |  | 8,0   | 6,0    | 7,9    | 7.7    |              |        | Học khá                           |  |
| 15                                                                      | Lê Quốc Huy              | 8,0   | 10,0 | 8,0 | 7,0 |  | 5,0   | 5,0    | 6,4    | 6.3    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 16                                                                      | Nguyễn Khang             | 8,0   | 8,0  | 8,0 | 7,0 |  | 5,0   | 5,0    | 6,2    | 5.9    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 17                                                                      | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | 5,0   | 7,0  | 7,0 | 8,0 |  | 4,5   | 4,0    | 5,3    | 5.3    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 18                                                                      | Trần Thị Kiều My         | 7,0   | 5,0  | 8,0 | 6,0 |  | 3,5   | 5,0    | 5,3    | 5.0    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 19                                                                      | Tăng Bùi Hoàng Nam       | 9,0   | 9,0  | 9,0 | 8,0 |  | 6,0   | 5,0    | 6,9    | 6.5    |              |        | Học khá                           |  |
| 20                                                                      | Văn Thị Mai Nhi          | 7,0   | 7,0  | 9,0 | 8,0 |  | 6,0   | 5,5    | 6,6    | 6.4    |              |        | Học khá                           |  |
| 21                                                                      | Trần Ngọc Huỳnh Như      | 7,0   | 8,0  | 8,0 | 9,0 |  | 7,0   | 6,0    | 7,1    | 6.9    |              |        | Học khá                           |  |
| 22                                                                      | Trương Vĩnh Phú          | 6,0   | 5,0  | 9,0 | 6,0 |  | 5,5   | 5,0    | 5,8    | 5.7    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 23                                                                      | Phạm Hữu Phúc            | 7,0   | 7,0  | 9,0 | 8,0 |  | 5,5   | 5,0    | 6,3    | 6.1    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 24                                                                      | Trần Thanh Phúc          | 8,0   | 8,0  | 9,0 | 7,0 |  | 5,0   | 5,0    | 6,3    | 6.2    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 25                                                                      | Lê Thị Kim Phụng         | 7,0   | 9,0  | 8,0 | 9,0 |  | 7,0   | 5,0    | 6,9    | 6.8    |              |        | Học khá                           |  |
| 26                                                                      | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | 5,0   | 10,0 | 8,0 | 7,0 |  | 3,5   | 3,5    | 5,3    | 5.0    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 27                                                                      | Trần Thị Ngọc Quỳnh      | 9,0   | 9,0  | 7,0 | 9,0 |  | 6,0   | 4,5    | 6,6    | 6.3    |              |        | Học khá                           |  |
| 28                                                                      | Đỗ Hoàng Thái            | 7,0   | 8,0  | 8,0 | 8,0 |  | 7,0   | 5,5    | 6,8    | 6.7    |              |        | Học khá                           |  |
| 29                                                                      | Nguyễn Minh Thái         | 8,0   | 7,0  | 7,0 | 8,0 |  | 4,0   | 4,5    | 5,7    | 5.8    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 30                                                                      | Nguyễn Thị Trang Thanh   | 7,0   | 7,0  | 8,0 | 2,0 |  | 5,5   | 5,0    | 5,6    | 5.8    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 31                                                                      | Lê Tiến Thành            | 8,0   | 7,0  | 8,0 | 7,0 |  | 5,0   | 4,0    | 5,8    | 5.7    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 32                                                                      | Trà Thanh Thiên          | 10,0  | 10,0 | 9,0 | 8,0 |  | 6,5   | 6,0    | 7,6    | 7.6    |              |        | Học khá                           |  |
| 33                                                                      | Nguyễn Đức Thiện         | 7,0   | 8,0  | 9,0 | 7,0 |  | 6,0   | 5,0    | 6,4    | 6.1    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 34                                                                      | Lê Anh Thư               | 7,0   | 7,0  | 8,0 | 9,0 |  | 4,0   | 6,0    | 6,3    | 6.1    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 35                                                                      | Trần Thùy Trang          | 8,0   | 10,0 | 7,0 | 8,0 |  | 6,0   | 5,0    | 6,7    | 6.4    |              |        | Học khá                           |  |
| 36                                                                      | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | 10,0  | 10,0 | 8,0 | 9,0 |  | 7,0   | 6,0    | 7,7    | 7.4    |              |        | Học khá                           |  |
| 37                                                                      | Nguyễn Thị Quế Trân      | 8,0   | 8,0  | 8,0 | 2,0 |  | 5,0   | 4,5    | 5,5    | 5.3    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 38                                                                      | Lưu Bảo Trúc             | 7,0   | 7,0  | 8,0 | 3,0 |  | 4,0   | 4,5    | 5,2    | 5.0    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 39                                                                      | Nguyễn Nhật Trường       | 7,0   | 10,0 | 8,0 | 7,0 |  | 4,5   | 5,5    | 6,4    | 5.8    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 40                                                                      | Nguyễn Trung Nhật Trường | 8,0   | 7,0  | 9,0 | 7,0 |  | 5,5   | 5,5    | 6,5    | 6.5    |              |        | Học khá                           |  |
| 41                                                                      | Phạm Anh Tuyền           | 9,0   | 10,0 | 7,0 | 8,0 |  | 7,0   | 5,0    | 7,0    | 6.8    |              |        | Học khá                           |  |
| 42                                                                      | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | 9,0   | 6,0  | 7,0 | 6,0 |  | 4,0   | 6,5    | 6,2    | 6.5    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 43                                                                      | Bùi Thanh Tùng           | 9,0   | 8,0  | 8,0 | 9,0 |  | 6,5   | 6,0    | 7,2    | 7.0    |              |        | Học khá                           |  |
| 44                                                                      | Nguyễn Thị Thủy Vân      | 10,0  | 10,0 | 8,0 | 9,0 |  | 6,5   | 6,0    | 7,6    | 7.4    |              |        | Học khá                           |  |
| 45                                                                      | Đỗ Ngọc Vĩ               | 8,0   | 8,0  | 8,0 | 8,0 |  | 7,0   | 5,5    | 6,9    | 6.8    |              |        | Học khá                           |  |
| 46                                                                      | Nguyễn Hoàng Việt        | 9,0   | 8,0  | 8,0 | 8,0 |  | 3,5   | 5,0    | 6,1    | 5.9    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 47                                                                      | Nguyễn Thị Vy            | 6,0   | 7,0  | 7,0 | 8,0 |  | 6,5   | 5,5    | 6,4    | 6.3    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |

**Giáo viên môn học**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Nguyễn Thị Hồng Vân**

| HỌC KỲ II |                          |                                                                         |      |      |  |  |       |        |        |        |              |        |                           |  |
|-----------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------|------|--|--|-------|--------|--------|--------|--------------|--------|---------------------------|--|
| Lịch sử   |                          | (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số) |      |      |  |  |       |        |        |        |              |        |                           |  |
| STT       | Họ và tên                | ĐDGTx                                                                   |      |      |  |  | ĐDGGk | ĐDGGck | ĐTBmhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú                   |  |
|           |                          |                                                                         |      |      |  |  |       |        |        |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                           |  |
| 1         | Nguyễn Hoàng Khánh An    | 8,0                                                                     | 8,0  | 8,0  |  |  | 6,3   | 7,0    | 7,2    | 6,9    |              |        | Có cố gắng trong học tập. |  |
| 2         | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | 8,0                                                                     | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,3   | 10,0   | 9,3    | 9,0    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 3         | Lê Phạm Tuấn Anh         | 10,0                                                                    | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,3   | 6,0    | 8,3    | 8,2    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 4         | Ngô Phương Ngọc Ánh      | 8,0                                                                     | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,5   | 7,3    | 8,1    | 8,0    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 5         | Trương Vỹ Ân             | 8,0                                                                     | 9,0  | 9,0  |  |  | 6,5   | 7,0    | 7,5    | 7,5    |              |        | Học khá, chăm ngoan.      |  |
| 6         | Ngô Hoài Bảo             | 10,0                                                                    | 9,0  | 9,0  |  |  | 5,5   | 8,5    | 8,1    | 8,0    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 7         | Trần Bảo Châu            | 9,0                                                                     | 10,0 | 10,0 |  |  | 8,5   | 9,0    | 9,1    | 9,0    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 8         | Trần Đại Thành Công      | 9,0                                                                     | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,3   | 5,8    | 7,6    | 7,7    |              |        | Học khá, chăm ngoan.      |  |
| 9         | Đỗ Hoàng Dung            | 10,0                                                                    | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,0   | 9,3    | 9,5    | 9,1    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 10        | Trần Văn Định            | 10,0                                                                    | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,0   | 8,3    | 9,1    | 8,6    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 11        | Nguyễn Phước Đức         | 10,0                                                                    | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,5   | 8,0    | 8,9    | 8,7    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 12        | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | 8,0                                                                     | 9,0  | 9,0  |  |  | 7,3   | 7,5    | 7,9    | 8,0    |              |        | Học khá, chăm ngoan.      |  |
| 13        | Nguyễn Trung Hiếu        | 10,0                                                                    | 9,0  | 9,0  |  |  | 5,3   | 9,0    | 8,2    | 7,3    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 14        | Lê Thị Tuyết Hồng        | 10,0                                                                    | 8,0  | 8,0  |  |  | 6,5   | 9,3    | 8,4    | 8,5    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 15        | Lê Quốc Huy              | 8,0                                                                     | 9,0  | 9,0  |  |  | 7,5   | 8,3    | 8,2    | 7,8    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 16        | Nguyễn Khang             | 10,0                                                                    | 8,0  | 8,0  |  |  | 8,0   | 8,8    | 8,6    | 8,1    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 17        | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | 7,0                                                                     | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,3   | 7,5    | 8,0    | 7,7    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 18        | Trần Thị Kiều My         | 7,0                                                                     | 8,0  | 8,0  |  |  | 6,5   | 7,5    | 7,3    | 6,8    |              |        | Học khá, chăm ngoan.      |  |
| 19        | Tăng Bùi Hoàng Nam       | 7,0                                                                     | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,0   | 7,3    | 7,9    | 7,9    |              |        | Học khá, chăm ngoan.      |  |
| 20        | Văn Thị Mai Nhi          | 10,0                                                                    | 8,0  | 8,0  |  |  | 6,8   | 8,3    | 8,1    | 8,0    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 21        | Trần Ngọc Huỳnh Như      | 10,0                                                                    | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,0   | 8,5    | 8,7    | 8,0    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 22        | Trương Vĩnh Phú          | 8,0                                                                     | 8,0  | 8,0  |  |  | 7,8   | 8,0    | 8,0    | 7,9    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 23        | Phạm Hữu Phúc            | 10,0                                                                    | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,0   | 7,5    | 8,6    | 8,2    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 24        | Trần Thanh Phúc          | 10,0                                                                    | 9,0  | 9,0  |  |  | 7,3   | 7,3    | 8,1    | 7,5    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 25        | Lê Thị Kim Phụng         | 8,0                                                                     | 8,0  | 8,0  |  |  | 7,8   | 9,0    | 8,3    | 8,3    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 26        | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | 8,0                                                                     | 9,0  | 9,0  |  |  | 6,3   | 8,8    | 8,1    | 8,2    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 27        | Trần Thị Ngọc Quỳnh      | 8,0                                                                     | 8,0  | 8,0  |  |  | 8,3   | 8,8    | 8,4    | 8,3    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 28        | Đỗ Hoàng Thái            | 7,0                                                                     | 9,0  | 9,0  |  |  | 7,8   | 6,8    | 7,6    | 7,5    |              |        | Học khá, chăm ngoan.      |  |
| 29        | Nguyễn Minh Thái         | 10,0                                                                    | 9,0  | 9,0  |  |  | 6,8   | 8,3    | 8,3    | 8,2    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 30        | Nguyễn Thị Trang Thanh   | 9,0                                                                     | 8,0  | 8,0  |  |  | 7,5   | 8,5    | 8,2    | 7,5    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 31        | Lê Tiến Thành            | 8,0                                                                     | 10,0 | 10,0 |  |  | 6,8   | 7,8    | 8,1    | 7,6    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 32        | Trà Thanh Thiên          | 9,0                                                                     | 10,0 | 10,0 |  |  | 10,0  | 8,5    | 9,3    | 8,9    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 33        | Nguyễn Đức Thiện         | 10,0                                                                    | 9,0  | 9,0  |  |  | 6,0   | 6,0    | 7,3    | 6,6    |              |        | Học khá, chăm ngoan.      |  |
| 34        | Lê Anh Thư               | 9,0                                                                     | 8,0  | 8,0  |  |  | 6,8   | 9,8    | 8,5    | 7,9    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 35        | Trần Thủy Trang          | 8,0                                                                     | 8,0  | 8,0  |  |  | 7,0   | 6,8    | 7,3    | 7,1    |              |        | Học khá, chăm ngoan.      |  |
| 36        | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | 10,0                                                                    | 8,0  | 8,0  |  |  | 8,8   | 9,3    | 8,9    | 8,8    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 37        | Nguyễn Thị Quế Trân      | 8,0                                                                     | 8,0  | 8,0  |  |  | 7,3   | 9,0    | 8,2    | 8,0    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 38        | Lưu Bảo Trúc             | 8,0                                                                     | 8,0  | 8,0  |  |  | 7,0   | 6,0    | 7,0    | 6,5    |              |        | Học khá, chăm ngoan.      |  |
| 39        | Nguyễn Nhật Trường       | 9,0                                                                     | 10,0 | 10,0 |  |  | 8,8   | 7,3    | 8,6    | 8,4    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 40        | Nguyễn Trung Nhật Trường | 8,0                                                                     | 10,0 | 10,0 |  |  | 8,8   | 8,8    | 9,0    | 8,5    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 41        | Phạm Anh Tuyền           | 9,0                                                                     | 8,0  | 8,0  |  |  | 7,8   | 7,8    | 8,0    | 7,9    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 42        | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | 8,0                                                                     | 8,0  | 8,0  |  |  | 8,0   | 9,3    | 8,5    | 8,6    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 43        | Bùi Thanh Tùng           | 9,0                                                                     | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,0   | 8,5    | 8,8    | 8,9    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 44        | Nguyễn Thị Thủy Vân      | 7,0                                                                     | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,5   | 8,8    | 8,6    | 8,2    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 45        | Đỗ Ngọc Vĩ               | 8,0                                                                     | 9,0  | 9,0  |  |  | 7,0   | 8,5    | 8,2    | 8,1    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 46        | Nguyễn Hoàng Việt        | 10,0                                                                    | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5   | 6,5    | 8,6    | 8,5    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |
| 47        | Nguyễn Thị Vy            | 10,0                                                                    | 8,0  | 8,0  |  |  | 8,8   | 8,8    | 8,8    | 8,5    |              |        | Học tốt, chăm ngoan.      |  |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Văn Trọng Trí, Nguyễn Thị Lệ Huyền

| HỌC KỲ II                                                                           |                          |       |     |     |     |  |       |        |        |        |              |        |                         |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------|-----|-----|-----|--|-------|--------|--------|--------|--------------|--------|-------------------------|
| Ngoại ngữ 1 (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số) |                          |       |     |     |     |  |       |        |        |        |              |        |                         |
| STT                                                                                 | Họ và tên                | ĐDGTx |     |     |     |  | ĐDGGk | ĐDGGck | ĐTBmhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú                 |
|                                                                                     |                          |       |     |     |     |  |       |        |        |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                         |
| 1                                                                                   | Nguyễn Hoàng Khánh An    | 8,0   | 2,5 | 6,0 | 7,0 |  | 4,5   | 6,0    | 5,6    | 5.9    |              |        | Có cố gắng              |
| 2                                                                                   | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | 9,5   | 8,0 | 8,5 | 8,0 |  | 7,3   | 8,4    | 8,2    | 7.7    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan    |
| 3                                                                                   | Lê Phạm Tuấn Anh         | 8,5   | 5,5 | 6,5 | 8,0 |  | 6,8   | 9,2    | 7,7    | 7.8    |              |        | Học khá tốt, có cố gắng |
| 4                                                                                   | Ngô Phương Ngọc Ánh      | 8,5   | 4,0 | 8,0 | 8,0 |  | 4,5   | 8,4    | 7,0    | 6.7    |              |        | Học khá tốt, có cố gắng |
| 5                                                                                   | Trương Vỹ Ân             | 9,0   | 2,5 | 6,5 | 8,0 |  | 6,5   | 7,4    | 6,8    | 7.1    |              |        | Học khá tốt, có cố gắng |
| 6                                                                                   | Ngô Hoài Bảo             | 7,0   | 3,5 | 6,0 | 7,0 |  | 4,5   | 7,4    | 6,1    | 6.6    |              |        | Có cố gắng              |
| 7                                                                                   | Trần Bảo Châu            | 9,0   | 4,5 | 7,0 | 7,0 |  | 7,5   | 9,4    | 7,9    | 8.0    |              |        | Học khá tốt, có cố gắng |
| 8                                                                                   | Trần Đại Thành Công      | 7,0   | 1,5 | 7,0 | 7,0 |  | 4,0   | 8,2    | 6,1    | 6.5    |              |        | Có cố gắng              |
| 9                                                                                   | Đỗ Hoàng Dung            | 8,5   | 5,5 | 6,5 | 8,0 |  | 6,8   | 9,6    | 7,9    | 7.7    |              |        | Học khá tốt, có cố gắng |
| 10                                                                                  | Trần Văn Định            | 7,0   | 7,0 | 6,5 | 8,0 |  | 4,3   | 5,8    | 6,1    | 6.7    |              |        | Có cố gắng              |
| 11                                                                                  | Nguyễn Phước Đức         | 8,5   | 3,0 | 9,0 | 9,0 |  | 7,5   | 8,4    | 7,7    | 7.8    |              |        | Học khá tốt, có cố gắng |
| 12                                                                                  | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | 9,5   | 4,0 | 6,0 | 6,0 |  | 4,8   | 7,4    | 6,4    | 6.2    |              |        | Có cố gắng              |
| 13                                                                                  | Nguyễn Trung Hiếu        | 8,0   | 1,5 | 7,0 | 7,0 |  | 3,8   | 6,8    | 5,7    | 5.9    |              |        | Có cố gắng              |
| 14                                                                                  | Lê Thị Tuyết Hồng        | 9,0   | 8,5 | 8,5 | 8,0 |  | 8,0   | 9,6    | 8,8    | 8.7    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan    |
| 15                                                                                  | Lê Quốc Huy              | 8,0   | 7,5 | 9,0 | 9,0 |  | 6,0   | 7,2    | 7,5    | 7.6    |              |        | Học khá tốt, có cố gắng |
| 16                                                                                  | Nguyễn Khang             | 9,0   | 2,5 | 8,0 | 8,0 |  | 6,8   | 8,4    | 7,4    | 6.9    |              |        | Học khá tốt, có cố gắng |
| 17                                                                                  | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | 8,0   | 3,0 | 7,0 | 7,0 |  | 4,3   | 7,2    | 6,1    | 6.4    |              |        | Có cố gắng              |
| 18                                                                                  | Trần Thị Kiều My         | 0,0   | 4,5 | 5,0 | 6,0 |  | 4,3   | 5,8    | 4,6    | 5.6    |              |        | Cần cố gắng nhiều hơn   |
| 19                                                                                  | Tăng Bùi Hoàng Nam       | 7,0   | 1,5 | 7,0 | 7,0 |  | 4,3   | 7,4    | 5,9    | 6.1    |              |        | Có cố gắng              |
| 20                                                                                  | Vân Thị Mai Nhi          | 8,0   | 3,0 | 5,5 | 7,0 |  | 6,3   | 8,0    | 6,7    | 6.8    |              |        | Học khá tốt, có cố gắng |
| 21                                                                                  | Trần Ngọc Huỳnh Như      | 8,0   | 2,5 | 6,0 | 7,0 |  | 5,3   | 6,2    | 5,9    | 6.0    |              |        | Có cố gắng              |
| 22                                                                                  | Trương Vĩnh Phú          | 0,0   | 1,0 | 7,5 | 7,0 |  | 3,5   | 5,4    | 4,3    | 5.2    |              |        | Cần cố gắng nhiều hơn   |
| 23                                                                                  | Phạm Hữu Phúc            | 4,0   | 6,5 | 5,5 | 7,0 |  | 4,3   | 8,6    | 6,4    | 6.4    |              |        | Có cố gắng              |
| 24                                                                                  | Trần Thanh Phúc          | 8,0   | 6,5 | 5,5 | 7,0 |  | 3,3   | 5,4    | 5,5    | 5.9    |              |        | Có cố gắng              |
| 25                                                                                  | Lê Thị Kim Phụng         | 8,0   | 2,5 | 5,0 | 7,0 |  | 6,8   | 8,0    | 6,7    | 7.0    |              |        | Học khá tốt, có cố gắng |
| 26                                                                                  | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | 8,0   | 7,0 | 7,0 | 7,0 |  | 5,3   | 8,0    | 7,1    | 7.3    |              |        | Học khá tốt, có cố gắng |
| 27                                                                                  | Trần Thị Ngọc Quỳnh      | 8,0   | 4,5 | 5,0 | 7,0 |  | 7,3   | 7,2    | 6,7    | 6.5    |              |        | Học khá tốt, có cố gắng |
| 28                                                                                  | Đỗ Hoàng Thái            | 8,5   | 6,0 | 6,5 | 7,0 |  | 5,0   | 5,8    | 6,2    | 6.6    |              |        | Có cố gắng              |
| 29                                                                                  | Nguyễn Minh Thái         | 8,0   | 3,0 | 5,0 | 7,0 |  | 4,0   | 6,6    | 5,6    | 6.2    |              |        | Có cố gắng              |
| 30                                                                                  | Nguyễn Thị Trang Thanh   | 0,0   | 5,0 | 9,0 | 8,0 |  | 7,3   | 8,2    | 6,8    | 7.0    |              |        | Học khá tốt, có cố gắng |
| 31                                                                                  | Lê Tiến Thành            | 8,0   | 4,0 | 5,0 | 7,0 |  | 5,3   | 5,0    | 5,5    | 6.3    |              |        | Có cố gắng              |
| 32                                                                                  | Trà Thanh Thiên          | 9,5   | 7,0 | 9,0 | 9,0 |  | 7,5   | 8,6    | 8,4    | 8.2    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan    |
| 33                                                                                  | Nguyễn Đức Thiện         | 7,0   | 2,0 | 9,0 | 9,0 |  | 5,0   | 5,6    | 6,0    | 6.2    |              |        | Có cố gắng              |
| 34                                                                                  | Lê Anh Thư               | 8,0   | 2,0 | 5,0 | 7,0 |  | 5,0   | 6,2    | 5,6    | 5.7    |              |        | Có cố gắng              |
| 35                                                                                  | Trần Thùy Trang          | 9,5   | 2,0 | 6,0 | 7,0 |  | 5,0   | 8,2    | 6,6    | 6.2    |              |        | Học khá tốt, có cố gắng |
| 36                                                                                  | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | 9,0   | 7,0 | 6,5 | 7,0 |  | 7,5   | 8,2    | 7,7    | 7.7    |              |        | Học khá tốt, có cố gắng |
| 37                                                                                  | Nguyễn Thị Quế Trân      | 0,0   | 4,5 | 5,0 | 6,0 |  | 2,8   | 6,4    | 4,5    | 5.6    |              |        | Cần cố gắng nhiều hơn   |
| 38                                                                                  | Lưu Bảo Trúc             | 0,0   | 6,0 | 5,0 | 6,0 |  | 3,3   | 5,8    | 4,6    | 5.5    |              |        | Cần cố gắng nhiều hơn   |
| 39                                                                                  | Nguyễn Nhật Trường       | 6,0   | 6,0 | 6,0 | 8,0 |  | 4,3   | 6,2    | 5,9    | 6.5    |              |        | Có cố gắng              |
| 40                                                                                  | Nguyễn Trung Nhật Trường | 8,0   | 3,5 | 9,0 | 9,0 |  | 5,5   | 7,4    | 7,0    | 7.4    |              |        | Học khá tốt, có cố gắng |
| 41                                                                                  | Phạm Anh Tuyền           | 8,0   | 4,0 | 6,5 | 8,0 |  | 7,0   | 8,2    | 7,2    | 6.7    |              |        | Học khá tốt, có cố gắng |
| 42                                                                                  | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | 8,0   | 5,5 | 6,5 | 7,0 |  | 7,8   | 8,8    | 7,7    | 7.7    |              |        | Học khá tốt, có cố gắng |
| 43                                                                                  | Bùi Thanh Tùng           | 8,0   | 5,5 | 7,0 | 7,0 |  | 5,5   | 7,4    | 6,7    | 7.0    |              |        | Học khá tốt, có cố gắng |
| 44                                                                                  | Nguyễn Thị Thủy Vân      | 8,0   | 5,5 | 7,5 | 8,0 |  | 6,5   | 6,8    | 6,9    | 7.3    |              |        | Học khá tốt, có cố gắng |
| 45                                                                                  | Đỗ Ngọc Vĩ               | 7,0   | 3,5 | 5,0 | 7,0 |  | 4,5   | 6,8    | 5,8    | 6.1    |              |        | Có cố gắng              |
| 46                                                                                  | Nguyễn Hoàng Việt        | 8,0   | 8,5 | 6,0 | 9,0 |  | 6,5   | 8,6    | 7,8    | 8.1    |              |        | Học khá tốt, có cố gắng |
| 47                                                                                  | Nguyễn Thị Vy            | 8,0   | 4,5 | 5,0 | 7,0 |  | 3,8   | 7,4    | 6,0    | 6.3    |              |        | Có cố gắng              |

**Giáo viên môn học**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Lê Thị Hồng Thủy**

**Giáo Dục Quốc Phòng**

| STT | Họ và tên                | ĐDGTx |     |  |  |  | ĐDGk | ĐDGck | ĐTB<br>mhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú                                              |
|-----|--------------------------|-------|-----|--|--|--|------|-------|------------|--------|--------------|--------|------------------------------------------------------|
|     |                          |       |     |  |  |  |      |       |            |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                                                      |
| 1   | Nguyễn Hoàng Khánh An    | 7,0   | 8,0 |  |  |  | 8,0  | 7,0   | 7,4        | 7.3    |              |        | Học khá.                                             |
| 2   | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | 10,0  | 8,0 |  |  |  | 8,0  | 8,0   | 8,3        | 8.5    |              |        | Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập. |
| 3   | Lê Phạm Tuấn Anh         | 9,0   | 8,0 |  |  |  | 7,0  | 8,0   | 7,9        | 7.4    |              |        | Học khá.                                             |
| 4   | Ngô Phương Ngọc Ánh      | 9,0   | 9,0 |  |  |  | 8,0  | 9,0   | 8,7        | 8.0    |              |        | Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập. |
| 5   | Trương Vỹ Ân             | 9,0   | 8,0 |  |  |  | 8,0  | 8,0   | 8,1        | 7.6    |              |        | Học khá.                                             |
| 6   | Ngô Hoài Bảo             | 6,0   | 7,0 |  |  |  | 7,0  | 8,0   | 7,3        | 7.1    |              |        | Học khá.                                             |
| 7   | Trần Bảo Châu            | 9,0   | 8,0 |  |  |  | 8,0  | 8,0   | 8,1        | 8.1    |              |        | Học khá.                                             |
| 8   | Trần Đại Thành Công      | 9,0   | 8,0 |  |  |  | 7,0  | 8,0   | 7,9        | 8.0    |              |        | Học khá.                                             |
| 9   | Đỗ Hoàng Dung            | 9,0   | 8,0 |  |  |  | 8,0  | 8,0   | 8,1        | 8.2    |              |        | Học khá.                                             |
| 10  | Trần Văn Định            | 10,0  | 9,0 |  |  |  | 8,0  | 9,0   | 8,9        | 8.4    |              |        | Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập. |
| 11  | Nguyễn Phước Đức         | 8,0   | 8,0 |  |  |  | 8,0  | 8,0   | 8,0        | 7.5    |              |        | Học khá.                                             |
| 12  | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | 10,0  | 8,0 |  |  |  | 8,0  | 8,0   | 8,3        | 8.2    |              |        | Học khá.                                             |
| 13  | Nguyễn Trung Hiếu        | 8,0   | 8,0 |  |  |  | 7,0  | 8,0   | 7,7        | 7.4    |              |        | Học khá.                                             |
| 14  | Lê Thị Tuyết Hồng        | 10,0  | 8,0 |  |  |  | 8,0  | 9,0   | 8,7        | 8.9    |              |        | Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập. |
| 15  | Lê Quốc Huy              | 9,0   | 8,0 |  |  |  | 8,0  | 8,0   | 8,1        | 8.1    |              |        | Học khá.                                             |
| 16  | Nguyễn Khang             | 8,0   | 8,0 |  |  |  | 8,0  | 8,0   | 8,0        | 7.7    |              |        | Học khá.                                             |
| 17  | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | 10,0  | 9,0 |  |  |  | 7,0  | 8,0   | 8,1        | 8.0    |              |        | Học khá.                                             |
| 18  | Trần Thị Kiều My         | 6,0   | 6,0 |  |  |  | 7,0  | 7,0   | 6,7        | 6.7    |              |        | Chú ý hơn trong học tập.                             |
| 19  | Tăng Bùi Hoàng Nam       | 9,0   | 7,0 |  |  |  | 7,0  | 8,0   | 7,7        | 7.3    |              |        | Học khá.                                             |
| 20  | Vân Thị Mai Nhi          | 9,0   | 8,0 |  |  |  | 8,0  | 8,0   | 8,1        | 7.6    |              |        | Học khá.                                             |
| 21  | Trần Ngọc Huỳnh Như      | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 8,0  | 8,0   | 7,4        | 7.1    |              |        | Học khá.                                             |
| 22  | Trương Vinh Phú          | 9,0   | 7,0 |  |  |  | 7,0  | 8,0   | 7,7        | 7.3    |              |        | Học khá.                                             |
| 23  | Phạm Hữu Phúc            | 8,0   | 8,0 |  |  |  | 7,0  | 8,0   | 7,7        | 7.7    |              |        | Học khá.                                             |
| 24  | Trần Thanh Phúc          | 4,0   | 6,0 |  |  |  | 8,0  | 8,0   | 7,1        | 6.9    |              |        | Học khá.                                             |
| 25  | Lê Thị Kim Phụng         | 5,0   | 8,0 |  |  |  | 7,0  | 8,0   | 7,3        | 7.6    |              |        | Học khá.                                             |
| 26  | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | 10,0  | 8,0 |  |  |  | 8,0  | 8,0   | 8,3        | 7.7    |              |        | Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập. |
| 27  | Trần Thị Ngọc Quyền      | 8,0   | 7,0 |  |  |  | 7,0  | 7,0   | 7,1        | 6.9    |              |        | Học khá.                                             |
| 28  | Đỗ Hoàng Thái            | 10,0  | 8,0 |  |  |  | 8,0  | 8,0   | 8,3        | 7.7    |              |        | Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập. |
| 29  | Nguyễn Minh Thái         | 7,0   | 7,0 |  |  |  | 6,0  | 7,0   | 6,7        | 6.5    |              |        | Chú ý hơn trong học tập.                             |
| 30  | Nguyễn Thị Trang Thanh   | 5,0   | 6,0 |  |  |  | 7,0  | 7,0   | 6,6        | 6.7    |              |        | Học khá. Cần cố gắng nhiều hơn trong học tập.        |
| 31  | Lê Tiến Thành            | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 7,0  | 9,0   | 7,6        | 7.2    |              |        | Học khá.                                             |
| 32  | Trà Thanh Thiên          | 10,0  | 9,0 |  |  |  | 9,0  | 8,0   | 8,7        | 8.8    |              |        | Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập. |
| 33  | Nguyễn Đức Thiện         | 8,0   | 8,0 |  |  |  | 8,0  | 8,0   | 8,0        | 7.5    |              |        | Học khá.                                             |
| 34  | Lê Anh Thư               | 9,0   | 9,0 |  |  |  | 8,0  | 8,0   | 8,3        | 8.1    |              |        | Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập. |
| 35  | Trần Thủy Trang          | 10,0  | 8,0 |  |  |  | 8,0  | 8,0   | 8,3        | 8.3    |              |        | Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập. |
| 36  | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | 9,0   | 8,0 |  |  |  | 8,0  | 8,0   | 8,1        | 8.4    |              |        | Học khá.                                             |
| 37  | Nguyễn Thị Quế Trân      | 3,0   | 7,0 |  |  |  | 7,0  | 7,0   | 6,4        | 6.4    |              |        | Chú ý hơn trong học tập.                             |
| 38  | Lưu Bảo Trúc             | 3,0   | 7,0 |  |  |  | 7,0  | 7,0   | 6,4        | 6.6    |              |        | Chú ý hơn trong học tập.                             |
| 39  | Nguyễn Nhật Trường       | 6,0   | 8,0 |  |  |  | 7,0  | 8,0   | 7,4        | 7.1    |              |        | Học khá.                                             |
| 40  | Nguyễn Trung Nhật Trường | 6,0   | 8,0 |  |  |  | 7,0  | 8,0   | 7,4        | 7.6    |              |        | Học khá.                                             |
| 41  | Phạm Anh Tuyền           | 7,0   | 8,  |  |  |  |      |       |            |        |              |        |                                                      |

**Nguyễn Thị Thu Hằng**

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

**Giáo viên môn học**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 41/48

| HỌC KỲ II                                                     |                          |                      |   |  |  |  |         |         |        |          |                  |          |                                               |
|---------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------|---|--|--|--|---------|---------|--------|----------|------------------|----------|-----------------------------------------------|
| Giáo dục địa phương (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét) |                          |                      |   |  |  |  |         |         |        |          |                  |          |                                               |
| STT                                                           | Họ và tên                | Mức đánh giá         |   |  |  |  |         |         |        |          |                  | Ghi Chú  |                                               |
|                                                               |                          | Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ) |   |  |  |  |         |         |        |          |                  |          |                                               |
|                                                               |                          | Thường Xuyên         |   |  |  |  | Giữa kỳ | Cuối kỳ | Học kỳ | Cuối năm | Mức đánh giá lại |          |                                               |
| Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)                                         |                          |                      |   |  |  |  |         |         |        |          | Học kỳ           | Cuối năm |                                               |
| 1                                                             | Nguyễn Hoàng Khánh An    | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 2                                                             | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 3                                                             | Lê Phạm Tuấn Anh         | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 4                                                             | Ngô Phương Ngọc Ánh      | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 5                                                             | Trương Vỹ Ân             | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan, có cố gắng, tiến bộ trong học tập |
| 6                                                             | Ngô Hoài Bảo             | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 7                                                             | Trần Bảo Châu            | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 8                                                             | Trần Đại Thành Công      | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 9                                                             | Đỗ Hoàng Dung            | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 10                                                            | Trần Văn Định            | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 11                                                            | Nguyễn Phước Đức         | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 12                                                            | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 13                                                            | Nguyễn Trung Hiếu        | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 14                                                            | Lê Thị Tuyết Hồng        | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 15                                                            | Lê Quốc Huy              | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 16                                                            | Nguyễn Khang             | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 17                                                            | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 18                                                            | Trần Thị Kiều My         | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 19                                                            | Tăng Bùi Hoàng Nam       | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 20                                                            | Văn Thị Mai Nhi          | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 21                                                            | Trần Ngọc Huỳnh Như      | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 22                                                            | Trương Vĩnh Phú          | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 23                                                            | Phạm Hữu Phúc            | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 24                                                            | Trần Thanh Phúc          | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 25                                                            | Lê Thị Kim Phụng         | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 26                                                            | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 27                                                            | Trần Thị Ngọc Quyền      | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 28                                                            | Đỗ Hoàng Thái            | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 29                                                            | Nguyễn Minh Thái         | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 30                                                            | Nguyễn Thị Trang Thanh   | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 31                                                            | Lê Tiến Thành            | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 32                                                            | Trà Thanh Thiên          | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 33                                                            | Nguyễn Đức Thiện         | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 34                                                            | Lê Anh Thư               | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 35                                                            | Trần Thủy Trang          | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 36                                                            | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 37                                                            | Nguyễn Thị Quế Trân      | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 38                                                            | Lưu Bảo Trúc             | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 39                                                            | Nguyễn Nhật Trường       | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 40                                                            | Nguyễn Trung Nhật Trường | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 41                                                            | Phạm Anh Tuyền           | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 42                                                            | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 43                                                            | Bùi Thanh Tùng           | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 44                                                            | Nguyễn Thị Thủy Vân      | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 45                                                            | Đỗ Ngọc Vĩ               | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 46                                                            | Nguyễn Hoàng Việt        | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |
| 47                                                            | Nguyễn Thị Vy            | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Chăm ngoan                                    |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thúy Quyên, Nguyễn Thị Lệ Huyền

| HĐTrN-HN              |                          |                      |   |  |  |  |  |         |         |        |          |                  |          | HỌC KỲ II                                      |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|-----------------------|--------------------------|----------------------|---|--|--|--|--|---------|---------|--------|----------|------------------|----------|------------------------------------------------|--|---------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|-------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| STT                   | Họ và tên                | Mức đánh giá         |   |  |  |  |  |         |         |        |          |                  |          |                                                |  | Ghi Chú |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|                       |                          | Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ) |   |  |  |  |  |         |         |        |          |                  |          |                                                |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|                       |                          | Thường Xuyên         |   |  |  |  |  | Giữa kỳ | Cuối kỳ | Học kỳ | Cuối năm | Mức đánh giá lại |          |                                                |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ) |                          |                      |   |  |  |  |  |         |         |        |          | Học kỳ           | Cuối năm |                                                |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1                     | Nguyễn Hoàng Khánh An    | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.          |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2                     | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3                     | Lê Phạm Tuấn Anh         | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.          |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4                     | Ngô Phương Ngọc Ánh      | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.          |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5                     | Trương Vỹ Ân             | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.          |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6                     | Ngô Hoài Bảo             | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7                     | Trần Bảo Châu            | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8                     | Trần Đại Thành Công      | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ đoàn kết. |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9                     | Đỗ Hoàng Dung            | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia các hoạt động tích cực                |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10                    | Trần Văn Định            | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ đoàn kết. |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11                    | Nguyễn Phước Đức         | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 12                    | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Thân thiện với bạn bè, vui vẻ và đoàn kết.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 13                    | Nguyễn Trung Hiếu        | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 14                    | Lê Thị Tuyết Hồng        | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia các hoạt động tích cực                |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 15                    | Lê Quốc Huy              | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia thảo luận, tích cực                   |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 16                    | Nguyễn Khang             | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Thân thiện với bạn bè, vui vẻ và đoàn kết.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 17                    | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 18                    | Trần Thị Kiều My         | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia thảo luận, vui vẻ.                    |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 19                    | Tăng Bùi Hoàng Nam       | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 20                    | Văn Thị Mai Nhi          | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 21                    | Trần Ngọc Huỳnh Như      | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 22                    | Trương Vĩnh Phú          | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia thảo luận, vui vẻ.                    |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 23                    | Phạm Hữu Phúc            | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.          |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 24                    | Trần Thanh Phúc          | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.          |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 25                    | Lê Thị Kim Phụng         | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 26                    | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 27                    | Trần Thị Ngọc Quỳnh      | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 28                    | Đỗ Hoàng Thái            | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ, đoàn kết |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 29                    | Nguyễn Minh Thái         | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 30                    | Nguyễn Thị Trang Thanh   | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia thảo luận, vui vẻ.                    |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 31                    | Lê Tiến Thành            | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 32                    | Trà Thanh Thiên          | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.          |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 33                    | Nguyễn Đức Thiện         | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ, đoàn kết |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 34                    | Lê Anh Thư               | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 35                    | Trần Thủy Trang          | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.          |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 36                    | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.          |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 37                    | Nguyễn Thị Quế Trân      | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia thảo luận, vui vẻ.                    |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 38                    | Lưu Bảo Trúc             | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia thảo luận, vui vẻ.                    |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 39                    | Nguyễn Nhật Trường       | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 40                    | Nguyễn Trung Nhật Trường | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 41                    | Phạm Anh Tuyền           | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 42                    | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 43                    | Bùi Thanh Tùng           | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 44                    | Nguyễn Thị Thủy Vân      | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.          |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 45                    | Đỗ Ngọc Vĩ               | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 46                    | Nguyễn Hoàng Việt        | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 47                    | Nguyễn Thị Vy            | Đ                    | Đ |  |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.     |  |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |                                           |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Minh Triều

TỔNG HỢP HỌC KỲ II

| Số<br>T<br>T | Họ và tên                | Môn học đánh giá<br>bằng nhận xét |                           |              | Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm<br>số |        |         |             |         |         |         |                |                              | Kết<br>quả<br>học<br>tập | Kết<br>quả<br>rèn<br>luyện |
|--------------|--------------------------|-----------------------------------|---------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------|--------|---------|-------------|---------|---------|---------|----------------|------------------------------|--------------------------|----------------------------|
|              |                          | Giáo<br>dục thể<br>chất           | Giáo<br>dục địa<br>phương | HDTrN-<br>HN | Toán                                                            | Vật lý | Hóa học | Sinh<br>học | Tin học | Ngữ văn | Lịch sử | Ngoại<br>ngữ 1 | Giáo<br>Dục<br>Quốc<br>Phòng |                          |                            |
| 1            | Nguyễn Hoàng Khánh An    | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,2                                                             | 7,7    | 6,9     | 6,1         | 8,1     | 5,9     | 7,2     | 5,6            | 7,4                          | K                        | T                          |
| 2            | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,7                                                             | 8,5    | 9,3     | 9,3         | 9,3     | 7,0     | 9,3     | 8,2            | 8,3                          | T                        | T                          |
| 3            | Lê Phạm Tuấn Anh         | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,0                                                             | 7,8    | 8,7     | 7,8         | 8,8     | 6,2     | 8,3     | 7,7            | 7,9                          | K                        | T                          |
| 4            | Ngô Phương Ngọc Ánh      | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,4                                                             | 7,7    | 8,9     | 8,3         | 8,7     | 6,8     | 8,1     | 7,0            | 8,7                          | T                        | T                          |
| 5            | Trương Vỹ Ân             | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,4                                                             | 6,9    | 9,3     | 7,6         | 8,5     | 6,7     | 7,5     | 6,8            | 8,1                          | K                        | T                          |
| 6            | Ngô Hoài Bảo             | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,0                                                             | 6,9    | 7,5     | 7,0         | 8,6     | 5,9     | 8,1     | 6,1            | 7,3                          | K                        | T                          |
| 7            | Trần Bảo Châu            | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,9                                                             | 8,6    | 9,4     | 9,1         | 9,0     | 7,3     | 9,1     | 7,9            | 8,1                          | T                        | T                          |
| 8            | Trần Đại Thành Công      | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,4                                                             | 8,1    | 6,1     | 8,4         | 8,4     | 6,3     | 7,6     | 6,1            | 7,9                          | K                        | T                          |
| 9            | Đỗ Hoàng Dung            | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,8                                                             | 8,3    | 9,4     | 8,6         | 9,0     | 7,2     | 9,5     | 7,9            | 8,1                          | T                        | T                          |
| 10           | Trần Văn Định            | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,9                                                             | 7,8    | 8,0     | 7,8         | 8,6     | 6,5     | 9,1     | 6,1            | 8,9                          | K                        | T                          |
| 11           | Nguyễn Phước Đức         | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,9                                                             | 9,0    | 9,0     | 7,8         | 8,7     | 6,5     | 8,9     | 7,7            | 8,0                          | K                        | T                          |
| 12           | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,2                                                             | 6,7    | 8,8     | 7,3         | 8,7     | 6,9     | 7,9     | 6,4            | 8,3                          | K                        | T                          |
| 13           | Nguyễn Trung Hiếu        | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,9                                                             | 6,9    | 7,3     | 7,1         | 8,0     | 5,6     | 8,2     | 5,7            | 7,7                          | K                        | T                          |
| 14           | Lê Thị Tuyết Hồng        | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,7                                                             | 8,9    | 9,5     | 9,6         | 8,1     | 7,9     | 8,4     | 8,8            | 8,7                          | T                        | T                          |
| 15           | Lê Quốc Huy              | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,8                                                             | 6,1    | 7,2     | 6,9         | 7,6     | 6,4     | 8,2     | 7,5            | 8,1                          | K                        | T                          |
| 16           | Nguyễn Khang             | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,1                                                             | 7,1    | 8,5     | 8,1         | 8,1     | 6,2     | 8,6     | 7,4            | 8,0                          | K                        | T                          |
| 17           | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,1                                                             | 7,7    | 7,2     | 8,2         | 8,5     | 5,3     | 8,0     | 6,1            | 8,1                          | K                        | T                          |
| 18           | Trần Thị Kiều My         | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,2                                                             | 8,2    | 6,3     | 6,4         | 7,5     | 5,3     | 7,3     | 4,6            | 6,7                          | Đ                        | T                          |
| 19           | Tăng Bùi Hoàng Nam       | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,7                                                             | 7,1    | 6,4     | 7,8         | 9,0     | 6,9     | 7,9     | 5,9            | 7,7                          | K                        | T                          |
| 20           | Văn Thị Mai Nhi          | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,5                                                             | 7,2    | 8,1     | 8,2         | 8,4     | 6,6     | 8,1     | 6,7            | 8,1                          | K                        | T                          |
| 21           | Trần Ngọc Huỳnh Như      | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,6                                                             | 6,8    | 7,6     | 8,3         | 8,8     | 7,1     | 8,7     | 5,9            | 7,4                          | K                        | T                          |
| 22           | Trương Vĩnh Phú          | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,5                                                             | 8,7    | 7,7     | 7,6         | 7,9     | 5,8     | 8,0     | 4,3            | 7,7                          | Đ                        | T                          |
| 23           | Phạm Hữu Phúc            | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,8                                                             | 7,3    | 9,2     | 8,1         | 9,2     | 6,3     | 8,6     | 6,4            | 7,7                          | K                        | T                          |
| 24           | Trần Thanh Phúc          | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,0                                                             | 6,2    | 8,7     | 6,6         | 8,9     | 6,3     | 8,1     | 5,5            | 7,1                          | K                        | T                          |
| 25           | Lê Thị Kim Phụng         | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,4                                                             | 7,4    | 7,4     | 8,9         | 8,1     | 6,9     | 8,3     | 6,7            | 7,3                          | K                        | T                          |
| 26           | Vô Nguyễn Kiến Quốc      | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,4                                                             | 8,2    | 7,2     | 8,1         | 8,6     | 5,3     | 8,1     | 7,1            | 8,3                          | K                        | T                          |
| 27           | Trần Thị Ngọc Quyền      | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,8                                                             | 6,6    | 7,8     | 7,8         | 7,8     | 6,6     | 8,4     | 6,7            | 7,1                          | K                        | T                          |
| 28           | Đỗ Hoàng Thái            | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,7                                                             | 6,6    | 7,0     | 6,7         | 8,8     | 6,8     | 7,6     | 6,2            | 8,3                          | K                        | T                          |
| 29           | Nguyễn Minh Thái         | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,2                                                             | 6,9    | 6,5     | 7,9         | 7,9     | 5,7     | 8,3     | 5,6            | 6,7                          | K                        | T                          |
| 30           | Nguyễn Thị Trang Thanh   | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,7                                                             | 8,1    | 6,6     | 7,7         | 7,9     | 5,6     | 8,2     | 6,8            | 6,6                          | K                        | T                          |
| 31           | Lê Tiến Thành            | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,1                                                             | 7,2    | 7,1     | 6,1         | 8,4     | 5,8     | 8,1     | 5,5            | 7,6                          | K                        | T                          |
| 32           | Trà Thanh Thiên          | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 9,2                                                             | 8,6    | 9,7     | 8,9         | 9,1     | 7,6     | 9,3     | 8,4            | 8,7                          | T                        | T                          |
| 33           | Nguyễn Đức Thiện         | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,9                                                             | 6,2    | 6,7     | 6,0         | 8,6     | 6,4     | 7,3     | 6,0            | 8,0                          | Đ                        | T                          |
| 34           | Lê Anh Thư               | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,4                                                             | 8,2    | 7,0     | 7,8         | 8,6     | 6,3     | 8,5     | 5,6            | 8,3                          | K                        | T                          |
| 35           | Trần Thùy Trang          | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,7                                                             | 6,8    | 7,5     | 7,2         | 8,6     | 6,7     | 7,3     | 6,6            | 8,3                          | K                        | T                          |
| 36           | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,6                                                             | 8,2    | 8,4     | 8,5         | 8,1     | 7,7     | 8,9     | 7,7            | 8,1                          | T                        | T                          |
| 37           | Nguyễn Thị Quế Trân      | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,5                                                             | 7,5    | 6,6     | 6,3         | 8,3     | 5,5     | 8,2     | 4,5            | 6,4                          | Đ                        | T                          |
| 38           | Lưu Bảo Trúc             | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,5                                                             | 8,2    | 6,8     | 7,4         | 8,1     | 5,2     | 7,0     | 4,6            | 6,4                          | Đ                        | T                          |
| 39           | Nguyễn Nhật Trường       | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,6                                                             | 7,0    | 6,8     | 7,3         | 8,1     | 6,4     | 8,6     | 5,9            | 7,4                          | K                        | T                          |
| 40           | Nguyễn Trung Nhật Trường | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,3                                                             | 7,9    | 7,9     | 7,1         | 8,4     | 6,5     | 9,0     | 7,0            | 7,4                          | K                        | T                          |
| 41           | Phạm Anh Tuyền           | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,1                                                             | 7,7    | 8,0     | 8,0         | 8,7     | 7,0     | 8,0     | 7,2            | 7,9                          | K                        | T                          |
| 42           | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,6                                                             | 6,2    | 7,5     | 7,9         | 7,8     | 6,2     | 8,5     | 7,7            | 7,4                          | K                        | T                          |
| 43           | Bùi Thanh Tùng           | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,3                                                             | 7,5    | 8,9     | 7,8         | 8,4     | 7,2     | 8,8     | 6,7            | 8,0                          | K                        | T                          |
| 44           | Nguyễn Thị Thúy Vân      | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 9,0                                                             | 6,4    | 6,7     | 6,5         | 8,0     | 7,6     | 8,6     | 6,9            | 7,9                          | K                        | T                          |
| 45           | Đỗ Ngọc Vĩ               | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,2                                                             | 6,8    | 7,3     | 7,4         | 8,1     | 6,9     | 8,2     | 5,8            | 8,0                          | K                        | T                          |
| 46           | Nguyễn Hoàng Việt        | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,8                                                             | 7,2    | 7,1     | 7,4         | 8,6     | 6,1     | 8,6     | 7,8            | 8,1                          | K                        | T                          |
| 47           | Nguyễn Thị Vy            | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,1                                                             | 6,8    | 7,6     | 7,4         | 8,3     | 6,4     | 8,8     | 6,0            | 8,7                          | K                        | T                          |

Giáo viên chủ nhiệm

Ký và ghi rõ họ tên

Nguyễn Thị Huyền Trân

# **PHẦN GHI KẾT QUẢ**

## **CUỐI NĂM HỌC**

TỔNG HỢP CẢ NĂM HỌC

| Số TT | Họ và tên                | Mức đánh giá      |                 | Mức đánh giá sau khi rèn luyện trong kì nghỉ hè; kiểm tra, đánh giá lại |                 | Tổng số buổi nghỉ học | Được lên lớp | Không được lên lớp | Khen thưởng   | Tổng hợp chung                                                                                                            |
|-------|--------------------------|-------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------|--------------|--------------------|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|       |                          | Kết quả rèn luyện | Kết quả học tập | Kết quả rèn luyện                                                       | Kết quả học tập |                       |              |                    |               |                                                                                                                           |
| 1     | Nguyễn Hoàng Khánh An    | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               | Tổng số học sinh: 47<br><br>- Được lên lớp: 47 trong đó 0 học sinh Được lên lớp sau khi học tập, rèn luyện thêm trong hè. |
| 2     | Nguyễn Ngọc Trâm Anh     | T                 | T               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    | Học sinh Giỏi |                                                                                                                           |
| 3     | Lê Phạm Tuấn Anh         | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 4     | Ngô Phương Ngọc Ánh      | T                 | K               |                                                                         |                 | 1                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 5     | Trương Vỹ Ân             | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 6     | Ngô Hoài Bảo             | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 7     | Trần Bảo Châu            | T                 | T               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    | Học sinh Giỏi |                                                                                                                           |
| 8     | Trần Đại Thành Công      | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 9     | Đỗ Hoàng Dung            | T                 | T               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    | Học sinh Giỏi |                                                                                                                           |
| 10    | Trần Văn Định            | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 11    | Nguyễn Phước Đức         | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               | - Không được lên lớp: 0<br><br>Giáo viên chủ nhiệm<br>(Ký và ghi rõ họ tên)                                               |
| 12    | Nguyễn Đình Tuấn Hậu     | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 13    | Nguyễn Trung Hiếu        | T                 | Đ               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 14    | Lê Thị Tuyết Hồng        | T                 | T               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    | Học sinh Giỏi |                                                                                                                           |
| 15    | Lê Quốc Huy              | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 16    | Nguyễn Khang             | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               | Nguyễn Thị Huyền Trân<br><br>Hiệu trưởng<br>(Ký tên, đóng dấu)                                                            |
| 17    | Nguyễn Thị Ngọc Loan     | T                 | K               |                                                                         |                 | 2                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 18    | Trần Thị Kiều My         | T                 | K               |                                                                         |                 | 2                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 19    | Tăng Bùi Hoàng Nam       | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 20    | Văn Thị Mai Nhi          | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 21    | Trần Ngọc Huỳnh Như      | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               | Nguyễn Minh Triều                                                                                                         |
| 22    | Trương Vĩnh Phú          | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 23    | Phạm Hữu Phúc            | T                 | K               |                                                                         |                 | 1                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 24    | Trần Thanh Phúc          | T                 | Đ               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 25    | Lê Thị Kim Phụng         | T                 | K               |                                                                         |                 | 1                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 26    | Võ Nguyễn Kiến Quốc      | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 27    | Trần Thị Ngọc Quyền      | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 28    | Đỗ Hoàng Thái            | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 29    | Nguyễn Minh Thái         | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 30    | Nguyễn Thị Trang Thanh   | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 31    | Lê Tiến Thành            | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 32    | Trà Thanh Thiên          | T                 | T               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    | Học sinh Giỏi |                                                                                                                           |
| 33    | Nguyễn Đức Thiện         | T                 | Đ               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 34    | Lê Anh Thư               | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 35    | Trần Thùy Trang          | T                 | Đ               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 36    | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | T                 | T               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    | Học sinh Giỏi |                                                                                                                           |
| 37    | Nguyễn Thị Quế Trân      | T                 | Đ               |                                                                         |                 | 1                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 38    | Lưu Bảo Trúc             | T                 | K               |                                                                         |                 | 1                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 39    | Nguyễn Nhật Trường       | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 40    | Nguyễn Trung Nhật Trường | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 41    | Phạm Anh Tuyền           | T                 | K               |                                                                         |                 | 1                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 42    | Nguyễn Ngọc Bích Tuyền   | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 43    | Bùi Thanh Tùng           | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 44    | Nguyễn Thị Thúy Vân      | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 45    | Đỗ Ngọc Vĩ               | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 46    | Nguyễn Hoàng Việt        | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 47    | Nguyễn Thị Vy            | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG  
VỀ SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

| Tháng    | Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ | Ký tên, đóng dấu  |
|----------|-------------------------------|-------------------|
| Tháng 9  | Đầy đủ, đúng quy định         | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 10 | Đầy đủ, đúng quy định         | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 11 | Đầy đủ, đúng quy định         | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 12 | Đầy đủ, đúng quy định         | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 1  | Đầy đủ, đúng quy định         | Nguyễn Minh Triều |

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG VỀ  
SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

| Tháng   | Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ | Ký tên, đóng dấu  |
|---------|-------------------------------|-------------------|
| Tháng 2 | Đầy đủ, đúng quy định         | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 3 | Đầy đủ, đúng quy định         | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 4 | Đầy đủ, đúng quy định         | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 5 | Đầy đủ, đúng quy định         | Nguyễn Minh Triều |
|         |                               |                   |